NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ

Chân trời sáng tạo

NGỮ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

7

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ

NGỮ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

7

TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

mgvanthcs.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Ngữ văn 7, bộ sách *Chân trời sáng tạo* là tài liệu hướng dẫn cách tổ chức dạy học cho SGK *Ngữ văn 7, Chân trời sáng tạo*. Sách gồm 2 tập.

Tập một gồm hai phần, *Phần I: Những vấn đề chung*, *Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài.*

Trong *Phần I: Những vấn đề chung*, trình bày các cơ sở của việc biên soạn SGK (các nghị quyết, thông tư về đổi mới CT, SGK phổ thông của Quốc hội và Bộ GD & ĐT); những điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 7*; cấu trúc sách và cấu trúc bài học.

Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài, từ bài 1 đến bài 5. Những hướng dẫn này là sự triển khai cụ thể của các phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học đã trình bày trong *Phần I*. Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm ba mục lớn: *Yêu cầu cần đạt; Phương pháp, phương tiện dạy học* và *Tổ chức các hoạt động học*.

Tập hai, sách trình bày *Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài*, từ bài 6 đến bài 10. Các hướng dẫn trong mỗi bài học tiếp tục thể hiện các phương pháp, kĩ thuật dạy học đã được thể hiện trong *Phần I* của tập một.

Trên nguyên tắc chia sẻ, mang tính hướng dẫn, gợi ý, chúng tôi mong rằng *Sách giáo viên Ngữ văn 7*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* sẽ hỗ trợ quý thầy cô thực hiện CT, sách giáo khoa mới hiệu quả.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

	Trang
Bài 6: HÀNH TRÌNH TRI THỨC	5
Bài 7: TRÍ TUỆ DÂN GIAN	23
Bài 8: NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT	39
Bài 9: TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG	62
Bài 10: LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH	85

Chân trời sáng tạo

BÀI 6: HÀNH TRÌNH TRI THỨC

(12 tiết)

(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 3 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nhận biết và chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

– Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

– Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong VB.

– Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

– Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

– Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Phương pháp thuyết minh và phương pháp đàm thoại gợi mở: GV sử dụng để giúp HS hình thành tri thức Ngữ văn.

– Phương pháp làm mẫu: GV sử dụng để minh hoạ các kĩ thuật đọc, làm mẫu trong các hoạt động viết, nói và nghe; GV có thể sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think – aloud) để giúp HS hình thành các kĩ năng đọc.

– Phương pháp hợp tác: Hướng dẫn HS thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để trả lời các câu hỏi ở phần *Đọc* (*Chuẩn bị, Suy ngẫm và phản hồi*).

– Phương pháp đóng vai: GV có thể tổ chức buổi toạ đàm, buổi tranh luận cho HS đóng vai để trình bày bài viết hoặc thực hành nói và nghe.

2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phản hồi về VB) trong SGK thành phiếu học tập; chuẩn bị phiếu học tập hướng dẫn quy trình viết, phiếu học tập hướng dẫn quy trình nói – nghe.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể giới thiệu chủ điểm bài học qua những gợi ý sau:

Cách 1: GV gợi dẫn vào bài học bằng cách nêu một danh ngôn về việc học, chẳng hạn: "Việc học như đi thuyền trên dòng nước ngược, nếu không tiến ắt lùi" (ngạn ngữ Trung Quốc), "Học, học nữa, học mãi" (Lê-nin), "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào" (ngạn ngữ Hi Lạp). GV có thể hỏi HS về ý nghĩa của những câu danh ngôn ấy, từ đó yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân về việc học. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu chủ điểm bài học và câu hỏi lớn.

Cách 2: GV giới thiệu chủ điểm bài học thông qua câu chuyện về gương hiếu học, ví dụ: "Bác học không có nghĩa là ngừng học" kể về Chác Đác-uyn (Charles Darwin). Sau khi kể chuyện, GV có thể đặt một số câu hỏi cho HS: *Tại sao Đác-uyn dù đã lớn tuổi nhưng vẫn tiếp tục học? Theo em, việc học của mỗi người có lúc nào dừng lại không? Vậy việc học có ý nghĩa gì với chúng ta?* Từ đó, GV thuyết minh, diễn giảng, giới thiệu chủ điểm bài học và câu hỏi lớn.

Cách 3: GV giới thiệu chủ điểm bài học bằng cách tổ chức cho HS thảo luận nhanh về câu hỏi lớn của bài học: "*Tri thức có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống của chúng ta?*". GV có thể sử dụng kĩ thuật thảo luận nhóm đôi để khơi gợi HS trả lời.

Lưu ý: Đối với câu hỏi lớn, GV không chốt đáp án đúng sai, cũng như không đưa ra kết luận cuối cùng, những ý kiến của HS sẽ được lưu lại và tiếp tục tìm tòi, khám phá xuyên suốt các nội dung bài học.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Nghị luận xã hội

Tri thức đọc hiểu sẽ được dạy trong tiết dạy VB *Tự học – một thú vui bổ ích*. Ở đây, GV cần giúp HS hiểu được khái niệm VB nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) và các đặc điểm của kiểu VB này.

Tri thức đọc hiểu trong bài này được phát triển từ những tri thức đọc hiểu về văn nghị luận trong chương trình *Ngữ văn 6*, cụ thể như sau:

Nội dung bài học	Ngữ văn 6	Bài *Hành trình tri thức*	Sự phát triển về kiến thức
Khái niệm về thể loại	Nhận biết khái niệm văn nghị luận	Nhận biết khái niệm VB nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội)	Đi từ khái niệm chung (văn nghị luận) đến khái niệm cụ thể hơn (VB nghị luận về một vấn đề đời sống)
Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận	Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này (trong văn nghị luận nói chung)	Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này (trong VB nghị luận về một vấn đề đời sống)	Nhận ra các yếu tố ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong loại VB cụ thể (nghị luận xã hội)

Như vậy, trong quá trình giảng dạy, GV cần nắm được những tri thức HS đã biết, những tri thức HS chưa biết để thiết kế các hoạt động "bắc giàn" nhằm hình thành kiến thức mới. Cụ thể, GV có thể thiết kế một số hoạt động khởi động để kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về văn nghị luận HS đã học ở lớp 6 như: tổ chức trò chơi ô chữ, nhanh như chớp, hỏi nhanh đáp nhanh, câu hỏi trắc nghiệm, dạng bài tập nối cột, điền khuyết,...

Để hình thành tri thức mới, GV có thể cho HS đọc to thông tin trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS, chẳng hạn:

1. VB nghị luận về một vấn đề đời sống viết ra để làm gì?

2. VB nghị luận về một vấn đề đời sống có đặc điểm gì?

Những tri thức này sẽ tiếp tục được hình thành trong quá trình HS đọc các VB 1, 2 và 4 cho nên ở bước này, GV không cần giảng giải quá chi tiết. Trong quá trình đọc VB, HS sẽ đối chiếu lại với các nội dung của mục *Tri thức đọc hiểu* để trả lời các câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*, từ đó khắc sâu tri thức về thể loại.

2. Liên kết trong văn bản: đặc điểm và chức năng

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi đọc VB 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc văn nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội)

Mục tiêu chính về việc dạy kĩ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kĩ năng đọc thể loại VB nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội). GV cần lưu ý HS một số điểm như sau:

– Nhận biết được đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống.

– Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

– Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

– Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

2. Kĩ năng theo dõi

Kĩ năng đọc chủ yếu trong bài này là kĩ năng theo dõi.

Kĩ năng theo dõi là đọc lại những đoạn đã đọc để đánh giá lại cách hiểu của bản thân (chỗ nào đã hiểu, chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng) nhằm điều chỉnh, kiểm soát sự hợp lí của những ý nghĩa HS tạo ra cho VB.

Kĩ năng theo dõi được hình thành thông qua những câu hỏi trong khi đọc, nhằm giúp HS kiểm soát quá trình đọc và nhận biết một số thông tin trong VB. Những câu hỏi theo dõi ở phần *Trải nghiệm cùng VB* sẽ liên kết với một số câu hỏi trong phần *Suy ngẫm và phản hồi* để hỗ trợ HS trả lời những câu hỏi ấy.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống.	3, 4
Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	1, 3, 4
Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.	2
Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.	5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Các câu hỏi trong phần chuẩn bị đọc nhằm mục đích kích hoạt kiến thức nền của HS về chủ đề VB (việc tự học). GV có thể hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến thông qua hoạt động thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) hoặc sử dụng kĩ thuật động não, sử dụng giấy ghi chú.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV hướng dẫn HS đọc VB và trả lời câu hỏi trong khi đọc (câu hỏi theo dõi và câu hỏi suy luận). GV có thể mời HS đọc thành tiếng hoặc để HS đọc thầm. Khi hướng dẫn HS đọc thành tiếng, GV có thể nhắc HS chú ý ngữ điệu đọc cho phù hợp với văn nghị luận.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này là hướng dẫn HS nhận biết được những yếu tố trong văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này; đặc điểm của VB nghị luận về vấn đề đời sống; chỉ ra mối liên hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

GV có thể hướng dẫn HS đọc VB và trả lời các câu hỏi tại lớp hoặc GV thiết kế hệ thống phiếu học tập, sau đó giao việc cho HS chuẩn bị trước các câu hỏi này theo nhóm ở nhà. Như vậy, khi đến lớp, GV yêu cầu HS trình bày kết quả chuẩn bị của mình và đi sâu vào giải đáp những câu hỏi mà HS gặp khó khăn khi thực hiện ở nhà.

Câu 1: Nhằm giúp HS xác định mục đích của VB. VB nghị luận được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết, cho nên, để xác định mục đích của VB, GV có thể đặt câu hỏi: *VB viết ra nhằm thuyết phục chúng ta về điều gì?*

Gợi ý trả lời: VB *Tự học – một thú vui bổ ích* được viết ra để thuyết phục người đọc về ích lợi của việc tự học.

Câu 2: Câu hỏi này nhằm mục đích giúp HS nhận biết ý kiến, lí lẽ, bằng chứng của VB và mối liên hệ giữa các yếu tố này. Để trả lời câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS 2 thao tác: (1) Nhận biết ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; (2) Vẽ sơ đồ chỉ ra mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng dựa vào sơ đồ trong SGK.

– Hướng dẫn HS nhận biết ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB: GV hướng dẫn HS nhận biết ý kiến của người viết trong VB bằng thao tác đọc quét, xác định câu chủ đề. GV lưu ý HS chú ý đến những câu văn đầu đoạn hoặc cuối đoạn (câu chủ đề). Trong VB này, ý kiến của người viết thể hiện qua các câu văn sau:

"Trước hết, cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy."

"Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu."

"Quan trọng hơn cả, tự học còn là một thú vui rất thanh nhã nó nâng cao tâm hồn ta lên."

Với mỗi ý kiến HS tìm được, GV hướng dẫn HS khoanh vùng đoạn VB triển khai lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến và hướng dẫn HS xác định câu văn nêu lí lẽ, câu văn nêu ý kiến.

Chẳng hạn, với ý kiến: "cái thú tự học cũng giống như cái thú đi bộ ấy", GV hướng dẫn HS tìm lí lẽ, bằng chứng trong đoạn "Trước hết … thi vị", và chỉ ra những câu văn nêu lí lẽ, những câu văn nêu bằng chứng.

– Trên cơ sở nhận biết ý kiến, lí lẽ, bằng chứng của VB, GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ để thể hiện mối liên hệ giữa các yếu tố này. Nội dung trong sơ đồ cần ngắn gọn, súc tích, tránh chép lại những câu văn đã tìm mà cần diễn đạt ngắn gọn bằng ngôn ngữ của HS. Sau đây là gợi ý về sơ đồ thể hiện mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB *Tự học – một thú vui bổ ích*:

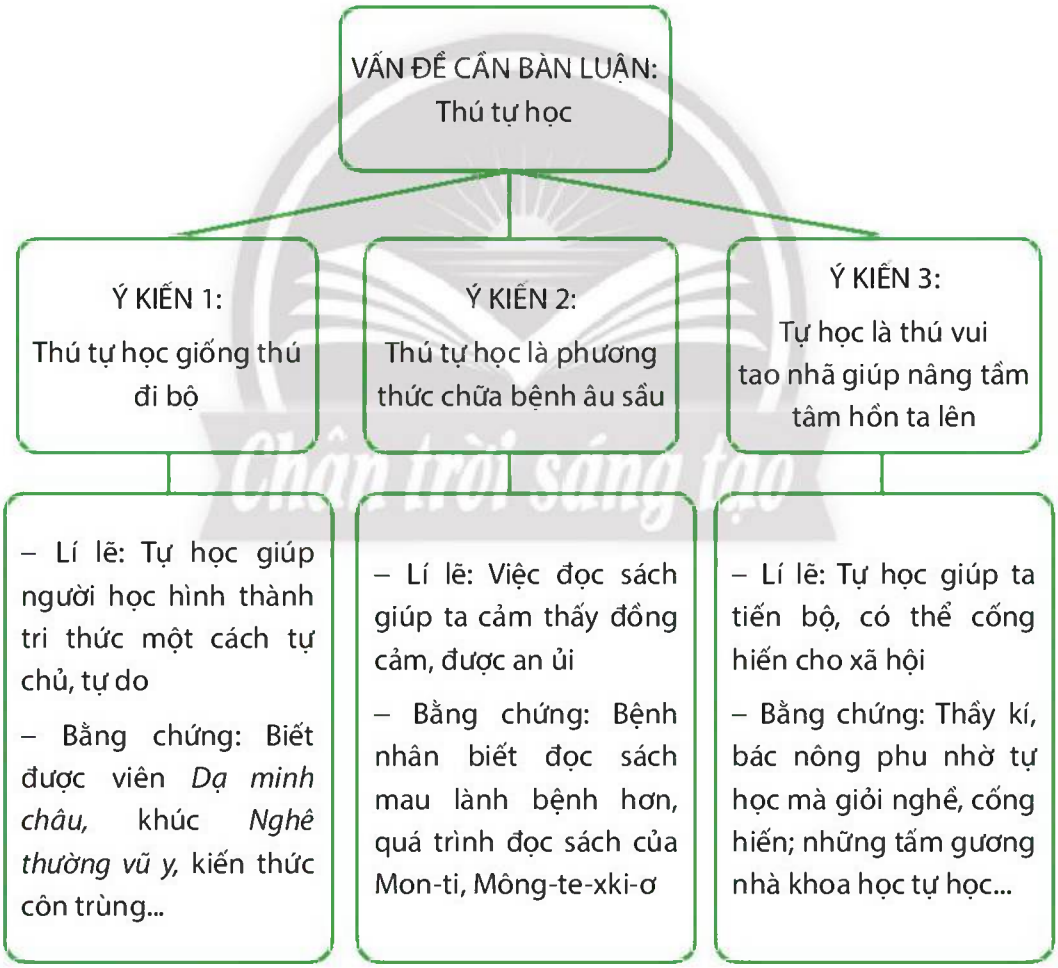

Câu 3: Câu hỏi này nhằm giúp HS nhận ra mối liên hệ giữa đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống với mục đích VB, cụ thể ở đây là đặc điểm thứ hai: đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến của người viết. Để trả lời được câu hỏi này,

GV hướng dẫn HS: (1) Chỉ ra những bằng chứng trong đoạn trích; (2) Nhận xét về những bằng chứng này; (3) Lí giải nguyên nhân những bằng chứng này có thể làm tăng sức thuyết phục cho VB. Sau đây là gợi ý trả lời:

– Đoạn trích có hai bằng chứng. Bằng chứng thứ nhất về thầy kí, bác nông phu là những sự việc tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống, khẳng định một điều đúng đắn rằng dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội. Bằng chứng thứ hai là về các nhà khoa học nổi tiếng có sức ảnh hưởng và quá trình tự học của họ. Đặc điểm chung của 2 bằng chứng này là: nhiều người biết, đáng tin cậy, được số đông thừa nhận.

– Chính bởi vì nhiều người biết, đáng tin cậy, được số đông thừa nhận, nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận, nhờ đó thực hiện mục đích của VB đó là thuyết phục người đọc về những ích lợi của việc tự học.

Câu 4: Câu hỏi này nhằm giúp HS nhận ra đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống. GV hướng dẫn HS đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn* để chỉ ra một số dấu hiệu, chẳng hạn: VB thể hiện thái độ đề cao, đồng tình của người viết với việc tự học, VB đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến (dựa vào sơ đồ HS đã thực hiện ở câu 1), các lí lẽ, ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí để người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học (các từ như *trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả* giúp người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học được sắp xếp tăng dần theo mức độ quan trọng).

Câu 5: Câu hỏi này nhằm giúp HS liên hệ những trải nghiệm của bản thân để hiểu ý kiến, vấn đề nêu ra trong VB. GV có thể sử dụng kĩ thuật thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) hoặc động não bằng giấy ghi chú để hướng dẫn HS trả lời. GV cũng có thể cụ thể hoá vấn đề bằng một tình huống thực tế để HS trả lời câu hỏi, chẳng hạn: "Giả sử một bạn HS chủ động tìm đến thầy cô để được hướng dẫn những vấn đề mà bạn ấy tìm tòi, nghiên cứu ở nhà, thì như thế có được tính là tự học không?", "Theo em, có thể tự học thành công mà hoàn toàn không cần sự trợ giúp của người khác không?". Với câu hỏi này, GV cần định hướng HS: Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai, mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập, chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả. GV có thể cho HS thảo luận tìm ý tại lớp, sau đó về nhà viết đoạn văn và chia sẻ sản phẩm vào buổi học sau.

VĂN BẢN 2: *BÀN VỀ ĐỌC SÁCH*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống.	3, 4
Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	1
Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.	2
Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.	5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Câu hỏi chuẩn bị đọc nhằm kích hoạt kiến thức nền của HS về cách đọc sách (kết nối với chủ đề VB). GV tổ chức giờ dạy giống như VB 1.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức giờ dạy giống như VB 1.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này là hướng dẫn HS nhận biết được những yếu tố trong văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này; đặc điểm của VB nghị luận về vấn đề đời sống; chỉ ra mối liên hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. GV tổ chức giờ dạy giống như với VB 1.

Câu 1: Câu hỏi này nhằm giúp HS xác định mục đích viết của VB. VB bàn về đọc sách được viết nhằm mục đích thuyết phục người đọc về 2 vấn đề: (1) Tầm quan trọng của việc đọc sách; (2) Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc.

Câu 2: Câu hỏi này nhằm mục đích giúp HS nhận ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong VB và chỉ ra mối liên hệ giữa các yếu tố này. GV tham khảo cách dạy câu hỏi 1 của VB 1. Sau đây là gợi ý:

Ý kiến	Lí lẽ và bằng chứng
Ý kiến 1: Học vấn không chỉ là việc của cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.	– *Lí lẽ:* Các thành quả của nhân loại đã được tích luỹ từ đâu, nếu không tiếp thu ta sẽ bị tụt hậu. – *Bằng chứng:* Học vấn, tri thức của nhân loại đều được lưu trữ trong sách vở, lưu truyền lại để không bị vùi lấp.

Ý kiến 2: Lịch sử càng tiến lên, di sản tinh thần nhân loại càng phong phú, sách vở tích luỹ càng nhiều, thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ.	– *Lí lẽ 1:* Sách nhiều khiến người ta đọc không chuyên sâu. – *Bằng chứng 1:* Cách học hiệu quả của người xưa và cách học không hiệu quả, không đọng lại gì. – *Lí lẽ 2:* Sách nhiều dễ khiến người ta lạc hướng. – *Bằng chứng 2:* Cách đọc tham số lượng mà không vì thực chất.
Ý kiến 3: Đọc sách không cốt lấy nhiều, mà phải chọn cho tinh, cho kĩ.	– *Lí lẽ:* Nghiền ngẫm, đọc kĩ sẽ phát triển tư duy, hình thành phẩm chất. – *Bằng chứng:* Lời răn của người xưa trong việc đọc sách; cách đọc sách qua loa để trang trí bộ mặt của bản thân.

Câu 3: Câu hỏi này nhằm giúp HS nhận ra mối liên hệ giữa đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống và mục đích viết, cụ thể là: các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Để HS nhận ra mối liên hệ giữa đặc điểm này với mục đích viết, GV cần liên hệ với câu hỏi 3. Ở đoạn văn thứ hai, việc tác giả sắp xếp theo trình tự "một là…", "hai là…" nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận ra các lí lẽ, điều này giúp tăng sức thuyết phục cho VB.

Câu 4: Câu hỏi này nhằm hướng đến giúp HS liên hệ những trải nghiệm của bản thân trong việc hiểu ý kiến, vấn đề nêu ra trong VB và nhìn nhận vấn đề được nêu trong VB ở góc nhìn khác. Vấn đề mà VB đề cập đó là tầm quan trọng của việc đọc sâu, đọc kĩ; tuy vậy, để tích luỹ tri thức, số lượng sách và tốc độ đọc cũng rất quan trọng, để có thể tích luỹ những tri thức cần thiết nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống. Do đó, bên cạnh việc đọc sâu, đọc kĩ, người đọc sách cần trang bị những kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt, xác định mục tiêu đọc và có cách đọc phù hợp (đọc để nắm bắt thông tin khác với đọc để nghiên cứu, hay đọc để giải trí khác đọc để nghiền ngẫm…).

Câu 5: Câu hỏi này giúp HS chuyển hoá kết quả đọc thành một sản phẩm sáng tạo. GV có thể thống nhất tiêu chí đánh giá sản phẩm (dưới dạng bảng kiểm hoặc rubric) và hướng dẫn HS thiết kế áp phích. Các sản phẩm thiết kế có thể được trưng bày trong phòng tranh của lớp trên nền tảng online hoặc trưng bày tại góc học tập của lớp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *TÔI ĐI HỌC*

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Tự học – một thú vui bổ ích* và *Bàn về đọc sách* để hiểu hơn về chủ điểm *Hành trình tri thức*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS dựa vào nhan đề để đoán nội dung VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc VB.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Cách tổ chức hoạt động đọc tương tự như hai bài đọc trên.

Câu 1: Những phép so sánh dùng để diễn tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật "tôi":

– *Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*

So sánh cảm xúc khi nhớ về buổi tựu trường với "cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng". Phép so sánh này diễn tả niềm vui, sự náo nức trong trẻo trong tâm hồn của nhân vật "tôi" khi nhớ lại những kỉ ức mơn man của buổi tựu trường.

– *Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí óc tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.*

So sánh những "ý nghĩa thoáng qua trong trí óc" với "làn mây lướt ngang trên ngọn núi". Phép so sánh này diễn tả những suy nghĩ thoáng qua mơ hồ đầy non nớt của nhân vật "tôi" khi lần đầu tiên đi học, với đầy những bỡ ngỡ.

Câu 2: Sự thay đổi tâm trạng của nhân vật "tôi" khi vào lớp: không còn cảm thấy bỡ ngỡ, sợ sệt, mà cảm thấy mọi thứ trong lớp học thân quen, quyến luyến. Sự thay đổi tâm trạng ấy là do thầy giáo tiếp đón các em HS một cách ân cần, nhiệt tình, cách bài trí lớp học, bàn ghế, bạn bè rất ấm áp, thân thiện khiến nhân vật "tôi" cảm thấy yên tâm, quyến luyến, quen thuộc.

Câu 3: Cụm từ "tôi đi học" gợi ra ý nghĩa:

– Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học, với sự trân trọng, nâng niu.

– Gợi tới những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng tri thức, trân trọng việc học tập (liên hệ với chi tiết: "Tôi đi học" là bài học đầu tiên nhân vật "tôi" được học khi bước vào ngôi trường mới).

Câu 4: GV sử dụng kĩ thuật thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để HS chia sẻ kỉ ức ngày đầu tiên đi học. Để HS tự tin và mở lòng khi chia sẻ, GV có thể bắt đầu hoạt động bằng cách chia sẻ kỉ ức đáng nhớ những ngày đầu tiên đi học của mình, rồi sau đó khơi gợi HS tiếp nối.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong VB.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* trong SGK để giúp HS hình thành kiến thức về liên kết trong VB. Ở đây, có hai nội dung GV cần nhấn mạnh:

– Liên kết là một trong những tính chất quan trọng của VB, có tác dụng làm cho VB trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.

– 4 phép liên kết: phép lặp từ ngữ; phép thế; phép nối; phép liên tưởng. GV giúp HS nhận diện các biện pháp liên kết này bằng cách phân tích ví dụ trong SGK. Để giúp HS dễ dàng khắc sâu kiến thức, GV có thể dạy xen kẽ lí thuyết – thực hành tiếng Việt theo gợi ý như sau: Phép lặp từ ngữ – bài tập 1; phép thế – bài tập 2; phép nối – bài tập 3; phép liên tưởng – bài tập 4; liên kết văn bản – bài tập 5.

– Liên kết câu và liên kết đoạn: Để minh hoạ ví dụ được nêu trong *Tri thức tiếng Việt*, GV hướng dẫn HS đọc lại VB *Tự học – một thú vui bổ ích*. GV kết nối đơn vị kiến thức này với bài tập 6.

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Để hướng dẫn HS xác định biện pháp liên kết trong các đoạn trích, GV có thể hướng dẫn HS đánh số câu, xác định biện pháp liên kết và chỉ ra từ ngữ thể hiện biện pháp liên kết ấy.

Ví dụ với câu a:

Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy (1). Tự học cũng như một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian (2).

➔ Câu (1) liên kết với câu (2) bởi phép lặp từ ngữ, thể hiện qua cụm từ "tự học".

GV thực hiện tương tự với các bài tập sau.

b. *sách*

c. *Tôi nhìn*

Bài tập 2: Phép thế trong các đoạn trích:

a. *Nó* thay thế cho *sách*.

b. *Con đường này* thay thế cho *con đường làng dài và hẹp*.

c. *Họ* thay thế cho *mấy cậu học trò mới*.

Bài tập 3: Phép nối trong các đoạn trích:

Chân trời sáng tạo

a. *Nhưng*

b. *một là, hai là,*

Bài tập 4: Phép liên tưởng trong các đoạn trích:

a. *lớp, hình treo trên tường, bàn ghế* (trường liên tưởng: lớp học).

b. *chán đời, nỗi đau khổ* (trường liên tưởng: bệnh âu sầu).

c. *kẻ giẫm lên vai người khác để thoả mãn lòng ích kỉ, kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai mình.* (trường liên tưởng: quan điểm về kẻ mạnh).

Bài tập 5: Để giải bài tập này, GV lưu ý HS tìm các phép liên kết sử dụng ở hai đoạn khác nhau. Các biện pháp liên kết được dùng để liên kết hai đoạn văn là:

– Phép nối: *trước hết, hơn nữa.*

– Phép lặp: *tự học.*

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG*

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

– Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

– Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

– Nêu được những trải nghiệm trong đời sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

2. Thực hành đọc

Dựa vào hai VB *nghị luận về một vấn đề đời sống* đã đọc, GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc văn nghị luận để đọc VB này ở nhà, dựa vào phần hướng dẫn trong SGK.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

1. Yêu cầu cần đạt

– Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

Chân trời sáng tạo

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Để dạy tri thức về kiểu VB, GV cần lưu ý, kiểu bài *Nghị luận về một vấn đề trong đời sống* được phát triển tiếp nối từ kiểu bài *Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống*, trong *Ngữ văn 6*, cho nên sẽ có những đơn vị kiến thức là kế thừa từ *Ngữ văn 6*, và có những đơn vị kiến thức mới. Cụ thể như sau:

	Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống (Ngữ văn 6)	**Nghị luận về một vấn đề trong đời sống**	**Nhận xét về sự phát triển của kiến thức**
Đề tài	Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bao gồm cả hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lí).	Ở chương trình *Ngữ văn 7*, đề tài rộng hơn và bao quát hơn, bên cạnh những hiện tượng đời sống thì đó còn có thể là vấn đề về tư tưởng, lối sống, bàn luận về câu danh ngôn, tục ngữ,...
Nội dung cần triển khai trong thân bài	HS đưa ra ý kiến về hiện tượng, trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.	– HS cần giải thích được vấn đề cần bàn luận. – HS đưa ra ý kiến về vấn đề (đồng ý, phản đối, khen, chê,...), trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến. Lí lẽ, bằng chứng cần thuyết phục. – HS lật lại vấn đề để có cái nhìn toàn vẹn về vấn đề cần bàn luận.	– *Ngữ văn 7* kế thừa và phát triển cho HS kĩ năng đưa ra ý kiến, trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. – *Ngữ văn 7* yêu cầu cao hơn về lí lẽ, bằng chứng: HS cần biết thế nào là lí lẽ, bằng chứng thuyết phục và biết cách triển khai lí lẽ, bằng chứng cho đa dạng, thuyết phục. – Bố cục bài viết trong chương trình *Ngữ văn 7* phức tạp hơn: có thêm phần giải thích và phần lật lại vấn đề.

Như vậy, trước khi dạy tri thức về kiểu bài, GV cần tổ chức hoạt động kích hoạt kiến thức nền của HS về ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, bố cục bài viết của kiểu bài *Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống* (*Ngữ văn 6*).

Khi dạy tri thức về kiểu bài *Nghị luận về một vấn đề trong đời sống* (*Ngữ văn 7*), GV dựa vào nội dung trong SGK, đồng thời cần nhấn mạnh những yêu cầu mới của kiểu bài này so với những gì HS đã biết ở chương trình *Ngữ văn 6*.

Những yêu cầu mới trong chương trình *Ngữ văn 7* sẽ được hướng dẫn cụ thể trong quy trình viết, như vậy khi hướng dẫn HS viết theo quy trình, GV cũng cần nhấn mạnh những nội dung này.

3. Phân tích kiểu văn bản

GV cho HS lần lượt đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trên từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn để HS nhận ra đặc điểm của kiểu VB.

Sau đó, cho HS thảo luận, trả lời các câu hỏi sau VB mẫu để tiếp tục hiểu rõ đặc điểm của kiểu VB.

4. Viết theo quy trình

GV hướng dẫn HS theo quy trình viết, có thể cho HS xác định đề tài, sau đó chọn một đề tài để làm mẫu quy trình viết. Dựa vào phần làm mẫu trên lớp của GV, HS về nhà thực hiện bài viết với đề tài mà mình tự chọn. Để thuận lợi cho HS khi thực hiện quy trình viết, GV có thể thiết kế phiếu học tập bổ trợ.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, mục đích, người đọc

GV có thể sử dụng phương pháp phát vấn và đàm thoại để hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi sau: *VB này viết nhằm mục đích gì? Người đọc bài viết này có thể là ai?*

GV sử dụng kĩ thuật động não bằng giấy ghi chú để giúp HS có ý tưởng về các đề tài có thể viết. Cách làm như sau:

– Chia lớp ra làm ba nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những vấn đề đáng quan tâm để viết. GV chia bảng thành ba cột:

Nhóm 1: Những hiện tượng đời sống (trong gia đình, trong nhà trường, trong xã hội,…).	*Nhóm 2:* Những vấn đề về lối sống, tư tưởng.	*Nhóm 3:* Những danh ngôn, tục ngữ có ý nghĩa với em.
…	…	…

– Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS sẽ ghi lên tờ giấy ghi chú của mình một vấn đề mà mình quan tâm, sau đó mang lên bảng và dán vào cột tương ứng với nhóm mình.

– Sau khi HS dán xong, GV đọc các tờ ghi chú trên bảng. Những ý tưởng nào trùng nhau thì ta chỉ giữ lại một tờ giấy ghi chú.

Sau đó, GV nhận xét các ý kiến của HS và lưu ý HS: bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những vấn đề có ý nghĩa với bản thân và xã hội, những vấn đề đang có những ý kiến trái chiều. GV chỉ ra những ý kiến nào của HS đáp ứng các tiêu chí này.

Những ý tưởng đã được dán trên bảng sẽ là gợi ý để HS có thể lựa chọn đề tài để triển khai bài viết ở nhà.

GV chọn một đề tài để làm mẫu các bước sau trong quy trình viết.

Thu thập tư liệu

GV hướng dẫn HS thu thập tư liệu dựa vào mẫu trong SGK. GV có thể làm mẫu một vài mục tư liệu để HS hình dung cách làm. Ở bước thu thập tư liệu, GV cần nhấn mạnh mục đích và ý nghĩa của việc thu thập tư liệu, đó là: việc thu thập tư liệu giúp gợi ra cho em những ý tưởng về vấn đề cần bàn luận, thông qua việc đồng tình hay phản đối ý kiến của những người viết khác. Cần tránh việc sao chép ý tưởng, lí lẽ, bằng chứng của người khác.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

GV hướng dẫn HS tìm ý dựa vào sơ đồ trong SGK. GV có thể làm mẫu một sơ đồ dựa trên đề tài mình chọn để HS hình dung cách làm.

Lập dàn ý

GV có thể hướng dẫn HS lập dàn ý dựa vào bảng sau:

MỞ BÀI	– Vấn đề tôi cần bàn luận: ..... – Ý kiến của tôi: .....
THÂN BÀI	*1. Giải thích:* – Từ ngữ, khái niệm: ..... – Ý nghĩa cả câu (nếu bàn về danh ngôn, tục ngữ): ..... *2. Bàn luận:* – Khẳng định ý kiến của tôi:..... – Lí lẽ 1:..... – Bằng chứng 1:..... – Lí lẽ 2:..... – Bằng chứng 2:..... *3. Lật lại vấn đề:* Tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi sau: – Ở chiều hướng ngược lại, cần bổ sung gì cho ý kiến của tôi hay không? ..... – Vấn đề có ngoại lệ hay không? ..... – Những ý kiến trái chiều tôi cần trao đổi trong bài viết: .....
KẾT BÀI	– Khẳng định lại ý kiến: ..... – Giải pháp, bài học nhận thức, phương hướng hành động của tôi: ....

Chân trời sáng tạo

Bước 3: Viết bài

Cho HS viết tại lớp hay viết ở nhà tuỳ vào phân bố thời gian của GV cho hoạt động viết. Ở phần này, GV cần nhấn mạnh vào đơn vị kiến thức: *Thế nào là một lí lẽ, bằng chứng thuyết phục? Làm thế nào để triển khai phần lí lẽ, bằng chứng được thuyết phục?*

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Bước này có thể thực hiện qua các hoạt động:

– Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn bè.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

2. Thực hành nói và nghe

Để dạy phần nói và nghe này, GV cần lưu ý: *Kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống* HS đã được học ở *Ngữ văn 6*. Trong chương trình *Ngữ văn 7*, có thêm ba yêu cầu:

– Nêu rõ ý kiến về vấn đề cần bàn luận.

– Đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

– Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

Do vậy, khi hướng dẫn quy trình nói và nghe, GV cần nhấn mạnh vào những nội dung này trong SGK. Các nội dung này sẽ được GV hướng dẫn kĩ lưỡng bước chuẩn bị, và sẽ được GV quan sát, ghi nhận, góp ý trong quá trình HS thực hành nói và nghe.

2.1. Khởi động

GV tổ chức hoạt động kích hoạt kiến thức nền của HS về hoạt động *Trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống*: Tầm quan trọng của việc trình bày ý kiến; các bước trong quy trình nói và nghe; một số lưu ý, kinh nghiệm khi trình bày ý kiến,...

2.2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói

GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói dựa trên phiếu học tập sau:

CHUẨN BỊ BÀI NÓI TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

Vấn đề, hiện tượng tôi sẽ trình bày: .....

Ý kiến của tôi: .....

Bước 1: Xác định đề tài, không gian và thời gian nói

Yếu tố	Dự kiến của tôi	Cách thức trình bày phù hợp
Mục đích bài nói		
Người nghe		
Thời gian		
Không gian		

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Những phương tiện phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng để tăng sức thuyết phục cho bài nói:

.....

.....

.....

Lập dàn ý dựa vào sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG Ý

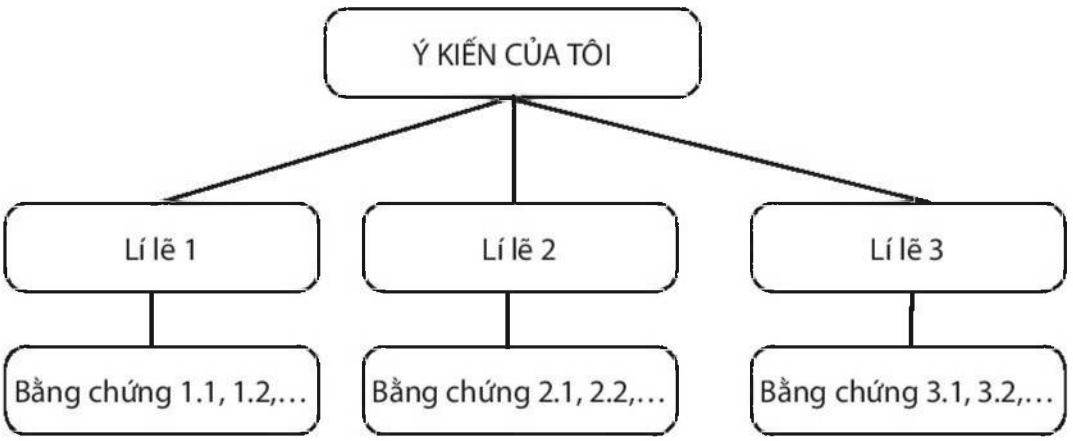

Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi:

Chân trời sáng tạo

STT	Dự kiến ý kiến phản biện của người nghe	Phản hồi của tôi
1		
2		
3		

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Những cách trình bày hấp dẫn:

.....

.....

.....

Dự kiến phần mở đầu:

.....

.....

.....

Dự kiến phần kết:

.....

.....

.....

2.3. Tổ chức cho học sinh thực hành nói – nghe

GV chọn HS trình bày bài nói (GV có thể để HS tự nguyện xung phong hoặc tổ chức bốc thăm, trò chơi "con số ngẫu nhiên" để chọn HS trình bày,...).

Khi tổ chức HS trình bày, GV cũng đồng thời thiết kế nhiệm vụ để hướng dẫn HS rèn luyện kĩ năng nghe. GV yêu cầu HS lắng nghe phần trình bày của bạn mình và đánh giá phần thể hiện của bạn dựa theo những tiêu chí được đề xuất trong SGK. GV nên thiết kế các tiêu chí thành dạng bảng kiểm để HS vừa nghe, vừa đánh giá kết quả trình bày của bạn. Khi HS nghe, GV có thể nhắc nhở các em sử dụng giấy ghi chú để ghi lại những vấn đề liên quan đến bài trình bày làm căn cứ cho việc đánh giá; ghi lại những câu hỏi/ nội dung cần trao đổi với người nói khi phần trình bày kết thúc.

Lưu ý: Để phần trình bày của HS trở nên hấp dẫn, GV có thể thiết kế thành một buổi toạ đàm; một buổi tranh luận; một cuộc thi hùng biện,... trong đó HS được đóng vai để trình bày ý kiến từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Chân trời sáng tạo

2.4. Tổ chức cho HS trao đổi, đánh giá về bài nói

– Sau khi mỗi HS kết thúc phần trình bày, GV hướng dẫn và tổ chức cho các bạn cùng lớp trao đổi về phần trình bày của bạn.

– Khi HS trình bày bài nói, GV cần quan sát và nhận xét những yêu cầu sau: (1) HS trình bày trực tiếp ý kiến của bản thân; (2) HS đưa ra được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; (3) HS biết cách bảo vệ ý kiến của bản thân trước sự phản bác của người nghe. Trong trường hợp không có HS nào nêu ý kiến phản bác, GV sẽ là người đưa ra phản bác bằng cách nêu ý kiến, đặt câu hỏi để HS trả lời.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự đọc ở nhà VB *Đừng từ bỏ cố gắng* và hoàn thành bài tập trong phần *Ôn tập*. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả đọc mở rộng theo thể loại và các bài tập đã làm trong mục *Ôn tập*.

GV nên nhắc nhở lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học để HS có vài phút suy ngẫm, viết ngắn những suy nghĩ của mình về hành trình tri thức. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ.

Nếu HS đã thực hiện sản phẩm *Kế hoạch học tập*, GV có thể tổ chức hoạt động chia sẻ, triển lãm sản phẩm.

BÀI 7: TRÍ TUỆ DÂN GIAN

(11 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

– Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.

– Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

– Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

– Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại tục ngữ, đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ, đặc điểm và tác dụng của các biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim có sử dụng các câu tục ngữ, thành ngữ.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể dẫn dắt HS vào bài học bằng cách gợi nhắc một số câu tục ngữ quen thuộc mà HS đã nghe trong cuộc sống hằng ngày hoặc có thể trình chiếu một vài trích đoạn phim mà trong lời thoại của các nhân vật có sử dụng tục ngữ. Sau đó, GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ về ý nghĩa của tục ngữ trong cuộc sống của chúng ta.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Tục ngữ

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu, vận dụng tri thức đọc hiểu tục ngữ, GV cần chú ý một số điểm sau:

– Tập cho HS thói quen tự tra cứu, tìm hiểu khái niệm, trang bị kiến thức nền cho việc đọc bằng cách yêu cầu các em tìm hiểu các khái niệm liên quan đến thể loại tục ngữ trước khi đọc các VB 1, 2 và trước khi đến lớp. GV cần giúp HS hiểu rằng: nếu không tìm hiểu kĩ mục *Tục ngữ* để nắm bắt các khái niệm có tính công cụ, thì việc đọc hiểu các VB trong bài học, nhất là việc trả lời các câu hỏi ở mục *Suy ngẫm và phản hồi* (sau khi đọc) sẽ gặp nhiều khó khăn.

– GV không dành quá nhiều thời gian để giảng giải các khái niệm về thể loại mà tuỳ đối tượng HS và tình hình trên lớp, có thể gợi ý, hướng dẫn, hỗ trợ HS hiểu tri thức.

– Các nội dung ở phần *Tục ngữ* có thể được dạy kết hợp trong giờ học VB *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*. GV giới thiệu cho HS định nghĩa tục ngữ và một số đặc điểm của thể loại này (thường ngắn gọn, có nhịp điệu, hình ảnh, có vần, có các vế đối xứng với nhau, sử dụng nhiều biện pháp tu từ); đồng thời kết hợp nêu và phân tích một số ví dụ cụ thể để HS dễ tiếp nhận lí thuyết về thể loại.

– Bài *Trí tuệ dân gian* là bài học đầu tiên trong chương trình THCS hướng dẫn HS đọc VB tục ngữ. Vì vậy, GV cần từng bước giúp HS tiếp nhận tri thức đọc hiểu thể loại này thông qua VB 1 (*Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*) và củng cố tri thức đọc hiểu thể loại này qua VB 2 (*Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất*) và VB đọc mở rộng theo thể loại (*Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội*).

2. Đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ*, GV cần yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về thành ngữ đã được học ở lớp 6; từ đó, so sánh với kiến thức về tục ngữ được học trong bài học này. Ở nội dung này, ngoài các ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác ngoài SGK và hướng dẫn HS phân tích, giúp các em hiểu rõ hơn tri thức.

3. Nói quá, nói giảm nói tránh

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Nói quá, nói giảm nói tránh*, ngoài các ví dụ đã có trong bài, GV cũng nên tìm thêm các ví dụ khác ngoài SGK và phân tích, nhằm giúp HS hiểu rõ hơn thế nào là nói quá, nói giảm nói tránh.

Lưu ý: GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu *Tri thức tiếng Việt (Đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; Nói quá, nói giảm nói tránh)* kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

4. Kĩ năng đọc hiểu tục ngữ

Mục tiêu chính khi dạy kĩ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kĩ năng đọc thể loại tục ngữ. Vì thế, trong quá trình dạy, GV nên:

– Giải thích ngắn gọn về đặc điểm thể loại kết hợp với nêu ví dụ cụ thể từ VB vào đầu giờ học.

– Tiếp tục hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại bằng các câu hỏi trong quá trình HS đọc hiểu VB.

Khi đọc thể loại tục ngữ, GV hướng dẫn HS thực hành các kĩ năng sau:

– Xác định số dòng, số chữ, vần, cấu trúc các vế trong các câu tục ngữ.

– Xác định nghĩa của những từ ngữ khó hiểu.

– Chú ý những từ ngữ, hình ảnh độc đáo.

– Tìm và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong VB (nếu có).

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.	1, 3, 4, 5
Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.	2
Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.	6
Liên hệ, so sánh, kết nối.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV cho HS trả lời câu hỏi trong SGK để khơi gợi, dẫn dắt các em vào VB. GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác động của thiên nhiên đối với cuộc sống của chúng ta.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV cho HS đọc VB, yêu cầu đọc to rõ, chú ý đến vần, nhịp, các vế khi đọc.

Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi được trình bày trong khung cùng với VB, GV cho HS dừng đọc vài phút để tự suy nghĩ, trả lời rồi tiếp tục đọc. Thông qua hoạt động trả lời các câu hỏi trong khi đọc, HS được tự rèn luyện các kĩ năng đọc. Trong VB *Những*

kinh nghiệm dân gian về thời tiết, có một câu hỏi hướng vào kĩ năng suy luận. Từ những từ ngữ quan trọng trong câu tục ngữ số 6 (*chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối*), HS có thể suy luận về hiện tượng mà tác giả dân gian muốn nói qua câu tục ngữ này.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Với các câu hỏi ở mục *Suy ngẫm và phản hồi*, GV có thể sử dụng linh hoạt tuỳ theo tình hình lớp học, trình độ nhận thức của HS, cụ thể là:

– *Cách 1*: Sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 7).

– *Cách 2*: Sắp xếp lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác hoặc có thể kết hợp một số câu hỏi với nhau.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm các câu hỏi để dẫn dắt HS tìm hiểu vấn đề một cách tuần tự, chi tiết hơn.

Dưới đây là hướng dẫn và đáp án (gợi ý) cho từng câu hỏi:

Câu 1: Hướng dẫn HS đọc lại các đặc điểm của tục ngữ trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó, xác định độ dài, nhịp điệu, vần, hình ảnh, nội dung của từng câu tục ngữ. Từ đó, rút ra nhận xét: những câu nói trên ngắn gọn, có nhịp điệu, có hình ảnh, có vần; thể hiện những kinh nghiệm của dân gian về thời tiết.

Câu 2: GV hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu nội dung của từng câu tục ngữ trong VB 1, sau đó nêu nhận xét chung về nội dung các câu tục ngữ trong VB 1 bằng cách điền vào bảng sau:

Câu	Nội dung từng câu	Nội dung chung của các câu
Câu 1		Thể hiện những kinh nghiệm của dân gian về thời tiết.
Câu 2		
Câu 3		
Câu 4		
Câu 5		
Câu 6		

Câu 3: Hướng dẫn HS đọc các câu và điền số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ số 2, 4, 6 vào bảng. Gợi ý trả lời:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	8	1	2
2	8	1	2

4	13	1	3
6	14	2	2

Câu 4: Hướng dẫn HS đọc các câu, xác định các cặp vần và loại vần trong từng câu và điền vào bảng. *Gợi ý trả lời*:

Câu	Cặp vần	Loại vần
1	*trưa – mưa*	vần cách
2	*hạn – tán*	vần cách
3	*may – bay*	vần cách
4	*đài – Hai*	vần cách
5	*mưa – vừa*	vần cách
6	*Năm – nằm* *sáng – tháng* *Mười – cười*	vần cách

Tác dụng của vần trong các câu tục ngữ trên là tạo nên sự hài hoà về âm thanh cho các câu tục ngữ.

Câu 5: GV gợi nhắc HS nhớ lại đặc điểm của thơ lục bát đã học ở lớp 6 để từ đó đưa ra nhận xét: câu tục ngữ số 5 có hình thức là một câu lục bát.

Câu 6: Đây là một câu hỏi mở. GV không nên áp đặt câu trả lời cho HS và có thể chấp nhận các phương án trả lời sau: (1) Giúp chúng ta dự báo thời tiết để sắp xếp công việc cho phù hợp; (2) Giúp chúng ta biết cách quan sát các hiện tượng tự nhiên; (3) Giúp chúng ta nhận thức về các hiện tượng tự nhiên;...

Câu 7: Câu hỏi này được thiết kế nhằm tích hợp hoạt động viết với đọc. Trước tiên, GV nêu câu hỏi yêu cầu HS hình dung về một số tình huống giao tiếp có thể sử dụng các câu tục ngữ trong VB 1, sau đó hướng dẫn HS viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu. Dưới đây là một vài tình huống gợi ý:

– GV hướng dẫn HS hình dung cuộc trò chuyện với bạn về sự thay đổi của thời tiết hoặc cuộc trao đổi với người thân về tình hình thời tiết trước chuyến đi chơi, đi du lịch; sau đó, yêu cầu HS viết một đoạn đối thoại với độ dài khoảng 5, 6 câu. Sau khi HS hoàn thành đoạn đối thoại, GV tổ chức cho HS phân vai thực hành tình huống giao tiếp này.

– GV gợi ý HS viết thư trao đổi với bạn ở nơi xa về vấn đề thời tiết. Sau khi HS viết xong, GV chọn một số bài viết hay và yêu cầu HS chia sẻ sản phẩm trước cả lớp để cả lớp nghe và rút kinh nghiệm.

VĂN BẢN 2: *NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa *Yêu cầu cần đạt* và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.	1, 2, 3, 4, 6
Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.	5
Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV cho HS trả lời câu hỏi trong SGK để khơi gợi, dẫn dắt vào nội dung VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV cho HS đọc trực tiếp VB, yêu cầu đọc to rõ, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ.

Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi được đóng khung, GV nhắc HS tạm dừng vài phút để suy nghĩ, tự trả lời rồi tiếp tục tiến trình đọc. Thông qua hoạt động trả lời các câu hỏi trong khi đọc, HS được tự rèn luyện các kĩ năng đọc. Trong VB *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất*, có một câu hỏi hướng vào kĩ năng suy luận. HS sẽ phải dựa vào ngữ cảnh (sự đối lập với "lưu đất") để suy luận từ ngữ "hoa đất" trong câu tục ngữ số 5 được hiểu như thế nào.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Tuỳ theo tình hình lớp học, trình độ nhận thức của HS, GV có thể sử dụng linh hoạt các câu hỏi ở mục *Suy ngẫm và phản hồi*, cụ thể là:

– *Cách 1:* Sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 7).

– *Cách 2:* Sắp xếp lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác hoặc có thể kết hợp một số câu hỏi với nhau.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm các câu hỏi để dẫn dắt HS tìm hiểu vấn đề một cách tuần tự, chi tiết.

Dưới đây là hướng dẫn và đáp án (gợi ý) cho từng câu hỏi:

Câu 1: Hướng dẫn HS đọc VB, chú ý đến độ dài, nhịp điệu, vần, hình ảnh trong các câu trong VB. HS có thể đưa ra nhận xét: Có thể nhận ra các câu trên là tục ngữ vì chúng ngắn gọn, có nhịp điệu, hình ảnh, hầu như đều có vần.

Câu 2: Hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm và điền thông tin vào bảng sau:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	4	1	2
2	8	1	2
3	8	1	2
4	6	1	2
5	10	1	2

Câu 3: Hướng dẫn HS đọc lại *Tri thức Ngữ văn* về các loại vần (đã học ở bài 1 và bài này), trên cơ sở đó xác định cặp vần, các loại vần:

Câu	Cặp vần	Loại vần
2	*lụa – lúa*	vần sát
3	*lâu – sâu*	vần cách
4	*lạ – mạ*	vần sát
5	*Tư – hư* *Ba – hoa*	vần sát
6	*bờ – cờ*	vần cách

Chân trời sáng tạo

Sau đó chỉ ra tác dụng của vần trong các câu tục ngữ trên là tạo nên sự hài hoà về âm thanh cho các câu tục ngữ.

Câu 4: GV hướng dẫn HS so sánh số chữ của các câu tục ngữ trong VB 2 đồng thời nhớ lại đặc điểm của thơ lục bát, từ đó rút ra nhận xét: Câu tục ngữ số 1 rất ngắn, chỉ gồm bốn chữ; câu tục ngữ số 6 là một câu lục bát.

Câu 5: Theo quan niệm dân gian, mưa tháng Ba tốt cho mùa màng còn mưa tháng Tư thì ngược lại.

Câu 6: Câu tục ngữ số 6 sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá. Việc sử dụng biện pháp tu từ này khiến cho việc miêu tả (lúa chiêm) trở nên sinh động, tăng sức biểu cảm.

Câu 7: Các câu tục ngữ trên giúp người nông dân hiểu thêm về giá trị của đất và của các yếu tố khác trong lao động sản xuất.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *TỤC NGỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG*

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* và VB *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* để hiểu hơn về chủ điểm *Trí tuệ dân gian*.

– Nhận biết được chức năng của tục ngữ.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV tổ chức trò chơi để giúp HS nhớ lại nhan đề và tên nhân vật trong những sáng tác được nhắc đến trong VB *Tục ngữ và sáng tác văn chương*. Mục đích của việc làm này là khơi gợi kiến thức nền để HS đọc hiểu VB tốt hơn.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức hoặc hướng dẫn cho HS đọc trực tiếp VB.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

VB *Tục ngữ và sáng tác văn chương* được thiết kế trong bài học này nhằm kết nối với chủ điểm *Trí tuệ dân gian*, vì vậy định hướng triển khai dạy học có khác với hai VB 1 và 2. GV chỉ cần tập trung vào việc rèn luyện các kĩ năng đọc cho HS để các em có thể đọc hiểu VB, qua đó nhận thấy rõ mối quan hệ giữa tục ngữ và các sáng tác văn chương. Trong tục ngữ, chúng ta có thể bắt gặp những câu chuyện, những chi tiết đã có trong các sáng tác trước đó. Đến lượt mình, tục ngữ được các nhà văn, nhà thơ sử dụng như là một loại chất liệu để làm các tác phẩm thêm giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm và mang đậm giá trị dân gian.

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong *Suy ngẫm và phản hồi*. Dưới đây là đáp án gợi ý:

Câu 1: Rét nàng Bân là đợt rét cuối cùng của mùa đông, xảy ra vào khoảng đầu tháng Ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam. Đây là đợt rét đậm, kéo dài vài ngày và thường kèm mưa phùn hoặc mưa nhỏ. Rét nàng Bân gắn liền với câu chuyện *Nàng Bân*, gắn liền với những tình cảm ấm áp của vợ dành cho chồng, của cha dành cho con gái.

Câu 2: Theo lời tía nuôi của nhân vật tôi trong VB *"Chim trời cá nước… " – xưa và nay*, câu tục ngữ *Chim trời cá nước, ai được nấy ăn* không còn đúng với xã hội họ đang sống (*Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ*). Câu trả lời của nhân vật tía nuôi giúp cho chúng ta hiểu rằng câu tục ngữ *Chim trời cá nước, ai được nấy ăn* có thể phù hợp trong hoàn cảnh này nhưng không phù hợp trong hoàn cảnh

khác. Trong bối cảnh hiện nay, câu tục ngữ trên càng không phù hợp khi việc săn bắt các loài động vật quý hiếm bị cấm để bảo tồn sự đa dạng sinh học.

Câu 3: Trong VB *"Chim trời cá nước… " – xưa và nay*, câu tục ngữ được sử dụng đúng lúc, góp phần làm tăng độ tin cậy, sức thuyết phục cho câu nói của nhân vật tôi đồng thời cũng làm cho tác phẩm giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm và đậm đà tính dân tộc. Và việc tác giả để cho nhân vật tía nuôi giảng giải về bối cảnh mới (đã khác xưa) đã giúp độc giả nhận thức đúng đắn hơn về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cách dùng câu tục ngữ này. GV yêu cầu HS tìm thêm một số tác phẩm văn chương có sử dụng các câu tục ngữ.

Câu 4: GV hướng dẫn HS một số lưu ý khi đọc hiểu tục ngữ: (1) Đặt câu tục ngữ vào ngữ cảnh của câu văn; (2) Nếu câu tục ngữ gắn liền với một câu chuyện (ví dụ *Nàng Bân*) thì cần tìm đọc câu chuyện đó để có thể hiểu chính xác ý nghĩa của câu tục ngữ.

Để có thể sử dụng tục ngữ đúng lúc, đúng chỗ, cần hiểu rõ ý nghĩa của chúng và cần lưu ý: đôi khi, ý nghĩa của câu tục ngữ có thể không còn phù hợp với hoàn cảnh hiện tại.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ.

– Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu tri thức Ngữ văn. GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu *Tri thức tiếng Việt* kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

3. Thực hành tiếng Việt

GV hướng dẫn HS làm các bài tập. Sau đây là đáp án (gợi ý):

Bài tập 1:

GV yêu cầu HS tìm thành ngữ trong các câu đã cho và sau đó xác định xem các thành ngữ đó thuộc thành phần nào trong câu. GV lưu ý HS cách diễn đạt cho chính xác. Chẳng hạn, trong câu a, thành ngữ "vui như Tết" là vị ngữ của câu nhưng trong câu b, thành ngữ "cưỡi ngựa xem hoa" thuộc vị ngữ của câu.

a. *Được 10 điểm kiểm tra môn Toán, nó* ***vui như Tết****.* (vị ngữ của câu)

b. *Vì không có nhiều thời gian nên chúng tôi cũng chỉ* ***cưỡi ngựa xem hoa*** *thôi.* (thuộc vị ngữ của câu)

c. *Khi* ***tối lửa tắt đèn****, họ luôn giúp đỡ lẫn nhau.* (thuộc trạng ngữ, làm thành phần phụ bổ sung ý nghĩa cho "khi")

Bài tập 2: GV hướng dẫn HS tìm 5 thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá (ví dụ: *dữ như cọp*) và giải thích ý nghĩa của chúng.

Bài tập 3:

GV yêu cầu HS đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn* để có thể phân biệt được thành ngữ và tục ngữ. GV nhấn mạnh thành ngữ là một **tập hợp từ (cụm từ) cố định**, có thể làm thành một bộ phận của câu (làm chủ ngữ, vị ngữ,...) hay làm thành phần phụ trong các cụm từ; còn tục ngữ là một **câu** diễn đạt trọn vẹn một ý (một nhận xét, một kinh nghiệm).

Thành ngữ: *ếch ngồi đáy giếng, đẹp như tiên.*

Tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn, Người ta là hoa đất, Cái nết đánh chết cái đẹp.*

Bài tập 4: HS có thể tạo ra nhiều câu khác nhau. GV kiểm tra và nhận xét bài làm của HS. Dưới đây là các ví dụ:

*Hai anh em Nam giống nhau **như hai giọt nước**.*

*Da cô ấy **trắng như tuyết**.*

*Nói với nó giống như **nước đổ đầu vịt** vậy.*

Bài tập 5:

Câu tục ngữ sử dụng biện pháp nói quá (*chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối*). Biện pháp này có tác dụng nhấn mạnh, làm tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

Bài tập 6:

Cách diễn đạt "về với Thượng đế chí nhân" đồng nghĩa với "chết". Ở đây, cô bé bán diêm không nói "chết" để tránh cảm giác quá đau buồn. Đây là biện pháp nói giảm nói tránh. Biện pháp này có tác dụng tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề.

Bài tập 7:

***Những bầy chim đen bay kín trời, vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông**, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt. Mỗi lúc tôi càng nghe rõ **tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng**. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực buồn nôn oẹ.*

*Chim đậu chen nhau trắng xoá trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. **Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa**. Chim già đãy, **đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám**, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, **to như con ngỗng** đậu đến quằn nhánh cây.*

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

Đoạn trích trên có rất nhiều hình ảnh so sánh. Biện pháp so sánh trong đoạn trích trên có tác dụng làm cho đối tượng được miêu tả (thiên nhiên) trở nên giàu hình ảnh và cảm xúc.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI*

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.

– Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.

2. Thực hành đọc

Sau khi học *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* và *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất*, ở phần này, HS được tự mình thực hành đọc hiểu một chùm VB tục ngữ. *Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội* là chùm VB được gợi ý cho HS. Chùm tục ngữ này gồm có chín câu tục ngữ (trong đó câu số chín là câu tục ngữ của dân tộc Thái). Đây là các câu tục ngữ giàu hình ảnh, vần điệu, chứa đựng nhiều bài học quý giá. Ngoài ra, GV và HS có thể chọn các câu tục ngữ khác ngoài SGK mà GV và HS yêu thích. Nếu theo hướng này, cần quan tâm đúng mức đến nguồn VB. Các VB chọn đọc phải được giới thiệu trong những tuyển tập tục ngữ đáng tin cậy của những tác giả biên soạn và nhà xuất bản có uy tín.

Khi đọc VB xong, HS trả lời 4 câu hỏi ở phần *Hướng dẫn đọc* để tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu tục ngữ của mình. Qua hoạt động này, một lần nữa, HS ôn lại các đặc điểm của thể loại tục ngữ.

GV có thể giao nhiệm vụ cho HS đọc VB và hoàn thành các câu hỏi ở nhà. Đến lớp, HS trình bày và GV bổ sung, hướng dẫn chỉnh sửa khi cần thiết. Như vậy, GV sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, bài thực hành cũng được chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo hơn.

Dưới đây là đáp án (gợi ý) cho các câu hỏi:

Câu 1:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	4	1	2
6	8	1	2
8	8	1	2
9	8	2	2

Câu 2:

Câu	Cặp vần	Loại vần
3	*thầy – mày*	vần cách
4	*thầy – tày*	vần cách
5	*cả – ngã*	vần cách
7	*non – hòn*	vần cách
8	*bạn – cạn*	vần cách

Tác dụng của vần trong các câu tục ngữ nêu trên: tạo nên sự hài hoà về âm thanh cho các câu tục ngữ.

Câu 3: Những cách diễn đạt trên được dùng với nghĩa bóng: "ăn quả" (hưởng thành quả), "nhớ kẻ trồng cây" (biết ơn những người đã tạo ra thành quả), "sóng cả" (khó khăn, thử thách), "ngã tay chèo" (buông xuôi, không tiếp tục nữa), "mài sắt" (kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách), "nên kim" (đạt được thành quả). Việc dùng cách diễn đạt như thế làm cho các câu tục ngữ trở nên giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm. GV yêu cầu HS chỉ ra ý nghĩa của từng cụm từ, qua đó xác định biện pháp tu từ (ẩn dụ) được sử dụng trong các cụm từ này.

Câu 4: "Mất lòng" có nghĩa là "làm cho người khác không bằng lòng, không hài lòng vì một hành vi, thái độ không phải nào đó". Ý nghĩa này không phải là phép cộng đơn giản ý nghĩa giữa hai thành tố "mất" (không tồn tại nữa) và "lòng". Do đó, "mất lòng" và "khó kiếm" khó có thể kết hợp được với nhau. Tuy nhiên, trong câu tục ngữ trên, "mất lòng" được đặt trong sự đối lập với "mất của", "khó kiếm" được đặt trong sự đối lập với "dễ tìm". Vì vậy, cách kết hợp từ ngữ trên ("mất lòng khó kiếm") vẫn chấp nhận được và nó đã tạo ra sự bất ngờ, thú vị cho người đọc.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

1. Yêu cầu cần đạt

Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

HS đã được học kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ở bài *Hành trình tri thức,* vì thế GV nên hướng dẫn HS đọc lại tri thức kiểu bài ở bài 6 để HS tiếp tục sử dụng kĩ năng đã học vào viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của mình về một câu tục ngữ hoặc một câu danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.

3. Phân tích kiểu văn bản

GV yêu cầu HS đọc lại phần phân tích kiểu VB ở bài *Hành trình tri thức*.

4. Viết theo quy trình

Quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống đã được trình bày trong SGK bài *Hành trình tri thức*. GV yêu cầu HS dựa vào những hướng dẫn về quy trình viết đã học trong bài *Hành trình tri thức* để hoàn thành bài viết.

Chân trời sáng tạo

Việc dạy HS thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần tuân thủ quy trình:

1. Chuẩn bị trước khi viết (bao gồm xác định đề tài và thu thập tài liệu);

2. Tìm ý, lập dàn ý;

3. Viết bài;

4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, GV nên lưu ý một số bước mà khi thực hiện, có thể HS thường bỏ qua, ít chú ý luyện tập (ví dụ: bước xác định đề tài, thu thập tư liệu), hoặc một số bước tuy biết là quan trọng song thực hiện thường không dễ khi phải bỏ ra nhiều công sức, thời gian (ví dụ: bước lập dàn ý, viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Đề tài yêu cầu bàn luận, trình bày suy nghĩ về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn mà HS tâm đắc.

Thu thập tư liệu

Để xác định đúng yêu cầu của đề bài, GV hướng dẫn HS:

– Tìm đọc những câu tục ngữ hoặc câu danh ngôn. GV có thể giới thiệu cho các em những tuyển tập tục ngữ/ danh ngôn của các NXB có uy tín.

– Chọn một câu tục ngữ hoặc danh ngôn mà HS tâm đắc hoặc gợi cho HS nhiều suy ngẫm. GV nên hướng dẫn các em tự đặt ra các câu hỏi và tự trả lời để tìm ra lí do tại sao mình thích câu danh ngôn/ tục ngữ này. Những câu trả lời này sẽ là nguồn tư liệu quý giá cho các bước tiếp theo của bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

GV yêu cầu HS liệt kê bất cứ suy nghĩ nào của em về câu tục ngữ hoặc danh ngôn mà em đã chọn (tham khảo sơ đồ tìm ý ở bài 6, SGK *Ngữ văn 7*).

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS đọc lại những ý đã tìm được đồng thời đối chiếu với yêu cầu của đề bài và cân nhắc, chọn lựa, sắp xếp những ý kiến tiêu biểu thành dàn ý (có thể tham khảo sơ đồ dàn ý ở bài 6).

Dàn ý của HS cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Lí lẽ phong phú, xác đáng để giúp người đọc hiểu được vì sao HS lại có ý kiến như vậy về câu tục ngữ/ danh ngôn này.

– Bằng chứng đa dạng, thuyết phục để có thể làm sáng tỏ lí lẽ.

Chân trời sáng tạo

– Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

Bước 3: Viết bài

GV lưu ý HS các vấn đề sau:

– Mỗi đoạn văn của HS chỉ nên trình bày một ý. Các ý phải tập trung vào chủ đề là câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống mà các em đã chọn.

– HS phải sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý để tạo ra sự liên kết trong bài văn. Đây là yêu cầu bắt buộc trong phần Viết của bài này.

– HS có thể sử dụng các câu chuyện từ thực tế, các trích dẫn từ sách, báo hoặc từ những người lớn tuổi, có nhiều kinh nghiệm sống để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự chỉnh sửa bài viết và rút kinh nghiệm.

NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG, TÔN TRỌNG CÁC Ý KIẾN KHÁC BIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

2. Thực hành nói và nghe

Bài học này sẽ hướng dẫn HS cách trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Đề tài của bài nói là trao đổi ý kiến về hai câu tục ngữ: *Một giọt máu đào hơn ao nước lã, Bán anh em xa mua láng giềng gần*.

GV yêu cầu HS xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

Bước 1: Chuẩn bị

GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung trao đổi và cách trao đổi như trong SGK.

Bước 2: Trao đổi

GV hướng dẫn HS các kĩ năng trao đổi gồm trình bày ý kiến, bảo vệ ý kiến, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác theo hướng dẫn trong SGK.

Về việc phân bố thời gian, phần Nói và nghe chỉ có hai tiết, GV nên dành nửa tiết thứ nhất cho việc hướng dẫn HS chuẩn bị cho nội dung trao đổi và dành phần thời gian còn lại cho bước trao đổi tại lớp.

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự đánh giá phần trình bày của mình trong vai trò người nói và đánh giá phần trình bày của bạn trong vai trò người nghe.

ÔN TẬP

Với thời lượng một tiết học, GV nên dặn dò HS chuẩn bị trước các câu hỏi ở nhà để có thể sử dụng thời gian trên lớp một cách hiệu quả nhất.

Câu 1: Hướng dẫn HS ôn lại nội dung và xác định thể loại của các VB đã học, sau đó điền thông tin vào bảng.

Câu 2: Hướng dẫn HS xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ của các câu tục ngữ đã cho. GV có thể yêu cầu HS lập bảng như sau:

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế	Cặp vần	Biện pháp tu từ
a.	8	1	2	*đen – đèn*	Ẩn dụ
b.	14	2	2	*thấp – ngập* *cao – rào*	Điệp từ, điệp ngữ

Lưu ý:

– Khi hướng dẫn HS xác định các biện pháp tu từ, GV cần lưu ý một câu tục ngữ có thể sử dụng nhiều biện pháp tu từ, tuy nhiên, GV chỉ nên hướng dẫn HS xác định (các) biện pháp tu từ các em đã học. Câu tục ngữ a sử dụng biện pháp ẩn dụ: "mực" (những cái/ người xấu), "đèn" (những cái/ người tốt), "đen" (xấu), "lạng" (tốt). Câu tục ngữ b sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ: "én bay", "mưa".

– Câu tục ngữ b có hai vế đối lập nhau: *Én bay thấp, mưa ngập bờ ao* và *Én bay cao, mưa rào lại tạnh*. Tuy nhiên, bên trong mỗi vế có thể có các vế nhỏ hơn, dù các vế nhỏ này chưa thật cân đối về hình thức.

– GV có thể yêu cầu HS xác định thêm loại vần. Các cặp vần có trong các câu tục ngữ đều là vần cách.

Câu 3: GV hướng dẫn HS chỉ ra những khác biệt giữa thành ngữ và tục ngữ. GV cũng có thể hướng dẫn HS lập bảng phân biệt thành ngữ và tục ngữ để HS ghi nhớ kĩ hơn. Dưới đây là gợi ý:

	Thành ngữ	Tục ngữ
Đặc điểm	– Thành ngữ là một cụm từ cố định, có thể làm thành một bộ phận của câu (có thể làm chủ ngữ, vị ngữ,...) hay làm thành phần phụ trong các cụm từ. Ví dụ: *Chậm như rùa* có thể làm thành một bộ phận của câu. Ví dụ: *Nó lúc nào cũng* ***chậm như rùa.***	– Tục ngữ là một câu diễn đạt trọn vẹn một ý (một nhận xét, một kinh nghiệm). Ví dụ: Câu tục ngữ *Cha mẹ sinh con, trời sinh tính* diễn đạt trọn vẹn một ý, thể hiện một quy luật trong cuộc sống.

Chức năng	– Thành ngữ thường được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày và trong sáng tác văn chương với mục đích làm cho sự diễn đạt trở nên giàu hình ảnh và cảm xúc.	– Tục ngữ được sử dụng chủ yếu nhằm tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về một nhận thức hay một kinh nghiệm.

Câu 4: HS được yêu cầu viết ba câu có sử dụng biện pháp nói quá và ba câu có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh. Sau khi HS viết xong, GV nhận xét bài làm của HS. Mục đích của câu 4 là kiểm tra kĩ năng sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh của HS trong thực tế.

GV lưu ý HS rằng câu hỏi số 7 ở cuối phần *Ôn tập* là câu hỏi về chủ đề của bài học. HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau tuỳ thuộc vào cảm nhận của các em. GV nên dẫn dắt thêm: Chúng ta có thể bắt gặp trí tuệ dân gian trong các thể loại văn học dân gian. Một trong những thể loại văn học dân gian là tục ngữ. Đó là những câu nói ngắn gọn, sâu sắc và giàu vần điệu. Tục ngữ có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, vì vậy, chúng ta phải trân trọng kho tàng tri thức phong phú này của cha ông.

BÀI 8: NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT

(13 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó; nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB.

– Nhận biết được thông tin cơ bản của VB.

– Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.

– Nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ.

– Viết được VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

– Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

– Trung thực khi tham gia các hoạt động.

Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, thế nào là số từ, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và kiến thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim về các trò chơi dân gian và cách gọt củ hoa thuỷ tiên (nếu có thể).

– Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (chuẩn bị đọc, trải nghiệm cùng VB, suy ngẫm và phản hồi, thực hành tiếng Việt, hướng dẫn phân tích kiểu VB, ôn tập) trong SGK thành phiếu học tập.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGK đã nêu hoặc dùng hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về một trò chơi, thú chơi hoa quen thuộc, phổ biến, đậm màu sắc văn hoá dân tộc,... kết hợp với việc dùng tranh ảnh hoặc một đoạn clip ngắn liên quan đến chủ điểm bài học. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: cấu trúc và đặc điểm hình thức

Trong bài học này, tri thức đọc hiểu về VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nên được dạy ở tiết đầu tiên, trước khi HS đi vào tìm hiểu

Chân trời sáng tạo

VB *Trò chơi cướp cờ* vì đây là tri thức công cụ để phục vụ cho việc đọc hiểu VB. Khi dạy mục này, GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại hoặc yêu cầu HS đọc nội dung này trong SGK, xác định một số từ khoá mô tả đặc điểm của kiểu VB. Sau đó, khi dạy từng VB 1, 2, tuỳ vào yêu cầu đọc hiểu của từng VB, GV gợi nhắc hoặc hướng dẫn HS đọc lại tri thức đọc hiểu liên quan để vận dụng vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập về kiến thức đó.

2. Số từ

Nội dung tri thức *Số từ* có thể được dạy bằng những cách sau:

– GV sử dụng một số phương pháp như: thuyết trình, trực quan (sơ đồ, mô hình, bảng biểu,...) để giới thiệu với HS về đặc điểm và chức năng của số từ. Sau đó, thông qua quá trình thực hành, GV hướng dẫn HS củng cố để hiểu sâu hơn những tri thức về *Số từ*.

– Dạy tri thức tiếng Việt bằng phương pháp dạy học theo mẫu nhưng chỉ dừng lại ở mức độ phân tích mẫu theo trình tự sau:

(1) Lựa chọn mẫu ngữ liệu có chứa số từ (có thể sử dụng mẫu do SGK cung cấp ở phần *Tri thức Ngữ văn*, hoặc mẫu ở phần *Thực hành tiếng Việt*, hoặc mẫu do GV tự chuẩn bị).

(2) Cung cấp mẫu ngữ liệu cho HS đọc, quan sát.

(3) Thiết kế câu hỏi/ nhiệm vụ học tập để hướng dẫn HS phân tích mẫu nhằm nhận diện đặc điểm và chức năng cụ thể của số từ được thể hiện trong từng mẫu.

(4) Hướng dẫn HS khái quát thành những đơn vị kiến thức cơ bản sau: (1) Đặc điểm của số từ; (2) Chức năng của số từ.

– Hướng dẫn HS đọc nội dung liên quan đến số từ ở phần *Tri thức Ngữ văn*, xác định một số từ khoá. Sau đó trong quá trình tổ chức cho HS thực hành các bài tập tiếng Việt, GV hướng dẫn HS nhận diện sự thể hiện của đặc điểm và chức năng của số từ ở từng bài tập, trên cơ sở đó củng cố các nội dung đã tìm hiểu ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

Mục tiêu dạy đọc của bài này là giúp HS hiểu được thế nào là loại VB thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động. Vì vậy, kĩ năng đọc theo thể loại cần hình thành cho HS ở bài học này là kĩ năng đọc VB thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.

Sau phần hướng dẫn HS đọc hiểu các VB 1 và 2 (GV nên triển khai nội dung này ở cuối giờ học về VB 2, trước khi học về VB 3), GV có thể cho HS thảo luận nhóm và thực hiện một trong số các hoạt động sau:

– Tổ chức cho HS chơi trò chơi *nhanh như chớp*: Dùng kĩ thuật công não/ động não yêu cầu từng nhóm HS hoặc cá nhân HS trình bày nhanh mỗi lượt một nhận xét về đặc điểm của loại VB này và cách đọc VB. Hết lượt này đến lượt khác cho đến khi không còn nhóm hoặc cá nhân nào trình bày những ý tưởng mới nữa thì dừng hoạt động này. Nhóm nêu ý tưởng cuối cùng là nhóm thắng cuộc.

– Viết tự do trong vòng 1 phút vào những mảnh giấy rồi dán lên bảng hoặc kĩ thuật 321.

Sau khi HS hoàn thành hoạt động trên, GV tổ chức cho HS trao đổi, bổ sung để chốt lại những điểm cần lưu ý khi đọc loại VB này.

2. Kĩ năng theo dõi

Trong bài học này, phần kĩ năng đọc cần rèn luyện ở giai đoạn *Trải nghiệm cùng văn bản*, GV nên hướng dẫn HS tập trung luyện tập kĩ năng theo dõi. Cách dạy:

– Giải thích ngắn gọn về kĩ năng theo dõi: Đây là kĩ năng đọc dùng để tự đánh giá cách hiểu của bản thân về những đoạn đã đọc hoặc tại vị trí đang đọc (chỗ nào đã hiểu, chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng), từ đó tự đặt câu hỏi cho chính mình trong lúc đọc hoặc đọc lại những đoạn trước đó để điều chỉnh cách hiểu VB. Tác dụng của kĩ năng này là giúp người đọc điều chỉnh, kiểm soát sự hợp lí của những ý nghĩa mà họ đã tạo ra cho VB.

– Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kĩ năng theo dõi bằng cách nói to suy nghĩ (kĩ thuật think – aloud) của GV khi dùng kĩ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kĩ năng.

Ví dụ: Trong đoạn dưới đây, khi đọc đến tiêu đề đoạn, GV tạm ngừng và đọc to hướng dẫn trong khi đọc: "Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động được mô tả ở nội dung **c. Hướng dẫn cách chơi**". Sau đó GV giải thích ý nghĩa của lời hướng dẫn này như sau: "Với hướng dẫn này, tác giả SGK muốn nhắc nhở chúng ta khi đọc, cần chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động được mô tả ở nội dung này, đồng thời trong đầu người đọc có thể lập tức xuất hiện câu hỏi: "Vì sao cần chú ý đến những từ ngữ ấy?". Ngay tại thời điểm ấy, chúng ta có thể quay lại phần tri thức đọc hiểu để tìm kiếm thông tin liên quan đến đặc điểm của loại VB này và đọc lại để chuẩn bị hoạt động đọc toàn bộ nội dung **c. Hướng dẫn cách chơi**".

– Tiếp theo, trọng tài[1] điều khiển cuộc chơi đứng giữa sân, hô to số thứ tự nào thì người chơi có số thứ tự đó của mỗi đội cùng chạy nhanh lên vị trí cắm cây cờ ở giữa sân, lừa thế[2] xô qua, đẩy lại để tìm cách giật cho được cây cờ. Người chơi nào cướp được cây cờ thì chạy thật nhanh về đội mình, còn người của đội kia sẽ tìm cách chặn để cướp lại cây cờ bằng cách đập (vỗ) vào người chạy cầm cờ. Người cầm cờ bị đập (vỗ) phải bỏ cờ xuống đất và người kia cướp cây cờ chạy về đội của mình. Cuộc rượt đuổi cứ thế tiếp tục, cho đến khi người chơi nào về đến đội của mình với cây cờ trên tay là thắng cuộc và được tính điểm.

– Sau đó, cờ lại được đặt vào vị trí quy định để trọng tài gọi hai người chơi tiếp theo của hai đội tham gia. Trò chơi lại tiếp tục, cho đến hết số người chơi của hai đội. 1

Theo dõi

1 Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động được mô tả ở nội dung **c. Hướng dẫn cách chơi.**

– Ở bài học về VB *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*, GV có thể mời HS đọc và thực hiện theo cách mà GV đã làm ở VB *Trò chơi cướp cờ*. GV tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng, không nhận xét câu trả lời của HS.

Sau khi HS đọc xong GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả của hoạt động đọc "Theo dõi".

– Sau đó, GV hướng dẫn HS chốt lại cách thực hiện kĩ năng. Để thực hiện tốt kĩ năng này trong quá trình đọc, người đọc cần thực hiện các thao tác sau: (1) Chú ý đến những thông tin trên VB là câu hỏi/ lời hướng dẫn gợi ý hoặc nhắc nhở; (2) Liên hệ với những hiểu biết của bản thân về đặc điểm của loại VB đó; (3) Từ đó tự lí giải vì sao cần phải thực hiện thao tác theo dõi tại vị trí đó của VB.

Lưu ý: Nếu HS đã được hướng dẫn về kĩ năng theo dõi ở những bài học trước một cách kĩ lưỡng và rõ ràng về thao tác thì đến bài học này GV sẽ chủ yếu tổ chức cho HS thực hành, trên cơ sở kết quả thực hiện kĩ năng, GV sẽ củng cố cho HS về cách thức và ý nghĩa của việc thực hiện kĩ năng.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	3
Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).	4
Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.	5
Nhận biết được thông tin cơ bản của VB.	1, 2

Câu hỏi 6 yêu cầu HS liên hệ, so sánh trò chơi dân gian với trò chơi điện tử qua hình thức tích hợp viết với đọc. Bài học tuy không đặt ra mục tiêu này nhưng khi dạy, GV cần nêu câu hỏi này để giáo dục HS và tạo sự liên hệ, kết nối giữa VB với thực tế cuộc sống của HS, đồng thời gián tiếp rèn kĩ năng viết cho HS.

GV nên hướng dẫn HS đọc VB ở nhà trước khi đến lớp bằng cách thiết kế một số câu hỏi hoặc chọn một vài câu hỏi ở các mục *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng VB*, *Suy ngẫm và phản hồi*. Cần chú ý các câu hỏi này chỉ ở mức độ nhận biết thông tin, tránh những câu hỏi ở mức độ cao như suy luận, đánh giá để HS có thể thực hiện được khi tự đọc ở nhà.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Nội dung này phải được tổ chức dạy học trước khi HS tiến hành đọc kĩ VB. Do đó, GV không nên yêu cầu HS phải đọc kĩ toàn bộ VB *Trò chơi cướp cờ* trước rồi mới quay lại trả lời các câu hỏi ở hoạt động này. GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này trong 2 tình huống sau:

– HS hoàn toàn chưa thực hiện việc đọc toàn VB.

– HS chỉ thực hiện việc quan sát nhanh hình thức của toàn bộ VB (hình thức trình bày, nhan đề, hệ thống đề mục, tranh minh hoạ, nguồn trích dẫn,...).

Ở cả hai tình huống trên, việc tổ chức hoạt động *Chuẩn bị đọc* tạo cơ hội để:

– HS được kích hoạt các hiểu biết nền liên quan đến đặc điểm nội dung và hình thức của VB. Hiểu biết nền trong trường hợp này là kiến thức và trải nghiệm của HS về những trò chơi dân gian nói chung, trong đó có trò chơi cướp cờ (HS có thể đã từng tham gia chơi, hoặc được đọc, xem, nghe, kể về trò chơi này), về VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

– HS dự đoán về nội dung thông tin của VB dựa trên việc quan sát các dấu hiệu hình thức của VB như nhan đề, hình ảnh minh hoạ, nguồn trích dẫn, đọc lướt đoạn đầu và cuối của VB,...

– HS được chuẩn bị tâm thế, động cơ, hứng thú (sự tò mò, kích thích tìm hiểu về một trò chơi dân gian mới) chuẩn bị cho việc đọc hiểu VB.

Do vậy, ở hoạt động này của bài học *Trò chơi cướp cờ,* GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh về hai câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kĩ thuật *trình bày 1 phút*. Với câu hỏi 2, GV nên lưu ý hướng dẫn HS thực hiện kĩ năng đọc lướt (chú ý nhan đề, các hình ảnh minh hoạ) để tưởng tượng về cách chơi của trò cướp cờ và chia sẻ với bạn.

Hoạt động này có thể được thực hiện ở lớp hoặc ở nhà. Nếu chuyển thành nhiệm vụ học tập ở nhà, GV nên:

– Nhắc HS trả lời câu hỏi *Chuẩn bị đọc* trước khi đọc kĩ VB.

– Ghi lại câu trả lời ra giấy/ vở/ phiếu học tập.

– Tổ chức cho HS trình bày câu trả lời, trao đổi kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập khi đến lớp, trước thời điểm tổ chức cho HS trải nghiệm cùng VB ở lớp.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB, kết hợp với việc GV đọc mẫu một vài đoạn. Khi gặp những kí hiệu như GV nên cho HS tạm dừng 1 – 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi, qua đó, HS thực hành kĩ năng đọc. Hoặc GV có thể cho HS ghi lại câu trả lời ngắn gọn của các em trên phiếu học tập (GV có thể chuyển các câu hỏi trong khi đọc này thành phiếu học tập dùng kết hợp với việc đọc trực tiếp VB) hoặc giấy nháp. Ở bài học này, việc hướng dẫn HS *theo dõi* trong quá trình *Trải nghiệm cùng văn bản* được đặt ra để nhắc nhở các em chú ý đến những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động được mô tả ở nội dung **c. Hướng dẫn cách chơi**. Sự chú ý này có ý nghĩa giúp HS chuẩn bị dữ liệu "đầu vào" cho việc trả lời các câu hỏi 1, 4 ở phần *Suy ngẫm và phản hồi*. Điều đó có nghĩa là nếu trả lời tốt câu hỏi này khi *Trải nghiệm cùng văn bản*, HS sẽ có thể trả lời dễ dàng và trả lời đúng câu hỏi 1 và 4 ở phần *Suy ngẫm và phản hồi*.

Việc tổ chức cho HS thực hiện hoạt động *Trải nghiệm cùng văn bản* có thể thực hiện như sau:

– Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB tại lớp với hình thức đọc thành tiếng hoặc đọc thầm. Dù đọc theo hình thức nào cũng cần nhắc HS thực hiện các kĩ năng đọc đã được nêu từ các câu hỏi đặt ở bên lề VB.

– Tổ chức cho HS tự đọc VB ở nhà nhưng vẫn phải hoàn thành các câu hỏi hướng dẫn rèn luyện kĩ năng đọc. Trong trường hợp này, tuỳ tình hình và điều kiện dạy học thực tế, khi đến lớp, GV có thể cho HS đọc trực tiếp một đoạn hay toàn bộ VB hoặc chỉ cho HS báo cáo, trao đổi về kết quả trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng VB.

Ở hoạt động này, GV nên kiểm tra kết quả thực hiện kĩ năng đọc VB của HS bằng một số cách như: yêu cầu HS trả lời (một số) câu hỏi hoặc chia sẻ ấn tượng chung về VB,…

Sau đó, GV nhận xét, góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đọc trôi chảy, độ to, rõ; sự phù hợp của tốc độ đọc, cách ngắt nghỉ khi đọc.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Dựa vào hệ thống câu hỏi, hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động được thể hiện qua cấu trúc VB; đặc điểm từ ngữ, câu, hệ thống đề mục của VB; việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ của VB và tiếp tục phát triển các kĩ năng đọc loại VB này đã được hình thành ở bài 5: *Từng bước hoàn thiện bản thân*. GV có thể sử dụng linh hoạt theo cách đã hướng dẫn ở những bài học trước tuỳ theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS. Về hình thức dạy học, GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hoặc cặp đôi/ nhóm.

GV có thể tổ chức dạy học ở hoạt động này với hệ thống câu hỏi của SGK theo một số đề xuất sau:

– Tổ chức cho HS lần lượt trả lời từng câu hỏi để đạt được các YCCĐ của bài học.

– Nhóm các câu hỏi có cùng vấn đề tìm hiểu lại với nhau và tuỳ theo đặc điểm đối tượng HS, GV có thể thiết kế bổ sung hệ thống câu hỏi gợi mở dựa trên những câu hỏi của SGK để hỗ trợ HS tìm hiểu VB. Tuy nhiên, lưu ý hệ thống câu hỏi gợi mở cần mang tính dẫn dắt, khuyến khích HS chủ động tìm hiểu VB, tránh những câu hỏi "mớm sẵn" câu trả lời, câu hỏi "có… không",…

– Trong quá trình trả lời hệ thống câu hỏi này, GV nhắc HS xem lại nội dung của *Tri thức Ngữ văn*, sử dụng những kiến thức ấy như "công cụ" để đọc hiểu VB.

Với hệ thống 6 câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề chính sau:

– Tìm hiểu thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin trong VB: câu hỏi 1, 2, 4.

– Tìm hiểu mục đích và đặc điểm của VB: câu hỏi 3.

– Tìm hiểu tác dụng biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong VB: câu hỏi 5.

– Liên hệ, so sánh, kết nối VB với cuộc sống của HS: câu hỏi 6.

Sau đây là gợi ý triển khai các câu hỏi trong SGK:

Câu 1: Đây là câu hỏi yêu cầu nhận biết thông tin hiển ngôn trên bề mặt VB. Tuy nhiên, để trả lời được câu hỏi này, GV cần giải thích rõ khái niệm luật chơi. Trên cơ sở HS hiểu khái niệm luật chơi, hướng dẫn HS đọc lại VB và tìm thông tin tóm tắt luật chơi của trò cướp cờ. Cụ thể là:

– Người chơi chỉ được lên cướp cờ khi trọng tài gọi đúng số thứ tự của mình.

– Chỉ được đập (vỗ) nhẹ lên người chơi đối phương khi họ cầm cờ.

– Khi người chơi đã cầm cờ chạy qua được vạch của đội mình thì người chơi của đội kia không được đập vào người bạn chơi nữa.

– Trọng tài có thể gọi nhiều cặp đôi của hai đội cùng lên cướp cờ.

– Kết thúc cuộc chơi, đội nào được nhiều điểm hơn thì thắng cuộc. Phần thưởng cho đội thắng có thể là hiện vật hoặc được đội thua cõng một vòng quanh sân.

Câu 2: Để hướng dẫn HS trả lời câu hỏi này, GV yêu cầu HS đọc lại, tìm trong VB những đoạn có chứa từ khoá ghi điểm, tính điểm và đọc phần VB có những từ khoá ấy để tìm kiếm thông tin và suy luận ý nghĩa. HS có thể trả lời như sau: Để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải chạy lên lừa lấy được cờ từ giữa sân sau tiếng hô của trọng tài và chạy về đến vạch của đội mình với cây cờ trên tay mà không bị bạn chơi ngăn cản hoặc đập (vỗ) nhẹ lên người.

Câu 3: GV có thể yêu cầu HS đọc kĩ VB, liên hệ với tri thức đọc hiểu về loại VB giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động để xác định:

a. Mục đích của VB: Giới thiệu về cách thức thực hiện trò chơi cướp cờ.

b. Các đặc điểm sau của VB đã góp phần thực hiện được mục đích đó:

– Về cấu trúc: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy trình; (b) Liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi chơi; (c) Trình bày cách chơi.

– Về từ ngữ: sử dụng những từ ngữ chỉ thời gian như: *đầu tiên, tiếp theo,...*

– Về loại từ: câu sử dụng nhiều động từ.

– Về đề mục: sử dụng đề mục để tóm tắt những thông tin chính của VB như: **a. Mục đích, b. Chuẩn bị, c. Hướng dẫn cách chơi**.

– Về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sử dụng hình ảnh minh hoạ cách chơi.

Câu 4: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB và xác định tác dụng của cách triển khai ấy đối với mục đích giao tiếp của VB. Để trả lời câu hỏi này, trước tiên GV nên yêu cầu HS đọc lại tri thức đọc hiểu *Cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB thông tin* và trao đổi theo cặp hoặc nhóm để tìm câu trả lời.

Nội dung trả lời gợi ý: VB *Trò chơi cướp cờ* chủ yếu triển khai thông tin theo trật tự thời gian bởi vì tác giả đã mô tả rõ những việc cần chuẩn bị trước khi chơi, trình tự các bước chơi được mô tả bằng những từ ngữ như: *đầu tiên, tiếp theo, sau đó, tiếp tục,...* Cách triển khai thông tin như vậy giúp người đọc hình dung được các bước cần thực hiện của trò chơi.

Câu 5: HS có thể trả lời như sau: Hình vẽ trò chơi trong VB làm cho thông tin được rõ ràng, giúp người đọc dễ nhận biết cách chơi. Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS rút ra một đặc điểm rất quan trọng của VB thông tin là sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin.

Câu 6: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS liên hệ, so sánh, kết nối giữa nội dung VB với thực tế cuộc sống của các em và tạo cơ hội để HS rèn luyện kĩ năng viết. Trên cơ sở hiểu VB, HS sẽ chỉ ra được sức hấp dẫn đặc biệt của trò chơi cướp cờ, một trò chơi dân gian bên cạnh những trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại.

Nội dung trả lời gợi ý: Người chơi được tham gia vận động trong một không gian mở; được tương tác, kết nối, phối hợp cùng các bạn chơi khác, cảm nhận được tình đồng đội, sự đoàn kết khi chơi; được luyện tập một số kĩ năng như: lắng nghe, quan sát, nhanh nhẹn, khéo léo,...

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc. Vì thế nội dung dạy học này nên được chuyển thành nhiệm vụ học tập tại nhà cho HS và GV có thể kiểm tra, đánh giá ở tiết học *Viết* hoặc tiết *Ôn tập*.

Trên lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các tiêu chí: (1) trình bày được một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ; (2) độ dài khoảng 200 chữ. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng 15 phút. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kĩ thuật phòng tranh) hoặc góc bảng tin học tập của lớp.

Sau khi hướng dẫn HS khám phá VB, ở hoạt động luyện tập, vận dụng, GV có thể tổ chức cho HS vẽ sơ đồ tóm tắt đặc điểm nội dung và hình thức của VB, hoặc làm thẻ đọc sách, trong đó trình bày những vấn đề cần lưu ý khi đọc loại VB giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động. GV cũng có thể yêu cầu HS tự tìm một VB cụ thể có đặc điểm tương tự và chứng minh sự thể hiện của những đặc điểm ấy trên VB hoặc trải nghiệm chơi thử trò chơi dựa trên sự hướng dẫn của VB và chia sẻ cảm nhận thực tế của các em.

VĂN BẢN 2: *CÁCH GỌT CỦ HOA THUỶ TIÊN*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	1, 3
Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB (chẳng hạn: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).	2
Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.	4
Nhận biết được thông tin cơ bản của VB.	5

Câu hỏi 6 yêu cầu HS hình dung, tưởng tượng và trình bày kết quả hiểu VB *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên* qua hình thức viết ngắn. Mặc dù mục tiêu bài học không đặt ra yêu cầu này nhưng khi dạy, GV nên nêu câu hỏi này để kiểm tra mức độ hiểu VB của HS và tạo cơ hội cho HS trải nghiệm cảm xúc của người yêu cái đẹp từ những bát hoa thuỷ tiên.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Gợi ý tổ chức hoạt động: Xem lại bài học *Trò chơi cướp cờ*.

Hoạt động này có thể được thiết kế thành nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà trước khi đến lớp. Nếu dạy học ở lớp, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại – gợi mở để tổ chức cho HS trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi trong phần *Chuẩn bị đọc*.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng trò chơi hoặc kĩ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm loại VB giới thiệu quy tắc hay luật lệ của trò chơi hoặc hoạt động (đã tìm hiểu ở bài học *Từng bước hoàn thiện bản thân*).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Gợi ý tổ chức hoạt động: Xem lại bài học *Trò chơi cướp cờ*.

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS.

Đối với hệ thống câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* ở bài học này, GV cần lưu ý:

Câu 1: Để hỗ trợ HS suy luận, GV nên hướng dẫn HS chú ý hệ thống đề mục trong VB để nhận ra hệ thống ấy cung cấp thông tin về cách gọt củ hoa thuỷ tiên cho người đọc. Trên cơ sở đó, GV có thể hướng dẫn HS rút ra vai trò của hệ thống đó với việc đọc là cung cấp thông tin chính của VB.

Câu 2: Hướng dẫn HS suy luận về mục đích của phần VB được đánh dấu. HS trả lời dựa trên cơ sở thông tin của đoạn văn kết hợp với những hiểu biết của các em về từ ngữ, đặc điểm của loại VB giới thiệu về quy tắc hay luật lệ của trò chơi hoặc hoạt động. Yêu cầu cần đạt của câu hỏi này là kết quả suy luận của HS và cách thức HS suy luận (GV nên đặt câu hỏi sau để kiểm tra: *Dựa vào đâu mà em suy luận như vậy?*). HS có thể trả lời là: *giải thích lí do vì sao cần thực hiện thao tác gọt củ hoa thuỷ tiên.*

GV không cần yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình về tất cả câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* mà có thể yêu cầu HS tự trả lời bằng cách viết ra giấy. Sau khi HS hoàn thành việc đọc trực tiếp, GV có thể mời một vài HS chia sẻ câu trả lời về một số câu hỏi đó để vừa kiểm tra nhanh kết quả đọc trực tiếp của HS, vừa kiểm tra kết quả sử dụng kĩ năng suy luận của HS.

Sau đó, GV đánh giá về kết quả đọc của HS ở giai đoạn này.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Với nhóm câu hỏi này, HS tiếp tục được rèn luyện những kĩ năng đọc đã được hình thành ở bài học *Trò chơi cướp cờ*. Vì thế, GV tăng cường việc tổ chức cho HS hoạt động, giảm dần sự hướng dẫn của GV.

GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Đàm thoại gợi mở dựa trên hệ thống câu hỏi *suy ngẫm và phản hồi* trong SGK. GV có thể chuyển những câu hỏi này thành phiếu học tập để hỗ trợ HS ghi chép trong giờ học.

– Dạy học hợp tác (nhóm): Tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi và trình bày, nhận xét về câu trả lời của bạn/ nhóm bạn.

– Kĩ thuật KWL, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, phòng tranh: Kết hợp với dạy học hợp tác để hướng dẫn HS kích hoạt tri thức nền (kĩ năng đọc loại VB thông tin giới thiệu về quy tắc hay luật lệ của trò chơi hoặc hoạt động) và thực hiện các hoạt động khám phá, luyện tập, vận dụng về VB.

Cách thức sử dụng hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*: Xem lại hướng dẫn ở bài học *Trò chơi cướp cờ*.

Với hệ thống 6 câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề chính sau:

– Tìm hiểu đặc điểm của VB: câu hỏi 1.

– Tìm hiểu thông tin cơ bản của VB: câu hỏi 5. Ở nội dung này, GV nên lưu ý HS xoáy vào cách xác định thông tin cơ bản của VB này qua việc nhận biết cách thức triển khai thông tin và một số dấu hiệu hình thức của VB.

– Tìm hiểu cách triển khai thông tin của VB: câu hỏi 2, 3.

– Tìm hiểu tác dụng biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong VB: câu hỏi 4.

– Hình dung, tưởng tượng về cảm xúc của người chơi hoa thuỷ tiên: câu hỏi 6.

Sau đây là gợi ý triển khai các câu hỏi trong SGK:

Câu 1: Để trả lời câu hỏi này, GV có thể hướng dẫn HS:

– Đọc lại *Tri thức Ngữ văn*, dùng những hiểu biết về đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để quan sát các dấu hiệu hình thức của VB *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*.

– Thảo luận theo cặp và trình bày miệng kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Nội dung trả lời của câu hỏi này là:

– Mục đích của VB là hướng dẫn cách gọt củ hoa thuỷ tiên.

– Những dấu hiệu của VB thông tin mô tả quy trình được thể hiện trong VB *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên* là:

+ VB có cấu trúc gồm 3 phần: giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi thực hiện, trình bày các bước thực hiện.

+ Sử dụng các con số để đánh dấu trình tự thực hiện và một số từ ngữ chỉ thời gian như: *trước tiên*, *đầu tiên*, *trước khi*, *sau hai ngày*,…

+ Sử dụng một số thuật ngữ liên quan đến chăm sóc hoa, cây cảnh như: *củ hoa*, *cuống hoa*, *thuỷ dưỡng*, *chỉnh lá*, *chỉnh hoa*…; sử dụng câu chứa nhiều động từ.

+ Sử dụng hệ thống đề mục để tóm tắt những thông tin chính của VB.

+ Sử dụng hình ảnh minh hoạ cách thức thực hiện.

Câu 2: yêu cầu HS xác định thông tin cơ bản, cách triển khai thông tin trong một đoạn văn cụ thể và tác dụng của cách triển khai thông tin đối với việc thể hiện mục đích của VB. Để giúp HS có thể trả lời câu hỏi này, GV nên:

– Gợi nhắc hoặc yêu cầu HS đọc lại một số cách triển khai thông tin của VB thông tin được trình bày ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

– Kết nối với nội dung trả lời của câu hỏi 1 ở phần *Trải nghiệm cùng văn bản* và câu hỏi 1 ở phần *Suy ngẫm và phản hồi*.

– Hướng dẫn HS:

+ Kết hợp nội dung trả lời câu hỏi 2 của phần *Trải nghiệm cùng văn bản* với việc đọc lại đoạn văn để xác định thông tin cơ bản của đoạn văn.

+ Từ thông tin cơ bản của đoạn văn, tìm dấu hiệu hình thức của đoạn văn theo gợi ý ở phần *Tri thức Ngữ văn* (mục *Một số cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin*), trên cơ sở đó, xác định cách triển khai thông tin của đoạn văn.

+ Xác định mối quan hệ giữa một thông tin cụ thể của VB được thể hiện qua một đoạn văn với mục đích của toàn VB: dựa trên mục đích của VB để chỉ ra tác dụng của cách triển khai thông tin trong đoạn văn ấy với toàn VB.

Yêu cầu đối với câu trả lời:

(1) Thông tin cơ bản của đoạn văn là miêu tả cách thức gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên, cách triển khai thông tin của đoạn văn này là sự kết hợp giữa cách triển khai theo trật tự thời gian và theo mối quan hệ nhân quả.

+ Việc triển khai thông tin theo trình tự thời gian được thể hiện qua cách miêu tả thứ tự thực hiện các thao tác như: bóc vỏ củ và bao mầm, gọt bẹ củ, xén lá, cạo cuống hoa,…

+ Việc triển khai thông tin theo mối quan hệ nhân quả được thể hiện qua cách tác giả lí giải lí do của việc "phải gọt khi lá, giò hoa mới là những mầm vẫn đang ngủ yên trong củ".

(2) Tác dụng: giúp cho người đọc hiểu hơn về cách thức thực hiện và ý nghĩa của bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên trong quá trình tạo ra một bát hoa thuỷ tiên đẹp.

Câu 3: Câu này yêu cầu HS nhận diện cách triển khai thông tin của toàn VB dựa trên mục đích VB. Để hướng dẫn HS giải quyết câu hỏi này, GV nên:

– Nhắc HS kết nối với câu trả lời của câu hỏi 1 và 2 ở phần *Trải nghiệm cùng văn bản*, câu hỏi 1 ở phần *Suy ngẫm và phản hồi*.

– Tổ chức cho HS hợp tác để tìm câu trả lời vì đây là câu hỏi tương đối phức tạp.

– Hỗ trợ HS tìm ra mối quan hệ giữa đặc điểm của VB với mục đích của VB, GV có thể sử dụng kết hợp một số câu hỏi gợi mở như: *Những từ ngữ như "trước tiên, thứ* ***hai****, thứ* ***ba****,* ***một*** *củ hành,* ***một*** *bát nước,* ***vài*** *viên đá lạnh",…/ số từ xuất hiện trong VB có ý nghĩa gì? Các từ ngữ miêu tả quy trình có ý nghĩa gì với người đọc và VB?…*

– Tiếp theo, GV lần lượt hướng dẫn HS: (1) Xác định mục đích của VB; (2) Dựa trên tri thức đọc hiểu để dự đoán cách triển khai thông tin chính phù hợp với mục đích; (3) Tìm kiếm bằng chứng trong VB để xác nhận tính đúng đắn của dự đoán.

Dưới đây là định hướng trả lời cho câu hỏi:

(1) Mục đích của VB là hướng dẫn cách gọt củ hoa thuỷ tiên.

(2) Thông tin chính của VB được triển khai theo trật tự thời gian tức là trật tự thực hiện các thao tác của hoạt động. Cách triển khai thông tin này hỗ trợ cho việc thực hiện

mục đích của văn bản vì với cách triển khai ấy, người đọc sẽ hình dung rõ ràng, cụ thể tuần tự từng bước cần thực hiện trong hoạt động, nhờ đó có thể làm tốt hoạt động ấy.

(3) Đưa ra các bằng chứng từ VB để chứng minh ý kiến của mình: *trước tiên, đầu tiên, trước khi,…*

Sau khi HS trả lời, GV cần nhắc HS:

– Khi viết, người viết có thể sử dụng kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin nhưng vẫn thường lựa chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin muốn cung cấp.

– Việc nhận diện đặc điểm của cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB sẽ giúp người đọc xác định mục đích viết của tác giả, đồng thời việc xác định mục đích của VB cũng hỗ trợ người đọc dễ dàng nhận ra đặc điểm của cách triển khai thông tin.

Câu 4: Hướng dẫn HS nhận diện loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB và chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung VB.

Gợi ý trả lời:

Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB này là các hình ảnh minh hoạ. Tác dụng: tăng tính trực quan cho thông tin của VB, kết hợp với thông tin trong VB, giúp người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt động gọt củ hoa thuỷ tiên, góp phần tạo hứng thú cho người đọc.

Câu 5: GV có thể hỏi HS về cách thức thể hiện thông tin cơ bản trong VB, chẳng hạn được trình bày qua cách triển khai thông tin của VB, qua đoạn sa-pô, câu chủ đề của các đoạn, hệ thống tiêu đề và đề mục của VB,… Để thực hiện tốt câu hỏi này, GV nên hướng dẫn HS xác định thông tin cơ bản của VB, sau đó lựa chọn hình thức sơ đồ phù hợp để vẽ.

Câu 6: Với câu hỏi này, GV hướng dẫn HS hình dung, tưởng tượng về cảm xúc của người đã gọt được một bát hoa thuỷ tiên đẹp và bày tỏ những cảm xúc đó bằng một đoạn văn. GV cần lưu ý HS hình thức trình bày đúng với yêu cầu của đoạn văn và nội dung là trình bày cảm xúc của một người vừa gọt được bát hoa thuỷ tiên đẹp, sử dụng ngôi thứ nhất để trình bày cảm xúc.

Đối với bài học này, GV có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự án học tập để thông qua việc thực hiện theo những hướng dẫn của VB, HS có thể hiểu hơn về đặc điểm của VB.

Sau bài học này, GV có thể sử dụng một số phương pháp và kĩ thuật dạy học như: đàm thoại gợi mở, công não, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn,… để hướng dẫn HS rút ra những kinh nghiệm về kĩ năng đọc hiểu loại VB thuyết minh về một quy tắc, luật lệ của một trò chơi hay hoạt động. Một số bài học kinh nghiệm về cách đọc loại VB này là:

– Chú ý đến đặc điểm của loại VB: cấu trúc, đặc điểm sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện phi ngôn ngữ, cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB.

– Nhận biết thông tin cơ bản của VB.

– Liên hệ, kết nối giữa VB với thực tế, với hiểu biết nền của người đọc (trải nghiệm của người đọc, kiến thức của người đọc về loại VB).

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *HƯƠNG KHÚC*

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết chủ đề của VB; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

– Liên hệ với chủ điểm của bài học để hiểu hơn về chủ điểm *Nét đẹp văn hoá Việt*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS quan sát hình ảnh minh hoạ món xôi khúc trong SGK hoặc hình ảnh do GV chuẩn bị, đọc nhan đề VB và dựa vào chủ điểm của bài học để dự đoán về nội dung VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức hoặc hướng dẫn cho HS đọc trực tiếp VB.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* ở bài đọc này chủ yếu hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của VB, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại – gợi mở hoặc dạy học hợp tác để tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận về các câu hỏi.

Tiếp tục rèn luyện các kĩ năng đọc như: suy luận, tưởng tượng, theo dõi.

Với hệ thống 3 câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề chính sau:

– Tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ: câu hỏi 1.

– Tìm hiểu tình cảm của tác giả thể hiện trong VB: câu hỏi 2.

– Liên hệ, kết nối với chủ điểm của bài học: câu hỏi 3.

Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của VB qua hệ thống câu hỏi:

Câu 1: Giúp HS xâu chuỗi, kết nối các thông tin để nhận ra các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của chiếc bánh khúc tuổi thơ, chẳng hạn như: từ vẻ đẹp của sản vật quê hương, từ cách làm bánh tỉ mỉ đong đầy yêu thương của bà, từ sự háo hức trông ngóng của một đứa trẻ chờ đợi món quà tuổi thơ,… GV có thể tổ chức cho HS đọc kĩ từng đoạn, suy luận nội dung, ý nghĩa của từng đoạn để tìm câu trả lời cho câu hỏi này.

Câu 2: GV cần lưu ý tình cảm, cảm xúc của tác giả trong VB có thể được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp qua cách tác giả kể và tả về cách bà làm bánh khúc. Trong VB này, tác giả đã thể hiện sự yêu thương, trân quý, nâng niu chiếc bánh ấy như nâng niu tất cả những gì đẹp nhất của tuổi thơ và đặc biệt trong đó còn có những kí ức rất đẹp và ấm áp về bà. Tình cảm của tác giả được thể hiện trực tiếp trong đoạn trích như: *Mùi thơm ngậy của rau khúc đồ chín, mùi của gạo nếp, mùi của nhân đậu xanh quyện với mùi hành mỡ toả ra và làm nên một thứ ẩm thực chứa đầy hạnh phúc lạ lùng trong tâm khảm tôi; một thứ hạnh phúc của ẩm thực nhưng thiêng liêng và da diết mơ hồ; Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng; Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người; Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường,...* Ngoài ra, tình cảm của tác giả còn được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả tỉ mỉ, chi tiết từng công đoạn làm bánh; cách lựa chọn từ ngữ miêu tả chiếc bánh, đặc biệt là những tính từ cực tả về tính chất như: *thơm ngậy, béo ngậy, ngọt ngào, dân dã, nóng hổi,...*; những biện pháp tu từ như: *Tôi nâng chiếc bánh khúc lên như nâng một báu vật, một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc,...*

Câu 3: Từ sự hấp dẫn của chiếc bánh khúc tuổi thơ trong đoạn trích, trình bày suy nghĩ về nét đẹp trong văn hoá ẩm thực của người Việt. Đó là những món ăn được chế biến từ sản vật quê hương, chứa đựng sự tinh tế của cách kết hợp nguyên liệu, gia vị cùng dấu ấn đẹp đẽ của kí ức, tình yêu tha thiết dành cho quê hương, gia đình,...

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu tri thức đọc hiểu.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức tiếng Việt ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì trong mục này, GV có thể dùng kĩ thuật KWL hoặc tia chớp, động não,... gợi nhớ tri thức đã học.

3. Thực hành tiếng Việt

GV có thể tổ chức cho HS giải quyết các câu hỏi, bài tập theo hình thức cá nhân hoặc nhóm/ cặp đôi. Mục đích là giúp HS củng cố, vận dụng lí thuyết ở phần *Tri thức Ngữ văn* vào việc nhận biết đặc điểm và chức năng của số từ trong các VB đọc hiểu trước đó. Ngoài ra thông qua phần thực hành này, HS còn được vận dụng những đơn vị tri thức tiếng Việt sau: từ đa nghĩa, cách lựa chọn từ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB, biện pháp tu từ so sánh, phép liên kết trong VB, dấu ngoặc kép.

Bài tập 1: Hướng dẫn HS tìm và xác định chức năng của số từ trong các ví dụ. *Gợi ý câu trả lời như sau:*

Câu	Số từ được sử dụng	Chức năng của số từ
a	*một*	Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *vòng, cây.*
b	*hai*	Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *người, đội.*
c	*hai*	Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *ngày.*
d	*hai*	Bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ *thứ.*
đ	*dăm*	Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *cái.*

Bài tập 2: Hướng dẫn HS xác định ý nghĩa của số từ được in đậm trong các ví dụ. Câu trả lời là:

Câu	Số từ được sử dụng	Ý nghĩa của số từ
a	*sáu* *hai*	Biểu thị số thứ tự của danh từ. Biểu thị số lượng chính xác.
b	*mười*	Biểu thị số lượng chính xác.
c	*hai, ba*	Biểu thị số thứ tự của danh từ.
d	*một, rưỡi*	Biểu thị số lượng chính xác.

Bài tập 3: Hướng dẫn HS đọc lại đoạn văn đã viết ở câu hỏi 6 (văn bản *Trò chơi cướp cờ*, trang 47), xác định số từ được sử dụng trong đoạn và chức năng của (những) số từ đó dựa trên kiến thức đã học. Nếu đoạn văn chưa có số từ thì có thể gợi ý, hướng dẫn HS tìm cách bổ sung số từ sao cho phù hợp với nội dung, ý nghĩa của đoạn văn dựa trên hiểu biết về đặc điểm và chức năng của số từ.

Bài tập 4: GV nhắc lại kiến thức *công dụng của dấu ngoặc kép* được học ở lớp 6 để HS có thể giải quyết bài tập này. *Gợi ý trả lời:* Trong hai trường hợp này, cả 2 từ *chuẩn vị* và *ngoan* đều được dùng để biểu thị nghĩa khác với nghĩa thông thường, vốn có của từ. Cụ thể như sau:

Từ ngữ được đánh dấu	Nghĩa thông thường	Nghĩa được hiểu theo dụng ý của tác giả trong văn bản *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*
Chuẩn vị	Có vị đúng chuẩn.	Có vẻ đẹp đúng chuẩn (nói về vẻ đẹp hoa thuỷ tiên xưa).
Ngoan	Dễ bảo, biết nghe lời (thường nói về trẻ em).	(Chiếc lá) dễ uốn nắn, dễ tạo hình nhất.

Bài tập 5: Hướng dẫn HS vận dụng kiến thức về cách lựa chọn từ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB đã học ở lớp 6 để giải quyết nhiệm vụ học tập được đặt ra. Trên cơ sở so sánh điểm giống và khác nhau giữa các từ *cho*, *biếu*, *tặng*, HS sẽ giải thích được vì sao trong câu văn của VB *Hương khúc*, tác giả Nguyễn Quang Thiều chọn dùng từ *biếu*. *Gợi ý câu trả lời như sau*:

Về các từ *cho*, *biếu*, *tặng*:

– Điểm giống nhau về nghĩa: chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả.

– Điểm khác nhau: ba từ trên có sự khác nhau về sắc thái biểu cảm và đối tượng nói đến khi sử dụng:

+ *Cho*: thường dùng trong trường hợp người trên/ lớn tuổi hơn trao cho người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc dùng giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau, biểu thị sắc thái bình thường, thân mật.

+ *Biếu*: thường dùng trong trường hợp người dưới/ nhỏ tuổi hơn trao cho người trên/ lớn tuổi hơn, biểu thị sự tôn trọng, thành kính.

+ *Tặng*: được dùng để chỉ ý "cho, trao cho nhằm khen ngợi, khuyến khích hay tỏ lòng yêu mến", có thể dùng trong nhiều trường hợp (giữa người trên/ lớn tuổi và người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau). *Tặng* (ví dụ: tặng quà sinh nhật cho nó, tặng anh ấy một món quà, tặng mẹ một bó hoa,...) thường được sử dụng trong các dịp đặc biệt như: sinh nhật, ngày lễ,...

Trong trường hợp câu văn của Nguyễn Quang Thiều, từ ***biếu*** được chọn dùng là hoàn toàn phù hợp vì đó là trường hợp "chị tôi" (người dưới) mang những chiếc bánh khúc nóng hổi đến để trao cho "bà ngoại tôi" (người trên). Cách sử dụng từ ***biếu*** trong trường hợp đó thể hiện được sự kính trọng của tác giả dành cho bà ngoại mình. Cách diễn đạt như vậy cho thấy những chiếc bánh khúc ấy không chỉ là những hiện vật về mặt vật chất mà nó còn gói trọn tất cả những tình cảm yêu thương, trân trọng mà người cho dành cho người nhận.

Bài tập 6: Mục đích của bài tập này là củng cố kiến thức về phép tu từ so sánh. HS dựa trên hiểu biết về phép so sánh để xác định hai hình ảnh so sánh trong các ví dụ: *nâng chiếc bánh khúc lên như nâng một báu vật, một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc*. GV cần hướng dẫn HS phân tích để chỉ ra tác dụng của các phép so sánh trên trong việc miêu tả chiếc bánh khúc cũng như việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả với đối tượng miêu tả.

Bài tập 7: GV chú ý hướng dẫn HS nhận ra các phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích:

– Phép nối: *nhưng* (2)

– Phép lặp từ ngữ: *rau khúc* (1) – *rau khúc* (2)

– Phép liên tưởng: *tháng Mười Một* (1) – *tháng Giêng, tháng Hai* (2)

– Phép thế: *tháng Giêng, tháng Hai* (2) – *Đó* (3); *lúc gần sáng* (3) – *những đêm gần sáng như* ***thế*** (4)

Lưu ý: *Những đêm gần sáng như* ***thế*** được hiểu là "những đêm gần sáng với *những làn mưa xuân ấm áp thường trở về trên cánh đồng*".

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *KÉO CO*

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

– Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB (chẳng hạn: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).

– Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB in hoặc VB điện tử.

2. Thực hành đọc

Chức năng của hoạt động này là giúp HS vận dụng, củng cố kĩ năng đọc hiểu VB thông tin giới thiệu về quy tắc/ luật lệ của trò chơi hay hoạt động. Vì thế, GV có thể cho HS đọc ở nhà, hoàn thành phần bài tập/ câu hỏi hướng dẫn đọc trong SGK. Khi đến lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, trình bày kết quả đọc với các bạn khác trong nhóm/ lớp. Thông qua kết quả đọc của HS, GV giúp HS ôn lại những đặc điểm của loại VB thông tin này. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng có thể được thực hiện vào cuối bài học, kết hợp với hoạt động ôn tập.

VIẾT

VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

1. Yêu cầu cần đạt

– Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Để HS có thể viết được bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách, GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của một VB tường trình.

GV có thể kết hợp giao nhiệm vụ học tập cho HS thực hiện ở nhà với trên lớp, cụ thể như sau:

– Ở nhà: Yêu cầu HS xem trước đặc điểm của kiểu bài viết (chú ý đến đặc điểm bố cục, nội dung văn bản) và nội dung *Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản* (trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB).

– Ở lớp: GV có thể đặt câu hỏi để kiểm tra mức độ tìm hiểu bài của HS, sử dụng câu hỏi hoặc trò chơi để HS nhắc lại những yêu cầu đối với kiểu VB tường trình. Sau đó, GV giải thích kết hợp với trình chiếu một bản tường trình cụ thể để HS nhận biết đặc điểm của bản tường trình, sau đó chốt lại một số từ khoá cơ bản.

3. Phân tích mẫu văn bản

GV có thể giao nhiệm vụ cho HS về nhà đọc SGK và chuẩn bị trước nên khi đến lớp chỉ cần tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ kết quả chuẩn bị bài rồi chốt vấn đề.

4. Viết theo quy trình

GV dựa vào quy trình viết trong SGK để hướng dẫn HS viết theo quy trình.

Trước tiên GV có thể dùng sơ đồ sau và câu hỏi để gợi nhắc cho HS về quy trình viết cũng như ý nghĩa của từng bước trong quy trình:

Hoặc GV có thể cho HS đọc nhanh SGK và tóm tắt các nội dung của quy trình theo phiếu học tập sau (có thể làm ở nhà hoặc ở lớp):

Bước	Những việc cần làm	Ý nghĩa

Sau đó, HS sử dụng bảng này khi thực hiện hoạt động ở từng bước. Khi thực hành từng bước, HS sẽ dựa vào bảng tóm tắt để thực hiện.

***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết* (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)**

GV trình bày mô hình sau trên bảng phụ, tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về những câu hỏi sau:

– **Đề tài:** Xác định nội dung, và kiểu bài viết:

+ *Đề tài của bài viết này là gì?*

+ *Tôi muốn viết về nội dung gì?*

+ *Kiểu bài này là gì?*

– **Mục đích viết:** Xác định mục đích giao tiếp:

+ *Mục đích viết bài này là gì?*

+ *Viết để thông báo hay để trình bày?*

…

– **Người đọc:** Xác định đối tượng giao tiếp:

+ *Người đọc của tôi có thể là ai?*

+ *Họ đã biết điều gì về vấn đề tôi định viết?*

+ *Điều gì có thể làm họ quan tâm? Họ muốn biết thêm việc gì?*

…

GV có thể giao đề bài cho HS trước giờ học viết 1 tuần để HS chuẩn bị tư liệu và khi đến lớp, GV yêu cầu HS chia sẻ cách thức các em đã thu thập tư liệu cho bài viết. Từ đó, GV cùng với HS đánh giá về độ chính xác, tin cậy của các nguồn tư liệu và hướng dẫn HS rút kinh nghiệm về cách thức thu thập tư liệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Mỗi HS có thể sẽ có nội dung sự việc muốn tường trình với những đối tượng người đọc cụ thể. Vì thế, trong bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào hướng dẫn trong SGK để phác thảo ý tưởng và lập dàn ý cho bài viết.

Sau khi HS lập xong dàn ý, GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết bài

Cho HS viết tại lớp (toàn bài hoặc một phần) hoặc ở nhà tuỳ vào việc phân bổ thời gian cho hoạt động viết.

Lưu ý: Trước khi HS viết bài, GV cần tổ chức cho HS tìm hiểu, xác định các tiêu chí đánh giá đối với một VB tường trình theo một trong những cách sau:

(1) GV có thể dựa trên đặc điểm của kiểu VB để hướng dẫn xác định tiêu chí đánh giá bài viết bằng cách đặt những câu hỏi như:

+ *Theo em, thế nào là một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu?*

+ *Một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu cần thoả mãn/ đáp ứng những tiêu chí nào?*

…

(2) GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu, làm rõ các tiêu chí đánh giá bài viết bản tường trình theo bảng kiểm văn bản tường trình trong SGK bằng cách đặt những câu hỏi sau:

+ Đọc bảng kiểm văn bản tường trình trong SGK và cho biết có cần bổ sung hay điều chỉnh tiêu chí nào không. Vì sao?

+ Nêu câu hỏi về những điều chưa rõ liên quan đến các tiêu chí (nếu có).

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Bước này có thể thực hiện qua 2 hoạt động:

– Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm văn bản tường trình* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nhắc HS dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau, khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cuối cùng, cho HS tự rút ra những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và bạn bè về cách viết VB tường trình.

NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG, TÔN TRỌNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

2. Thực hành nói và nghe

GV tổ chức cho HS khởi động giờ học thông qua việc tổ chức một trò chơi (ô chữ, tìm từ khoá, đoán ý đồng đội,...) có nội dung liên quan đến việc trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt hoặc sử dụng câu hỏi để kích hoạt kiến thức nền của HS về ý nghĩa, cách thức của việc trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu mục tiêu của bài học.

Bước 1: Chuẩn bị

Đây là bước hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung trao đổi và cách trao đổi.

Để chuẩn bị nội dung trao đổi, GV có thể sử dụng phiếu học tập theo gợi ý trong SGK hoặc cho HS chuẩn bị trước ở nhà.

Để ôn lại những vấn đề cần lưu ý về cách trao đổi, GV có thể sử dụng trò chơi để gợi nhắc cho HS về những nội dung liên quan đến cách trao đổi đã học ở bài 7 (*Trí tuệ dân gian*).

Bước 2: Trao đổi

Tham khảo cách tổ chức hoạt động này ở bài 7 (*Trí tuệ dân gian*).

Ở bước này, GV cần lưu ý tổ chức cho HS trình bày ý kiến trước và sau đó là trao đổi và phản hồi với các ý kiến khác của người nghe.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự đọc ở nhà VB *Trò chơi kéo co* và hoàn thành bài tập về nhận biết thể loại VB thuyết minh giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động và các bài tập khác trong mục *Ôn tập*. Trong quá trình đó, GV nhắc HS ghi lại những khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để trao đổi tại lớp khi ôn tập.

Trong tiết ôn tập trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tích hợp viết với đọc (câu hỏi 6 của bài *Trò chơi cướp cờ*, câu hỏi 6 của bài *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*) của HS ở phần đầu của giờ học (nếu hoạt động này chưa thực hiện ở những giờ học trước). Sau đó, GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi, dạy học hợp tác, kĩ thuật mảnh ghép,... để tổ chức hoạt động học của nội dung *Ôn tập* trong SGK.

Câu 1: GV nên lưu ý HS về các đặc điểm của VB bản thuyết minh giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động sau khi tiến hành hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của 2 VB *Trò chơi cướp cờ* và *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*.

Câu 2: GV hướng dẫn HS xác định chức năng của từ ***vài*** trong câu văn, thử so sánh sự khác nhau về ý nghĩa của câu văn có chứa và không chứa từ ***vài***. Trên cơ sở ấy, HS có thể rút ra kết luận: không thể lược bỏ từ ***vài*** vì nó thực hiện chức năng bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ "ngày", làm cho câu văn trở nên rõ nghĩa hơn, cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết hơn cho người đọc. Sau đó, GV hướng dẫn HS khái quát nhận xét về chức năng của số từ trong câu.

Câu 3: GV có thể sử dụng kĩ thuật động não để HS viết hoặc nói về những lưu ý khi đọc VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Những lưu ý này được rút ra dựa trên đặc điểm của kiểu VB thông tin và dựa trên những thao tác HS đã tiến hành để tìm hiểu hai VB *Trò chơi cướp cờ* và *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*. GV cũng có thể sử dụng những câu hỏi sau để gợi mở cho HS:

– Khi đọc VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, người đọc nên chú ý điều gì?

– Để đọc hiểu VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, người đọc cần thực hiện những thao tác gì?

...

Từ đó có thể hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề liên quan đến thao tác đọc, ví dụ như:

– Xác định mục đích của VB.

– Xác định cấu trúc của VB.

– Xác định cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB.

– Xác định yếu tố phi ngôn ngữ và tác dụng của chúng trong VB.

...

Câu 4: GV hướng dẫn HS dựa vào SGK để vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt ngắn gọn đặc điểm về bố cục và nội dung.

Câu 5: Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS tự do chia sẻ cách hiểu của bản thân dựa trên thực tế trải nghiệm hoạt động nói và nghe của bài học.

Câu 6: Nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS ít phút suy ngẫm, viết vài dòng về những vấn đề liên quan đến việc giữ gìn những nét đẹp văn hoá của cha ông. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

BÀI 9: TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

(14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

– Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).

– Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

– Biết cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

– Viết đoạn văn tóm tắt văn bản theo yêu cầu độ dài khác nhau.

– Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

– Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về khái niệm "viễn tưởng", "khoa học viễn tưởng", "mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ", kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật KWL, kĩ thuật "5 ngón tay" để tóm tắt văn bản, kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và kiến thức tiếng Việt.

– Tổ chức cho HS thuyết trình, chia sẻ ý kiến, thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu VB mẫu.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn tóm tắt văn bản theo yêu cầu độ dài khác nhau, bài thảo luận nhóm của HS về một vấn đề gây tranh cãi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể chọn một trong số những cách sau để dẫn dắt vào bài học:

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về nội dung một tình huống giả định: "Điều gì sẽ xảy ra nếu một ngày con người đánh mất trí tưởng tượng?".

HS suy nghĩ, viết ra giấy, chia sẻ với bạn về những điều có thể xảy ra trong cuộc sống (ở các lĩnh vực như: sản xuất, khoa học, kĩ thuật, công nghệ, nghệ thuật,...) khi con người không có khả năng tưởng tượng.

– Tổ chức cho các nhóm HS thảo luận về chủ đề: *Thế giới của chúng ta 50 năm sau*. Để thực hiện hoạt động này, GV yêu cầu mỗi HS lựa chọn những hình ảnh mô tả về thế giới của chúng ta trong 50 năm sắp tới và giải thích ngắn gọn lí do của sự tưởng tượng đó. Sau khi hoàn thành, các em chia sẻ trong nhóm, nhóm chọn những ý kiến mà các bạn thấy thú vị nhất và cùng trao đổi lại trước lớp.

– Mời HS tham gia thử thách *Nếu em là nhà khoa học* bằng cách trả lời các câu hỏi: *Nếu em là nhà khoa học, em sẽ tạo ra sản phẩm gì? Cần có những tri thức khoa học nào để có thể tạo ra sản phẩm đó?*... Sau đó, GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo cặp, nhóm hoặc trước lớp và dẫn dắt vào nội dung bài học đồng thời nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện khoa học viễn tưởng

Trong bài học này, tri thức đọc hiểu nên được dạy ở giờ học của VB *Dòng "Sông Đen"*. Đây là lần đầu tiên HS tiếp cận với thể loại truyện khoa học viễn tưởng trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở. Vì vậy, GV nên tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Gợi kiến thức, trải nghiệm sẵn có của HS về truyện khoa học viễn tưởng bằng kĩ thuật KWL (*Điều đã biết về truyện khoa học viễn tưởng, Điều muốn biết về truyện khoa học viễn tưởng,...*) hoặc sử dụng câu hỏi gợi mở *(Kể tên truyện hoặc tên bộ phim khoa học viễn tưởng em đã đọc/ đã xem, Em biết gì về thể loại truyện khoa học viễn tưởng?...)*.

Bước 2: Thiết kế hoạt động để giải thích, hệ thống, tóm tắt những đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng.

GV có thể sử dụng phiếu học tập, sơ đồ tư duy hoặc những trò chơi như: nối cột, điền khuyết để giúp HS nhận diện và hiểu các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng. Cũng có thể mời HS chia sẻ về cuốn sách/ bộ phim khoa học viễn tưởng các em đã xem và những hiểu biết của HS về thể loại này (đề tài, nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian,...) trong các sách/ bộ phim đó.

GV tham khảo bảng sau đây để giúp HS hệ thống tri thức đọc hiểu từ SGK:

Bảng tóm tắt các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng

Các yếu tố	Đặc điểm	Ví dụ minh hoạ
Đề tài	Đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ.	Chế tạo dược liệu, khám phá đáy đại dương, du hành vũ trụ, gặp người ngoài hành tinh,...
Cốt truyện		
Tình huống truyện		
Sự kiện		
Nhân vật		
Không gian – thời gian		

2. Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

GV dùng phương pháp diễn giảng kết hợp sơ đồ hoá cấu trúc của câu tiếng Việt (bao gồm 2 thành phần chính và các thành phần phụ, trong đó có trạng ngữ), các loại cụm từ (đã học trong tiếng Việt 6) và cách mở rộng thành phần chính, trạng ngữ trong câu bằng cụm từ. Qua đó, GV giúp HS hiểu: chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ có thể được mở rộng bằng cụm từ và có thể biến chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ từ một từ trở thành một cụm từ hoặc từ một cụm từ đơn giản trở thành một cụm từ phức tạp hơn.

Ngoài những ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác bên ngoài để phân tích, giúp HS hiểu bài sâu hơn.

3. Kĩ năng đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng

Mục tiêu chính về việc dạy kĩ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kĩ năng đọc thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Vì thế, GV gợi nhắc kiến thức của HS về kĩ năng đọc thể loại truyện nói chung (đã học ở lớp 6) và tri thức về truyện khoa học viễn tưởng nói riêng bằng các câu hỏi như:

– Khi đọc hiểu một VB truyện, chúng ta cần chú ý đến những điểm nào?

– Nhân vật trong truyện thường được thể hiện qua những chi tiết nào?

– Cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng có gì đặc biệt so với với các loại truyện khác?

Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh khi đọc truyện khoa học viễn tưởng cần chú ý một số điểm như: sự thể hiện của yếu tố khoa học, công nghệ trong đề tài, tính chất phức tạp của các sự kiện khi trộn lẫn thế giới giả định và thế giới thực, nhân vật thường có những điểm đặc biệt về năng lực (thể hiện qua các chi tiết miêu tả hành động, ý nghĩ, ngoại hình,...), không gian, thời gian được mở rộng, không có giới hạn.

4. Kĩ năng tưởng tượng và suy luận

Truyện khoa học viễn tưởng tạo nên một thế giới khác lạ, hấp dẫn với người đọc nhờ sự kết hợp trí tưởng tượng bay bổng, sáng tạo và những tri thức khoa học, công nghệ của các nhà văn. Do vậy, để hiểu VB, người đọc phải có khả năng tưởng tượng. Ngoài ra, để hiểu được tầng nghĩa ẩn sâu dưới bề mặt ngôn từ, rút ra được những nhận xét về nhân vật, chủ đề,... HS cần có khả năng suy luận. Vì thế, trong bài học này, GV nên tập trung phát triển cho HS kĩ năng tưởng tượng và suy luận trong khi đọc.

Trong quá trình đọc VB, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện 2 kĩ năng trên bằng cách:

– Yêu cầu HS tưởng tượng và mô tả lại bằng ngôn từ/ hình vẽ hình ảnh thế giới, nhân vật, sự kiện mà nhà văn xây dựng trong tác phẩm.

– Ghi lại những cách hiểu của mình về các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh. GV lưu ý nhắc HS khi suy luận phải dựa trên việc bám sát các từ ngữ, chi tiết,... kết nối các yếu tố trong VB với hiểu biết của bản thân, từ đó rút ra nhận xét.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *DÒNG "SÔNG ĐEN"*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của VB này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.	1, 2, 3, 7
Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.	6
Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện.	5
Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.	4

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Tổ chức hoạt động *Du hành xuống đáy biển* bằng cách: GV bật một đoạn nhạc không lời nhẹ nhàng, có âm thanh sóng biển, yêu cầu HS nhắm mắt và tưởng tượng nếu em tham gia một chuyến du hành khám phá đáy biển, em sẽ hình dung ra những hình ảnh nào. Nhạc dừng, HS ghi ra giấy kết quả hành trình khám phá của mình. Sau đó, GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp về chuyến du hành trong lòng đại dương của các em.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đầu tiên, GV hướng dẫn HS đọc phần tóm tắt và nhấn mạnh với các em tầm quan trọng của việc nắm các sự kiện, diễn biến cốt truyện của toàn bộ tác phẩm trước khi đi vào tìm hiểu một đoạn trích.

GV nhắc HS chú ý cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên các nhân vật, địa danh.

Tiếp theo, tổ chức cho HS đọc phân vai, có thể phân thành các vai chính (người dẫn truyện, giáo sư A-rô-nắc, Công-xây, Nét Len).

Lưu ý: Trước khi đọc phân vai, GV yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai mà HS đảm nhiệm.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Đối với các câu hỏi 1, 2, 3, GV có thể dùng 1 trong 2 cách sau đây để tổ chức hoạt động dạy học:

Cách 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: xác định đề tài, xác định tình huống, nhân vật, không gian, thời gian, liệt kê những sự kiện chính xảy ra với nhân vật giáo sư A-rô-nắc trong một tờ giấy ghi chú hoặc phiếu học tập. Sau khi HS hoàn thành, các em trao đổi tờ ghi chú hoặc phiếu học tập với bạn bên cạnh và tiến hành sửa bài cho nhau dựa trên phần chốt của GV.

Cách 2: GV yêu cầu HS trả lời nhanh đề tài VB ở câu hỏi 1. Với câu số 2, 3, GV có thể áp dụng kĩ thuật "5 ngón tay" để giúp các em xác định bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật, mâu thuẫn, sự kiện xảy ra và kết thúc theo quy tắc (xem hình bên):

Ưu điểm của kĩ thuật "5 ngón tay" là ngoài việc cung cấp cho HS một công cụ trực quan, sinh động để tóm tắt VB còn giúp HS nắm vững mâu thuẫn/ vấn đề nảy sinh giữa các nhân vật. Nhờ đó, HS có cơ sở để thực hiện yêu cầu ở câu hỏi số 4 và yêu cầu tóm tắt VB bằng đoạn văn ngắn ở câu hỏi số 6.

Dưới đây là định hướng trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Đề tài của VB là khám phá thế giới bí ẩn dưới đáy đại dương.

Câu 2: Tình huống truyện, nhân vật, không gian, thời gian:

– Tình huống truyện: 3 nhân vật (A-rô-nắc, Công-xây, Nét Len) rơi vào con tàu Nau-ti-lotx hiện đại, với một người thuyền trưởng bí ẩn và họ không thể biết điều gì đón đợi họ trong hành trình phía trước.

– Các nhân vật: thuyền trưởng Nê-mô (xuất hiện gián tiếp qua suy nghĩ, lời kể của A-rô-nắc và đoạn đối thoại giữa A-rô-nắc với Nét Len); A-rô-nắc: giáo sư sinh vật học; Nét Len: thợ săn cá voi; Công-xây: cộng sự của giáo sư, chuyên nghiên cứu về sinh vật biển.

– Thời gian: từ trưa cho đến 5 giờ chiều, nhờ vào quãng thời gian này mà ánh sáng tự nhiên dưới đáy biển sâu giúp các nhân vật khám phá vẻ đẹp biển cả.

– Không gian: dưới đáy biển sâu với nhiều cảnh đẹp tựa thế giới thần tiên, lần đầu tiên các nhân vật được chiêm ngưỡng.

Câu 3: Liệt kê các sự kiện chính xảy ra với nhân vật giáo sư A-rô-nắc:

– Kết thúc cuộc nói chuyện với thuyền trưởng Nê-mô, tiếp tục ngồi nghĩ về cách tiếp đón lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo của vị thuyền trưởng này.

– Tìm trên bản đồ và xác định tàu Nau-ti-lơtx đang chạy theo hải lưu có cái tên Nhật Bản là Cư-rô-xi-ô, nghĩa là "Sông Đen".

– Tranh cãi của giáo sư A-rô-nắc với Nét Len về thuyền trưởng Nê-mô và về việc ở lại hay trốn khỏi con tàu Nau-ti-lơtx.

– Tận mắt chứng kiến hình ảnh dưới đáy đại dương khi con tàu đi vào dòng sông đen.

Câu 4: Ở câu hỏi này, HS cần tìm ra nội dung cuộc tranh luận giữa giáo sư A-rô-nắc và Nét Len, đồng thời, xác định được cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả, bày tỏ ý kiến cá nhân về việc đồng tình hay phản đối giải pháp của tác giả.

Gợi ý nội dung trả lời:

– Nét Len đã tranh luận khá gay gắt với giáo sư A-rô-nắc vì anh ta có ý định chiếm đoạt tàu Nau-ti-lơtx hoặc cả ba người bỏ trốn khỏi con tàu. Nhưng khi thế giới bí ẩn, diệu kì dưới đáy đại dương được mở ra trước mắt anh ta, anh ta đã từ bỏ hai ý định trên.

– HS lựa chọn việc đồng ý hay phản đối cách giải quyết vấn đề của tác giả và đưa ra lập luận bảo vệ cho ý kiến của mình. Có thể đưa ý kiến theo 2 hướng sau:

+ Đồng ý với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này, Nét Len đã có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp dưới đáy biển. Nếu bỏ trốn khỏi con tàu, anh sẽ không thấy và không thể trải nghiệm hành trình khám phá hai vạn dặm dưới biển.

+ Phản đối cách giải quyết của tác giả, vì với cách giải quyết này, mâu thuẫn trong Nét Len không được giải quyết, chỉ tạm lắng xuống khi Nét Len bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của đại dương bí ẩn. Trên thực tế, vào cuối cuộc hành trình, Nét Len, giáo sư A-rô-nắc, Công-xây đã bỏ trốn khỏi tàu Nau-ti-lơtx.

GV nên tổ chức cho HS thảo luận theo cặp, trong đó, một HS sẽ đứng về phía góc nhìn ủng hộ tác giả, HS còn lại đứng về phía góc nhìn phản đối tác giả. HS thực hiện theo quy trình "nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ". Sau đó, GV mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.

Câu 5: Đối với câu hỏi này, HS cần liệt kê, điền các chi tiết miêu tả nhân vật thuyền trưởng Nê-mô vào bảng, từ đó, rút ra nhận xét về tính cách nhân vật. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Sau thời gian thảo luận, mỗi nhóm chỉ giữ lại thành viên thư kí, các HS còn lại chia đều sang các nhóm khác. Các nhóm mới được nghe thư kí nhóm cũ trình bày nội dung trong phiếu học tập và cùng góp ý, bổ sung ý kiến vào tờ phiếu đó. Cuối cùng, GV mời một nhóm đại diện trình bày và chốt lại kiến thức trọng tâm về tính cách nhân vật Nê-mô.

Định hướng câu trả lời:

Nhân vật Nê-mô	Biểu hiện qua các chi tiết
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	– Lịch sự cáo từ A-rô-nắc trước khi đi ra. – Đón tiếp ba người một cách lạnh lùng nhưng chu đáo. – Chưa lần nào bắt tay và đưa tay cho giáo sư A-rô-nắc bắt. – Dọn sẵn bữa ăn trên bàn cho A-rô-nắc.
Thái độ của A-rô-nắc về Nê-mô	– Băn khoăn về sự đón tiếp chu đáo mà vẫn lạnh lùng của Nê-mô. – Đánh giá cao tài năng chế tạo tàu ngầm hiện đại của Nê-mô. – Cho rằng tàu Nau-ti-lơtx của Nê-mô là một kì quan hiện đại.
Thái độ của Nét Len về Nê-mô	– Nghi ngờ, không tin tưởng, khó chịu khi ở trên con tàu của Nê-mô (hỏi han giáo sư A-rô-nắc về lai lịch của Nê-mô, cho rằng ở trong con tàu của Nê-mô giống như ngục tù bằng sắt). – Chống đối, cho rằng ở trên tàu Nau-ti-lơtx sẽ không an toàn (có ý định đoạt tàu Nau-ti-lơtx của Nê-mô).

Từ đó, HS rút ra những nhận xét về tính cách nhân vật Nê-mô: lịch sự, có vẻ lạnh lùng bên ngoài nhưng chu đáo, hiếu khách (thể hiện qua cách đối xử với giáo sư A-rô-nắc); tài năng, khao khát khám phá đáy đại dương, khám phá những vùng đất mới (thể hiện qua thiết kế hiện đại của con tàu Nau-ti-lơtx).

Câu 6: Để tóm tắt nội dung VB, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện theo hai cách sau đây:

Cách 1: tóm tắt bằng sơ đồ (ví dụ: sơ đồ dòng thời gian, sơ đồ sắp xếp các sự kiện, sơ đồ hình nhánh) để tóm lược các thông tin quan trọng về nhân vật, địa điểm, thời gian, sự kiện xảy ra trong VB.

Cách 2: tóm tắt bằng một đoạn văn ngắn. GV nhắc HS xem lại nội dung câu trả lời của câu hỏi số 2, 3 hoặc đọc lại sơ đồ "5 ngón tay" và ghép các thông tin về không gian, thời gian, nhân vật, sự kiện vào các câu để hình thành đoạn văn (từ 5 – 7 câu).

Sau khi HS thực hành lập sơ đồ hoặc viết đoạn tóm tắt nội dung VB, GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm 2 HS, nhận xét sơ đồ/ đoạn văn của nhau. Ngoài cách này, GV có thể gọi một vài HS giới thiệu sơ đồ/ đọc đoạn văn trước lớp, các bạn nhận xét, góp ý chung.

Câu 7: Ở phần *Tri thức Ngữ văn*, HS đã thực hiện hoạt động lập bảng tóm tắt đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng. Dựa vào kiến thức nền đó, các em sẽ giải thích đặc

điểm thể loại qua những thông tin về con tàu Nau-ti-lơtx trong sự đối sánh với tàu ngầm ở thời điểm tác phẩm ra đời.

Gợi ý trả lời:

– Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lơtx giúp chúng ta hiểu thêm về các đặc điểm sau của truyện khoa học viễn tưởng:

+ Tình huống truyện mang tính thử thách, phiêu lưu, khám phá: hành trình các nhân vật bị mắc kẹt trong một con tàu ngầm hiện đại ở dưới đáy đại dương.

+ Nhân vật là nhà phát minh khoa học tài năng, thông qua con tàu Nau-ti-lơtx, chúng ta có thể nhận ra tài năng sáng chế của thuyền trưởng Nê-mô.

+ Sự mở rộng không gian không có giới hạn: tàu Nau-ti-lơtx là sự tưởng tượng của nhà văn về một con tàu hiện đại, cho phép lặn ở bất cứ độ sâu nào dưới đáy biển. Hình ảnh con tàu cùng chuyến hành trình của các nhân vật thể hiện khao khát khám phá, tìm hiểu bí ẩn dưới đáy đại dương của con người.

– Để xây dựng được những câu chuyện viễn tưởng hấp dẫn như vậy, nhà văn cần:

+ Có kiến thức, hiểu biết sâu sắc về khoa học kĩ thuật

+ Có năng lực tưởng tượng, sáng tạo phong phú.

VĂN BẢN 2: *XƯỞNG SÔ-CÔ-LA*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.	1, 3, 5, 6
Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.	4
Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.	2
Nêu được bài học về cách nghĩ của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

Chân trời sáng tạo

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể chọn 1 trong 2 cách sau:

– Cho HS chuẩn bị ở nhà phần chia sẻ (dưới dạng tranh vẽ) về xưởng sản xuất sô-cô-la theo tưởng tượng của các em, sau đó đến lớp trình bày.

– Yêu cầu HS ghi lại những tưởng tượng của em về nhà máy sô-cô-la trong một tờ giấy và chia sẻ với các bạn trong nhóm.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV hướng dẫn HS đọc phần tóm tắt VB và lưu ý các em về tầm quan trọng của việc nắm các sự kiện, diễn biến cốt truyện của toàn bộ tác phẩm trước khi đi vào tìm hiểu một đoạn trích.

GV nhắc HS chú ý cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên các nhân vật, cách đọc các đoạn đối thoại giữa các nhân vật.

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB theo cách đọc phân vai.

Lưu ý: Truyện cũng đã được dựng thành phim, GV có thể cắt một phân cảnh trong bộ phim *Charlie và nhà máy sô-cô-la* trên kênh Youtube để chiếu cho HS xem.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Câu 1: GV nên tổ chức cho các nhóm liệt kê các sự kiện có tính chất giả tưởng (phi thực tế) mà Sác-li trải qua khi thăm xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ.

Gợi ý trả lời:

– Ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la.

– Được tận mắt chứng kiến các loại cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon.

– Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ.

Câu 2: GV tổ chức hoạt động nhóm để hướng dẫn HS liệt kê các chi tiết liên quan đến ông Quơn-cơ và rút ra nhận xét dựa trên tri thức đọc hiểu về nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng.

Gợi ý trả lời:

– Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về tầm quan trọng của xưởng sô-cô-la:

+ Nhấn mạnh đây là trung tâm thần kinh, trái tim của nhà máy.

+ Khẳng định ông chú trọng làm cho xưởng sô-cô-la phải đẹp.

+ Nhắc bọn trẻ đừng quá phấn khích.

– Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về dòng sông nâu, con thác, bãi cỏ và những cây hoa mao lương vàng:

+ Đầy tự hào về dòng sông sô-cô-la thượng hảo hạng.

+ Giới thiệu sự độc đáo của cỏ, hoa mao lương vàng: có thể ăn được.

+ Mời mọi người nếm thử vị của cỏ và hoa mao lương vàng.

Nhân vật Quơn-cơ thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng là người có khả năng phi thường, có thể tạo ra những điều kì diệu.

Câu 3: GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân xác định đề tài VB *Xưởng sô-cô-la* vào giấy ghi chú, sau đó, trao đổi với bạn kế bên.

Truyện khoa học viễn tưởng thường xoay quanh đề tài: ứng dụng/ phát minh khoa học. Đề tài mà VB *Xưởng sô-cô-la* lựa chọn là việc **ứng dụng khoa học trong xây dựng nhà máy sản xuất sô-cô-la**.

Câu 4: Mục đích của câu hỏi này giúp HS có kĩ năng viết đoạn văn tóm tắt VB. Trước tiên, GV hướng dẫn HS sử dụng kĩ thuật "5 ngón tay" để tóm tắt VB, sau đó dựa trên sơ đồ tóm tắt, viết đoạn văn ngắn. Tiếp theo, GV tổ chức cho HS trao đổi đoạn văn, đọc, góp ý cho nhau hoặc GV gọi một vài HS đọc đoạn văn trước lớp để nhận xét, góp ý chung.

Câu 5: Hướng dẫn HS liệt kê các chi tiết miêu tả xưởng sản xuất và những lời giới thiệu của Quơn-cơ, từ đó, rút ra những nhận xét về điểm đặc biệt của không gian trong xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ.

Gợi ý trả lời:

– Không gian nhà máy được chia thành nhiều xưởng riêng, mỗi xưởng đóng một vai trò khác nhau và xưởng nào cũng có yếu tố kì lạ, khác thường, ví dụ như xưởng sô-cô-la có một dòng sông lớn, có thác nhưng không chứa nước mà chứa sô-cô-la.

– Không gian nhà máy đẹp, nên thơ, được chăm chút mọi cảnh quan, phối hợp màu sắc hài hoà: xưởng sản xuất kẹo nhưng lại có dòng sông, con thác, bãi cỏ, hoa lá.

– Không gian nhà máy đồ sộ, khổng lồ, chứa đựng nhiều điều bất ngờ: công nhân là người tí hon, cây cỏ vừa dùng để trang trí lại vừa có thể ăn được.

Câu 6: GV nên tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ). Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp trình bày với cả lớp.

Gợi ý trả lời:

Nhân vật trong câu chuyện được đặt vào tình huống: tham gia cuộc phiêu lưu vào một nhà máy sô-cô-la kì lạ và chứa nhiều bí ẩn. Tình huống này được nhà văn khắc hoạ thông qua một số yếu tố (nhân vật, không gian, chi tiết) và cốt truyện với nhiều sự kiện bất ngờ, không thể dự đoán trước (chứng kiến dòng sông, con thác khổng lồ làm bằng sô-cô-la, cuộc gặp gỡ với những người công nhân tí hon,...).

Câu 7: Đối với câu hỏi này, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm để lập dàn ý cho đoạn văn theo các bước sau đây:

Bước 1: xác định chủ đề (ý chính) của đoạn văn. Để HS xác định chủ đề, GV yêu cầu nhóm tìm cụm từ quan trọng nhất trong câu hỏi này (chính là cụm từ "sự kì diệu của trí tưởng tượng").

Bước 2: thảo luận cách triển khai ý trong đoạn văn. Mỗi bạn sẽ liệt kê các phương diện cho thấy sự kì diệu của trí tưởng tượng. Sau đó, HS chia sẻ trong nhóm, nhóm thống nhất, lựa chọn khoảng 3 đến 4 ý.

Bước 3: HS dựa vào dàn ý nhóm đã thống nhất để viết thành đoạn văn ở nhà. Khi lên lớp, HS chia sẻ lại đoạn văn cho các bạn, góp ý cho nhau. GV có thể chọn một số đoạn văn hay để đọc trước lớp.

Lưu ý: Câu trả lời của HS có thể nêu ra nhiều phương diện khác nhau về sự kì diệu của trí tưởng tượng, miễn là hợp lí.

Sau đây là một vài gợi ý về sự kì diệu của trí tưởng tượng:

– Trí tưởng tượng đưa chúng ta đến với những thế giới không có trong đời thực, hấp dẫn, độc đáo.

– Trí tưởng tượng là động lực thúc đẩy sự sáng tạo trong lao động, giúp con người phát minh ra những sáng chế, những sản phẩm khoa học kĩ thuật mới mẻ theo sự hình dung, mơ ước của mình.

– Trí tưởng tượng giúp con người hình dung hoặc đưa ra dự báo về sự thay đổi của thế giới trong tương lai.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *TRÁI TIM ĐAN-KÔ*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi
Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.	2
Liên hệ, kết nối với VB *Dòng "Sông Đen", Xưởng sô-cô-la* để hiểu hơn về chủ điểm *Trong thế giới viễn tưởng*.	3

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Với VB đọc kết nối chủ điểm, GV nên cho HS tự đọc và hoàn thành các câu hỏi sau khi đọc ở nhà. Trên lớp, GV tổ chức hoạt động cho HS chia sẻ cặp hoặc nhóm tuỳ theo mức độ dễ/ khó của các câu hỏi.

Trọng tâm của tiết đọc VB này là hướng dẫn HS tìm hiểu vẻ đẹp của hình tượng trái tim Đan-kô, về cách thức kể chuyện theo kiểu "chuyện lồng trong chuyện" với sự xuất hiện của hai người kể: bà lão I-dec-ghin và nhân vật "tôi". Từ đó, HS nhận xét được ý nghĩa của hình tượng trái tim Đan-kô, sức mạnh kì diệu của trí tưởng tượng đã làm nên những câu chuyện dân gian sống mãi trên thảo nguyên bao la và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể với nội dung câu chuyện.

Câu 1: Trong câu hỏi này, HS cần liệt kê được các sự kiện chính:

– Những người trong bộ lạc kết tội Đan-kô và muốn trừng phạt anh khi dẫn họ vào rừng sâu.

– Đan-kô xé lồng ngực, lấy ánh sáng trái tim soi cho đoàn người thoát khỏi khu rừng.

– Bộ lạc của Đan-kô đến với vùng đất thảo nguyên trong khi anh gục chết.

– Cảm nhận của nhân vật tôi về Đan-kô sau câu chuyện của bà lão I-dec-ghin.

Câu 2: GV có thể in câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập. Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV tổ chức cho các nhóm trao đổi phiếu học tập và góp ý bài cho nhóm bạn.

Gợi ý trả lời:

	Từ câu đến câu	Là lời kể của...	Ngôi kể thứ...
1	Từ *Bà lão im lặng và nhìn ra thảo nguyên,...* đến ... *chỉ nở ra trong giây lát.*	Người kể chuyện xưng "tôi" (ngôi thứ nhất).	Sử dụng từ xưng "tôi", gọi nhân vật là "bà lão".
2	Từ *"Đan-kô dẫn họ đi...* đến ... *Trái tim toé ra một loạt tia sáng, rồi tắt ngấm,..."*	Người kể chuyện là nhân vật "bà lão" (ngôi thứ ba).	Lời kể được đặt trong ngoặc kép với sự giới thiệu (lời dẫn) của người kể chuyện xưng "tôi".
3	Từ *Bây giờ khi bà lão kể xong câu chuyện truyền thuyết tuyệt đẹp của mình...* đến ... *trí tưởng tượng của nhân loại đã sáng tạo nên biết bao nhiêu truyền thuyết đẹp đẽ và đầy khí phách.*	Người kể chuyện xưng "tôi" (ngôi thứ nhất).	Sử dụng từ xưng "tôi", gọi nhân vật là "bà lão".

Tác dụng của việc thay đổi trong cách kể chuyện:

– Giúp người đọc phân biệt được hai câu chuyện: câu chuyện nhân vật tôi kể về bà lão I-dec-ghin và câu chuyện về Đan-kô mà bà lão I-dec-ghin kể cho nhân vật tôi nghe.

– Giúp người đọc thấy được sự thay đổi trong cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật tôi sau khi nghe câu chuyện về Đan-kô.

– Giúp người đọc phân biệt giữa hai thế giới: thế giới thực tại là câu chuyện của bà lão và nhân vật tôi; thế giới huyền ảo, tưởng tượng là câu chuyện về Đan-kô.

Câu 3: GV hướng dẫn các nhóm HS lập bảng để phân biệt sự khác nhau về cách sử dụng trí tưởng tượng trong các VB truyện khoa học viễn tưởng mà em đã học và VB *Trái tim Đan-kô* dựa trên các yếu tố chính trong một truyện kể gồm: không gian, thời gian, cốt truyện, sự kiện, nhân vật. HS có thể trả lời những ý sau:

Yếu tố	Văn bản truyện khoa học viễn tưởng *Dòng "Sông Đen"* và *Xưởng Sô-cô-la*	Văn bản *Trái tim Đan-kô*
Không gian	– Không gian đáy biển, nhà máy sản xuất kẹo sô-cô-la với dòng sông sô-cô-la khổng lồ. Đây là không gian mang tính giả định nhưng vẫn có sự gắn kết với cuộc sống con người (đại dương, nhà máy sản xuất).	– Không gian rừng già, đầm lầy nguyên sinh gắn với huyền thoại về người anh hùng của bộ lạc. Đây là không gian chỉ tồn tại trong câu chuyện, không gắn liền với cuộc sống thực của con người trong thời điểm câu chuyện diễn ra.
Thời gian	– Xác định, rõ ràng, cụ thể về ngày tháng và diễn biến các sự kiện.	– Mơ hồ, không xác định, được bao phủ trong màn sương của huyền thoại, của kí ức xa xưa qua lời kể của bà lão I-dec-ghin.
Nhân vật	– Điểm chung của hai VB *Dòng "Sông Đen"* và *Xưởng Sô-cô-la* là sự xuất hiện của kiểu nhân vật đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng: nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ. Bằng trí tưởng tượng, nhà văn đã xây dựng nên những nhân vật có khả năng tạo nên điều kì diệu, khác thường: Nê-mô tạo ra tàu ngầm Nau-ti-lơtx, ông Quơn-cơ tạo ra nhà máy sô-cô-la.	– Người anh hùng Đan-kô là nhân vật được xây dựng từ trí tưởng tượng. Tuy chi tiết "ánh lửa trên thảo nguyên trước cơn giông" được nhắc đến để giải thích cho ánh lửa của trái tim Đan-kô nhưng nó vẫn là chi tiết hoang đường, huyền ảo, không có sự gắn kết với những bằng chứng khoa học trong thực tế.

	– Tuy nhiên, sự sáng tạo của hai nhân vật này vẫn dựa trên nền tảng là sự phát triển của khoa học công nghệ ở thời điểm mà câu chuyện ra đời. – VB *Xưởng Sô-cô-la* có sự xuất hiện nhân vật người tí hon, cũng là kiểu nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng.	– Nhân vật kể chuyện trong VB này cũng có sự thay đổi giữa hai ngôi kể nhằm tách bạch hai thế giới: thực tại và huyền thoại.
Chi tiết/ hình ảnh	– Những hình ảnh trong VB truyện khoa học viễn tưởng như: con tàu Nau-ti-lơtx, đáy biển, lòng sông và con thác sô-cô-la, cỏ, hoa vừa trồng làm cảnh vừa ăn được, người tí hon,... là những hình ảnh mang tính giả tưởng nhưng nó vẫn dựa trên hình ảnh thực tế của khoa học, kĩ thuật thời hiện tại (tàu ngầm, xưởng sản xuất) và có khả năng sẽ được hiện thực hoá trong tương lai.	– Những hình ảnh: Đan-kô xé toang lồng ngực, Đan-kô lấy trái tim ra soi đường, trái tim cháy sáng như ánh đuốc, trái tim vẫn cháy khi Đan-kô gục chết, trái tim bị giẫm lên vẫn bừng ánh lửa,... là hình ảnh chỉ có trong trí tưởng tượng, không dựa trên yếu tố khoa học kĩ thuật, càng không có khả năng biến thành hiện thực trong tương lai.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại phần hướng dẫn tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn*.

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: GV tổ chức cho HS hoàn thành phiếu học tập theo bảng bên dưới. Sau khi các nhóm hoàn thành, GV có thể tiến hành tổ chức cho các nhóm trao đổi kết quả để góp ý, sửa bài cho nhau. Tiếp theo, GV mời đại diện mỗi nhóm hoàn thành một cặp câu trong phiếu bài tập.

Gợi ý thiết kế phiếu học tập và câu trả lời:

Chân trời sáng tạo

Cặp câu	Câu (1)	Câu (2)	So sánh sự khác nhau
a a_1 và a_2	*Đan-kô*	*Chàng Đan-kô can trường và kiêu hãnh*	– Chủ ngữ trong câu a_1 là một từ. – Chủ ngữ trong câu a_2 là một cụm danh từ.
b b_1 và b_2	*Đến cửa sổ*	*Đến cửa sổ nhỏ nhà Đào*	– Trạng ngữ trong câu b_1 là một cụm động từ đơn giản. – Trạng ngữ trong câu b_2 là một cụm động từ có cấu tạo phức tạp hơn cụm động từ làm trạng ngữ trong câu b_1.
c c_1 và c_2	*những con người ấy* *giữa tiếng gầm gào, trong bóng tối*	*những con người mệt mỏi và dữ tợn ấy* *giữa tiếng gầm gào đắc thắng của rừng, trong bóng tối run rẩy*	– Chủ ngữ của vế câu thứ hai trong câu c_2 là một cụm từ có cấu tạo phức tạp hơn cụm từ làm chủ ngữ vế thứ 2 trong câu c_1. – Hai trạng ngữ của vế câu thứ hai trong câu c_2 đều có cấu tạo phức tạp hơn hai trạng ngữ của vế câu thứ hai trong câu c_1.
d d_1 và d_2	*đang nhìn xuống một thung lũng*	*đang nhìn xuống một thung lũng rất đẹp với những cánh đồng cỏ xanh rờn hai bên*	– Vị ngữ trong câu d_1 là một cụm động từ đơn giản. – Vị ngữ trong câu d_2 là một cụm động từ có cấu tạo phức tạp hơn cụm động từ làm vị ngữ trong câu d_1.
đ $đ_1$ và $đ_2$	*nghĩ đến chú ong lạc đường*	*nghĩ đến chú ong lạc đường mà cô đã bỏ quên ở ngoài cửa, khi cô vào trong nhà*	– Vị ngữ trong câu $đ_1$ là một cụm động từ đơn giản. – Vị ngữ trong câu $đ_2$ là một cụm động từ có cấu tạo phức tạp hơn cụm động từ làm vị ngữ trong câu $đ_1$.

Tác dụng: Việc mở rộng các thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ có tác dụng làm cho việc miêu tả chi tiết, rõ ràng hơn. Chẳng hạn, so với việc dùng một danh từ làm

chủ ngữ trong câu $\mathbf{a_1}$ thì việc dùng một cụm danh từ làm chủ ngữ trong câu $\mathbf{a_2}$ giúp miêu tả chi tiết, cụ thể phẩm chất của nhân vật Đan-kô "can trường và kiêu hãnh".

Bài tập 2: GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sau khi hoàn thành phần trả lời của mình sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời. GV mời một vài nhóm đại diện chia sẻ trước lớp.

Gợi ý câu trả lời:

Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (nếu có) trong các câu:

a. *Nhìn qua ô cửa, ta/ có cảm tưởng như đứng trước một bể nuôi cá khổng lồ.*

TN CN VN

b. *Trái tim/ cháy sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng/ im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người.*

CN VN CN VN

c. *Trời/ đã về chiều và dưới ánh hoàng hôn, sông/ đỏ như máu nóng hổi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô.*

CN VN TN CN VN

Nếu chúng ta bỏ bớt các cụm từ "khổng lồ" ở câu a, "dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người" ở câu b, "phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô" ở câu c, sự miêu tả đối tượng sẽ không còn chi tiết, cụ thể và giàu hình ảnh như trước.

Bài tập 3: Gợi ý cách tổ chức hoạt động yêu cầu HS làm việc cá nhân điền vào phiếu học tập sau đây:

Câu	Thành phần được mở rộng	Câu sau khi mở rộng	Sự khác nhau về nghĩa trước – sau khi mở rộng câu
a			
b			
c			

GV tổ chức cho các em trao đổi kết quả và góp ý cho bạn dựa trên hướng dẫn của GV về việc mở rộng thành phần chính, trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.

Nếu HS gặp khó khăn khi giải quyết câu hỏi này, GV gợi ý các em đọc lại ví dụ trong mục *Tri thức Ngữ văn* (SGK). Mục đích của bài tập này là giúp HS biết mở rộng các thành phần chính, trạng ngữ trong câu bằng cụm từ để việc diễn đạt trở nên chi tiết, rõ ràng hơn.

GV lưu ý HS câu văn mở rộng thành phần mà các em viết cần:

– Đúng cấu trúc ngữ pháp.

– Đảm bảo tính logic về ngữ nghĩa.

– Có tính thẩm mĩ, tránh lối diễn đạt tiêu cực hoặc thô vụng.

Bài tập 4: GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sau khi hoàn thành phần trả lời của mình sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

Gợi ý trả lời:

a. Biện pháp nhân hoá (*bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mõm hôi thối của đầm lầy nơi rừng sâu núi thẳm*). Tác dụng: làm cho thiên nhiên (bóng tối, đầm lầy) trở nên sinh động, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

b. Biện pháp so sánh (*Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống, dang rộng những cánh tay dài ngoẵn ngoèo, đan thành một mạng lưới dày xung quanh đoàn người, cố ngăn chặn họ*). Tác dụng: làm cho diễn đạt giàu hình ảnh, tăng sức biểu cảm.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *MỘT NGÀY CỦA ÍCH-CHI-AN*

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian.

– Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

2. Thực hành đọc

Hoạt động này giúp HS thực hành kĩ năng đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng, sau khi đã được GV hướng dẫn đọc hiểu VB *Dòng "Sông Đen"* và *Xưởng sô-cô-la* trên lớp.

GV nên giao nhiệm vụ cho HS đọc VB và hoàn thành các câu hỏi ở nhà. Đến lớp, GV tổ chức một số hoạt động sau nhằm kiểm tra, đánh giá việc đọc ở nhà của HS và tăng sự hứng thú, tăng sự tham gia của HS vào tiết học:

– Tổ chức các trò chơi như: *Rung chuông vàng, Điền khuyết, Nối cột, Nhanh như chớp, Hiểu ý đồng đội,…* để kiểm tra việc ghi nhớ nhân vật, các chi tiết, sự kiện, không gian, thời gian trong *Một ngày của Ích-chi-an*.

– GV cũng có thể sử dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ (bỏ qua bước nghĩ – viết) để HS chia sẻ về đề tài, chủ đề, sự kiện, chi tiết, nhân vật, không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng.

Tổ chức thảo luận câu hỏi 2, 3 bởi vì đây là hai câu hỏi cần xây dựng lập luận, thống nhất ý kiến và liên hệ thực tế.

Dưới đây là gợi ý câu trả lời cho các câu hỏi thực hành đọc:

Câu 1: Chỉ ra các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng trong VB bằng cách hoàn thành bảng sau:

Đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng	Biểu hiện trong *Một ngày của Ích-chi-an*
Đề tài	– Khoa học thay đổi tiềm năng của con người.
Tình huống	– Ích-chi-an được phẫu thuật thành một người cá, có khả năng lặn và sống ở dưới đáy biển.
Sự kiện	– Ích-chi-an bơi theo dòng hải lưu ra biển. – Ích-chi-an vui đùa cùng với các chú cá, thưởng thức vẻ đẹp của biển cả. – Ích-chi-an cứu các chú cá bị sóng đánh dạt vào bờ biển sau cơn bão.
Nhân vật	– Người cá, có khả năng thở bằng mang, sống dưới đáy biển như một loài sinh vật.
Không gian	– Đáy biển, mặt biển, bờ biển.
Thời gian	– Một ngày của người cá ở đáy biển.

Câu 2: HS có thể lựa chọn đồng ý/ phản đối việc sử dụng khoa học để thay đổi số phận con người và đưa ra được lí do hợp lí, thuyết phục để bảo vệ quan điểm.

Về ý kiến đồng tình, HS có thể đưa ra một số lập luận như sau:

– Nếu không có cuộc phẫu thuật và sự can thiệp của khoa học từ bác sĩ Xan-van-tô, Ích-chi-an sẽ chết. Sinh mạng của con người là đáng quý, nên vào thời điểm đó, ông bác sĩ có thể đã không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc biến anh thành người cá.

– Ích-chi-an có khả năng đặc biệt của người cá, nhờ đó, anh mới được trải nghiệm cuộc sống trong lòng biển cả, mới làm bạn được với các chú cá và cứu sống chúng sau những cơn bão.

Về ý kiến phản đối, HS có thể đưa ra một số lập luận như sau:

– Cuộc phẫu thuật đã khiến Ích-chi-an vừa thở được bằng phổi, vừa thở được bằng mang. Do đó, anh không thể sống mãi trên cạn như một người bình thường. Mọi sự khác biệt quá lớn sẽ không mang đến hạnh phúc. Do Ích-chi-an khác người bình thường nên anh phải sống cuộc đời cô độc, không được gần người mình yêu.

– Cuộc phẫu thuật tạo nên nguy cơ lạm dụng tiến bộ của khoa học vào mục đích xấu (ví dụ như Ích-chi-an bị lợi dụng năng lực của người cá để mò ngọc trai, khai thác tận diệt tài nguyên dưới đáy biển).

Câu 3: Đây là bài tập sáng tạo, GV nên cho HS thực hiện theo nhóm. GV lưu ý HS cần liệt kê các "hành động cụ thể", thiết thực, chi tiết, có thể thực hiện được, tránh những câu chung chung, mơ hồ như "có ý thức bảo vệ biển cả", "yêu biển cả", "giữ gìn môi trường biển". Sau đó, thiết kế một áp-phích theo nhóm. HS có thể vẽ tay hoặc vẽ bằng các công cụ thiết kế online ví dụ như Canva.

VIẾT

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN

1. Yêu cầu cần đạt

– Viết đoạn văn tóm tắt VB theo yêu cầu độ dài khác nhau.

2. Hướng dẫn tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nêu câu hỏi: *Tại sao chúng ta cần tóm tắt một VB trong một đoạn văn?* và để HS tự do phát biểu ý kiến, sau đó chốt lại một số ý về vai trò của kĩ năng viết đoạn văn tóm tắt VB:

– Giúp chúng ta nắm được các sự kiện chính, chi tiết chính trong một câu chuyện hoặc các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ trong một VB nghị luận.

– Giúp chúng ta hiểu VB, tạo tiền đề cho quá trình giải thích, vận dụng, phân tích, đánh giá các giá trị nội dung, nghệ thuật của VB.

Từ đó, GV dẫn dắt vào kiến thức trong mục tri thức về kiểu bài. GV yêu cầu HS nhắc lại các ý chính trong mục này để đảm bảo HS đã hiểu đúng.

3. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

GV yêu cầu HS đọc bài *Tóm tắt VB "Con muốn làm một cái cây"*, lần lượt trả lời hai câu hỏi về đặc điểm kiểu bài. Sau đó, GV tổ chức cho các em chia sẻ kết quả với các thành viên trong nhóm. Các nhóm thống nhất câu trả lời cho hai câu hỏi, GV mời đại diện nhóm trả lời, GV chốt ý.

4. Hướng dẫn viết theo quy trình

GV cần lưu ý thêm với HS: tuỳ theo kiểu văn bản mà cách viết tóm tắt cần có những điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ tóm tắt VB tự sự khác với tóm tắt VB nghị luận, VB thông tin.

Bước 1: Chọn VB để viết đoạn văn tóm tắt.

– GV phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú, yêu cầu các em liệt kê tên các VB truyện hoặc nghị luận đã học hoặc đã đọc mà em yêu thích/ ấn tượng.

– Sau khi HS viết xong, cho HS dán giấy ghi chú lên một tờ giấy A4 và cùng nhau chia sẻ trong nhóm.

– HS chốt VB cho đoạn văn tóm tắt của mình.

– GV xem các đề tài của HS và gợi ý điều chỉnh nếu HS chọn: VB truyện quá dài, quá nhiều tình tiết phức tạp hoặc VB có nội dung không phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

Bước 2: Từ VB đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho đoạn văn tóm tắt một truyện ngắn/ VB nghị luận em yêu thích/ ấn tượng bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về đoạn văn tóm tắt văn bản

Phần giới thiệu văn bản
• Tên tác giả • Tên văn bản • Thông tin bổ sung – Truyện: tên nhân vật, không gian, thời gian diễn ra câu chuyện – Nghị luận: xuất xứ văn bản (được in ở đâu?)
Phần tóm tắt văn bản
• Trường hợp văn bản truyện: Xác định lần lượt các sự kiện, chi tiết chính. • Trường hợp văn bản nghị luận: Xác định lần lượt các ý kiến lớn và ý kiến nhỏ.

Bước 3: Hướng dẫn HS dựa vào phiếu học tập để hoàn thành dàn ý chi tiết cho đoạn văn, bao gồm cả phần mở đoạn và kết đoạn.

Phần dàn ý chi tiết của HS có thể được thực hiện theo mẫu sơ đồ sau:

Viết đoạn văn tóm tắt văn bản

VB được tóm tắt:

Các bước lập dàn ý cho phần viết đoạn văn:

– Đọc lại VB cần tóm tắt.

– Xác định các nội dung chính cần tóm tắt:

+ Với VB nghị luận: xác định các ý kiến lớn và ý kiến nhỏ.

+ Với VB truyện: xác định bối cảnh (không gian, thời gian), các nhân vật, các sự kiện, chi tiết chính.

– Sắp xếp các sự kiện chính/ các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

– Tiến hành viết đoạn, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

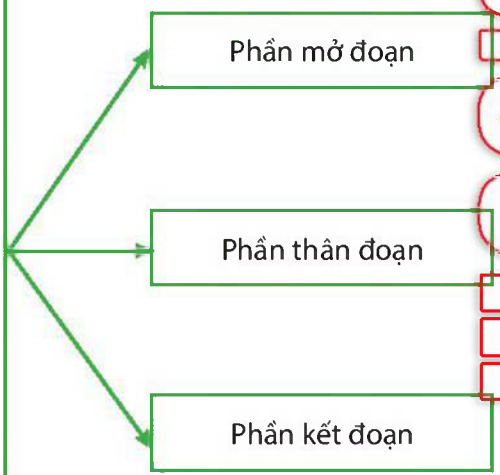

Chân trời sáng tạo

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài viết của mình, sau đó cho HS chấm chéo bài viết của nhau theo các tiêu chí trong bảng kiểm.

Lưu ý: Nhắc HS tránh các lỗi hay gặp dưới đây:

– Không chọn lọc được các sự kiện/ chi tiết trong truyện hoặc ý kiến lớn/ ý kiến nhỏ trong bài nghị luận nên đoạn văn lan man, sa đà vào kể lể, thiếu ý.

– Không/ quên nêu thông tin về tên tác giả, tên VB.

– Viết đoạn nhưng lại xuống dòng, ngắt thành nhiều đoạn nhỏ.

– Độ dài đoạn văn không được đảm bảo: quá dài hoặc quá ngắn.

NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

1. Yêu cầu cần đạt

– Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

2. Thực hành nói và nghe

Bước 1: Thành lập nhóm và phân công công việc

Để HS có thể chuẩn bị tốt bài nói, GV cho các nhóm bốc thăm lựa chọn đề tài yêu thích theo những đề tài được gợi ý trong SGK. Mỗi đề tài sẽ có hai nhóm đảm nhận với hai nhiệm vụ khác nhau: nhóm ủng hộ nhân vật và nhóm phản đối nhân vật.

Sau đó, nhóm trưởng phân chia công việc cần chuẩn bị ở nhà cho các thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên cần đọc kĩ VB, đọc kĩ phần tóm tắt các truyện khoa học viễn tưởng và tiến hành xây dựng lập luận ủng hộ/ phản đối nhân vật dựa trên mẫu sau:

Nhân vật được tôi ủng hộ/ bị tôi phản đối vì:

Lí lẽ: .....

Bằng chứng 1: .....

Bằng chứng 2: .....

Bước 2: Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận

Nhóm trưởng cùng với các thành viên trong nhóm thống nhất các nội dung sau trong phiếu học tập:

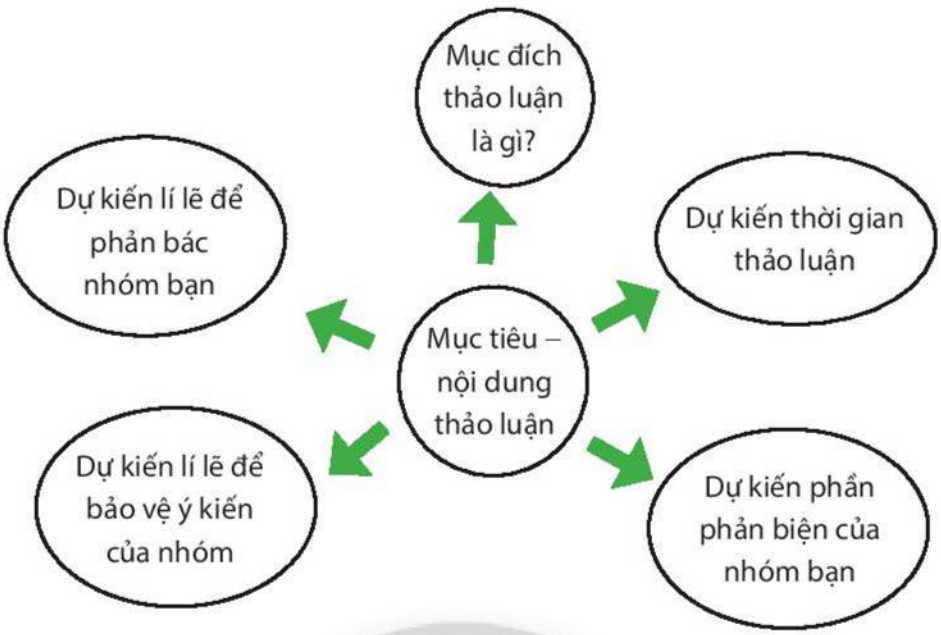

Bước 3: Tổ chức thảo luận

GV tổ chức buổi thảo luận cho các nhóm dựa trên phần hướng dẫn của SGK với 3 phần chính như sau:

– Trình bày ý kiến.

– Phản hồi ý kiến.

– Thống nhất ý kiến.

GV khuyến khích HS đóng vai trò nhóm trưởng điều phối cuộc thảo luận. Đồng thời, GV in các phiếu hướng dẫn trình bày và phản hồi ý kiến trong SGK làm phiếu thảo luận và biên bản tóm tắt nội dung cuộc thảo luận cho các nhóm HS.

Lưu ý: Trước khi bắt đầu thảo luận, GV cùng HS thống nhất các nguyên tắc thảo luận:

1. Lắng nghe lẫn nhau.

2. Tôn trọng ý kiến trái chiều.

3. Phản biện dựa trên lí lẽ, dẫn chứng.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự hoàn thành các bài tập trong mục *Ôn tập* ở nhà. Trong lớp học, GV nên dành một tiết để HS chia sẻ kết quả các bài tập đã làm trong mục *Ôn tập*.

Câu 1, 2: GV có thể tổ chức cho HS chơi các trò chơi (theo nhóm hoặc cặp) để kiểm tra việc nắm các đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng và nội dung chính trong các VB đọc mà HS tóm tắt nội dung chính ở nhà.

Câu 3, 4, 5: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp để chấm chéo bài làm của bạn về:

– Bài tập thực hành mở rộng thành phần chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ của hai câu văn đã cho bằng cụm từ.

Sau đó, HS lại bắt cặp để cùng nhau tóm tắt kiến thức về:

– Những điều cần lưu ý khi viết đoạn văn tóm tắt VB truyện hoặc VB nghị luận.

– Hai bài học kinh nghiệm mà em rút ra sau khi thảo luận trong nhóm về một nhân vật gây tranh cãi trong tác phẩm văn học

Câu 6: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm về ý nghĩa, vai trò của trí tưởng tượng trong cuộc sống của con người: giúp con người tăng khả năng sáng tạo; giúp nuôi dưỡng trí tuệ và tâm hồn con người; giúp con người có động lực thúc đẩy sự phát triển của khoa học kĩ thuật để biến giấc mơ trong trí tưởng tượng thành sự thật,...

Gợi ý tổ chức hoạt động như sau:

Bước 1: HS tự hoàn thành phiếu học tập theo mẫu gợi ý sau:

Bước 2: Sau khi chia sẻ suy nghĩ trong nhóm, cả nhóm cùng nhau chốt lại những điểm chung về vai trò của trí tưởng tượng trong cuộc sống của con người;

Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày, mỗi nhóm có thể trình bày một ý, không lặp lại ý mà nhóm trước đó đã nói.

BÀI 10: LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH

(12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

Chân trời sáng tạo

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Nhận biết được ngữ cảnh, xác định được nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

– Viết được bài văn biểu cảm về con người.

– Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

– Hiểu được cảm xúc của bản thân và cảm xúc của người khác.

Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại thơ, kiểu bài văn biểu cảm về con người, khái niệm ngữ cảnh và cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

– Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể dùng phần giới thiệu bài học và nêu câu hỏi như trong SGK đã nêu. Tuy nhiên, GV có thể nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những cảm xúc, tình cảm

Chân trời sáng tạo

trước một sự vật, hiện tượng hoặc nêu câu hỏi: "Khi nói đến từ "trái tim", em thường nghĩ về điều gì? Vì sao chúng ta cần lắng nghe cảm xúc của bản thân?". Từ đó, dẫn dắt vào bài học.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Thơ và sự thể hiện tình cảm, cảm xúc trong thơ

Trước khi dạy VB 1, GV cần hướng dẫn HS hiểu một số tri thức về thể loại thơ đã được trình bày trong SGK. Tuy nhiên, những tri thức này khá trừu tượng, vì thế, GV nên:

– Lấy một bài thơ làm ví dụ, có thể lấy những bài HS đã học ở lớp 6 như: *Việt Nam quê hương ta, Những cánh buồm.*

– Hướng dẫn HS cảm nhận những cảm xúc được khơi dậy từ việc đọc bài thơ và tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh sắc, con người,… khơi gợi lên cảm xúc đó.

– Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS nhận biết: thơ được sáng tác nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước những khoảnh khắc của đời sống. Ngôn ngữ thơ có khả năng truyền cảm, lan toả tình cảm, cảm xúc ấy nhờ được tổ chức một cách đặc biệt, độc đáo. GV có thể cho HS xác định vần, nhịp, một số biện pháp tu từ đã được sử dụng trong bài thơ mà GV đã lấy làm ví dụ, tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung bài thơ.

Khi tổ chức cho HS đọc hiểu VB 1 và 2, GV cần hướng dẫn HS sử dụng những tri thức này để đọc hiểu VB, đồng thời, qua VB, hiểu rõ hơn tri thức về thể loại thơ.

2. Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh

Trong bài này, HS được học về ngữ cảnh và cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh. GV cung cấp kiến thức về ngữ cảnh bằng cách yêu cầu HS đọc nội dung tri thức tiếng Việt trong SGK. Với nội dung này, GV có thể tổ chức dạy học bằng phương pháp thuyết trình, dạy theo mẫu kết hợp với đàm thoại gợi mở để thông báo, phân tích, hướng dẫn HS rút ra những đơn vị kiến thức cơ bản như:

– Ngữ cảnh của một từ là những yếu tố ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ xung quanh nó.

– Trong mỗi ngữ cảnh, từ thể hiện khả năng kết hợp với các yếu tố khác, qua đó bộc lộ một nghĩa xác định nào đó. Khi gặp một từ không biết nghĩa, có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ.

– Khi xác định nghĩa của từ, cần phải lưu ý xem trong ngữ cảnh này, từ có được dùng với nghĩa thông thường (nghĩa có trong từ điển) hay được dùng với nghĩa khác.

Đây là lần đầu tiên HS được học về ngữ cảnh và cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh nên trong quá trình dạy, GV cần nêu câu hỏi để kiểm tra xem HS đã hiểu rõ khái niệm ngữ cảnh và cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh hay chưa. Cần khuyến khích HS nêu câu hỏi về những điểm chưa rõ. Ngoài ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác bên ngoài và phân tích để HS hiểu rõ và có thể vận dụng kiến thức để làm bài tập ở phần *Thực hành tiếng Việt.*

Lưu ý: GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Tri thức Ngữ văn* kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

Để HS có thể tự đọc được những văn bản cùng thể loại, GV cần đọc mẫu và tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB 1 và 2 để cảm nhận được vần, nhịp của bài thơ.

Sau đó, GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

– Dựa vào những căn cứ nào mà em xác định được VB 1 và 2 thuộc thể loại thơ?

– Theo em, khi đọc thơ cần chú ý điều gì về vần điệu và cách ngắt nhịp của bài thơ?

2. Kĩ năng tưởng tượng và suy luận

Trong bài học này GV nên tập trung dạy kĩ năng tưởng tượng và suy luận. Ngôn ngữ thơ thường giàu hình ảnh và có tính hàm súc cho nên để hiểu VB, người đọc phải hình dung, tưởng tượng, đồng thời phải biết suy luận.

Ở lớp 6, HS đã được hình thành kĩ năng tưởng tượng và suy luận trong đọc thơ thông qua 2 bài học *Vẻ đẹp quê hương* và *Gia đình yêu thương*. Kĩ năng tưởng tượng và suy luận cũng đã được hướng dẫn trong một số bài trước trong SGK *Ngữ văn 7* nên ở bài này, GV chỉ cần nhắc lại và tiếp tục hình thành và phát triển kĩ năng này cho HS. Cách dạy có thể như sau:

Trước khi tổ chức cho HS đọc hiểu VB, cần tổ chức khơi gợi để HS nhớ lại và nhắc lại 2 kĩ năng quan trọng khi đọc thơ là kĩ năng tưởng tượng và suy luận (HS đã học ở lớp 6).

Nếu HS chưa vững về hai kĩ năng này, GV có thể làm mẫu lại hai kĩ năng. Ví dụ GV chọn đọc một đoạn/ khổ có trong VB, làm mẫu kĩ năng suy luận bằng cách nói to suy nghĩ (kĩ thuật think – aloud) của GV khi thực hiện kĩ năng này để HS quan sát và nhớ lại. Chẳng hạn, GV có thể chọn câu *Mẹ đã bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ* và nói: "Sao lại nói "Mẹ đã bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ" nhỉ? Mẹ đã bế ai vào nhà? Chắc là em bé. Vậy em bé được nhà thơ gọi là "nỗi đợi vẫn nằm mơ". Cách mô tả thật độc đáo nhưng cũng thật có lí. Vì em bé đợi mẹ đến nỗi ngủ quên. Và trong giấc ngủ em bé mơ mẹ về chăng?". Nếu cần làm mẫu lại kĩ năng tưởng tượng, GV làm tương tự.

Sau bước làm mẫu, GV nên mời 1 – 2 HS thực hành kĩ năng. GV tổ chức cho các HS khác nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng (chú ý nhận xét cách thực hiện kĩ năng không chỉ nhận xét nội dung trả lời câu hỏi).

Ở VB 2, GV có thể cho HS thực hành và góp ý theo cặp, một HS thực hiện, một HS quan sát, góp ý. Sau đó, GV khơi gợi để HS chốt lại cách thực hiện kĩ năng để củng cố kiến thức.

Nếu HS đã nhớ về hai kĩ năng này, GV có thể bỏ qua bước làm mẫu ở trên.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *ĐỢI MẸ*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.	1, 2, 3
Nhận biết được thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc	5, 6
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	4

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em chia sẻ nhanh ý gợi ý trong SGK.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để hướng dẫn HS trao đổi về:

– Những kĩ năng đọc đã được học ở các lớp dưới.

– Một người đọc hiệu quả thường sử dụng kĩ năng *tưởng tượng* và *suy luận* như thế nào.

Sau đó, GV triển khai như đã gợi ý ở mục *2. Kĩ năng tưởng tượng và suy luận*.

Lưu ý: Nhắc HS khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu thì dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV có thể yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box như thế nào. Tuy nhiên, để tránh làm đứt mạch cảm xúc, tư duy của HS, GV có thể nhận xét ngắn gọn. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng hơn là nội dung câu trả lời của HS.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Từ ý đã được nhấn mạnh trong phần *Tri thức Ngữ văn*: "Ngôn ngữ thơ có khả năng truyền cảm, lan toả tình cảm, cảm xúc nhờ được tổ chức một cách đặc biệt, độc đáo thể

hiện qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các biện pháp tu từ,...", GV kết nối để tổ chức cho HS tìm hiểu VB thông qua việc trả lời hệ thống câu hỏi 1, 2, 3, 4. Việc trả lời những câu hỏi này nhằm đạt hai yêu cầu cần đạt là giúp HS *nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ* đồng thời *nhận biết* được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. GV nên chú ý mức độ cần đạt được thể hiện qua các động từ: *nhận biết*, *nhận xét*, tránh đưa ra những yêu cầu quá tải đối với HS.

GV có thể cho HS nêu cảm nhận của mình về tâm trạng đợi mẹ của bé, tình cảm, cảm xúc của người viết (mức *nhận biết*) và sau đó chỉ ra những dẫn chứng cụ thể về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, và biện pháp tu từ và *nhận xét* nét độc đáo trong cách dùng các từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, và biện pháp tu từ trong việc thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả, tâm trạng đợi mẹ của bé.

Để thực hiện việc trên, GV có thể thiết kế phiếu học tập để HS hợp tác thực hiện hoặc dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để khai thác các câu hỏi 1, 2, 3, 4.

Câu 1: Cách gieo vần linh hoạt (*Mẹ lẫn trên cánh đồng. Đồng lúa lẫn vào đêm,... Đom đóm bay ngoài ao. Đom đóm đã vào nhà,... lung linh trắng vườn hoa mận trắng*), ngắt nhịp độc đáo (dòng 2, 8 và dòng 3, 11) của bài thơ làm cho âm hưởng bài thơ thay đổi, góp phần diễn tả tâm trạng chờ đợi mẹ của bé.

Câu 2: Các từ ngữ: *ngồi nhìn, lẫn, trống trải, chờ, khuya, bế* và các hình ảnh *em bé ngồi nhìn ra ruộng lúa, vầng trăng non, đom đóm bay, bàn chân mẹ lội bùn ì oạp, hoa mận trắng lung linh, mẹ bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ* và biện pháp tu từ nhân hoá,... diễn tả được tâm trạng đợi mẹ của em bé.

Câu 3: Câu thơ *Mẹ đã bế vào nhà nỗi đợi vẫn nằm mơ* diễn tả một cách hình tượng, độc đáo, làm rõ tình yêu mẹ của bé (chờ mẹ đến ngủ quên ngoài đầu hè) cũng như tình yêu bé của mẹ (âu yếm, thương yêu). Hình ảnh ví bé như *nỗi đợi vẫn nằm mơ* là một cách nói rất độc đáo, thú vị.

Câu 4: Qua cách tác giả lựa chọn miêu tả bằng những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ độc đáo như trên, có thể thấy được tình cảm triu mến, thương yêu của tác giả.

Câu 5: GV có thể yêu cầu HS nhắc lại cách xác định thông điệp của VB vì HS đã học cách này từ lớp 6 và các bài trước. Hướng dẫn HS đọc lại toàn VB, chú ý những từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng, cảm xúc như đã khai thác ở câu hỏi 1, 2, 3, 4. Đồng thời nhắc HS liên hệ với kiến thức, kinh nghiệm của chính mình để xác định thông điệp của bài thơ: tình cảm con với mẹ, mẹ với con là một trong những tình cảm thiêng liêng, trân quý nhất của con người.

Câu 6: Đây là một câu hỏi mở, GV nên để HS tự do bày tỏ suy nghĩ của mình về tình cảm giữa những người thân trong gia đình. Việc HS viết đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ giúp kết nối đọc với viết, đồng thời cũng giúp các em tự do bày tỏ suy nghĩ.

VĂN BẢN 2: *MỘT CON MÈO NẰM NGỦ TRÊN NGỰC TÔI*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*
Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.	1, 3, 4
Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.	5
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	2

Câu 6 được thiết kế nhằm phát triển năng lực sáng tạo của HS, tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua VB để bộc lộ cảm xúc của bản thân đối với thiên nhiên, loài vật theo cách phù hợp nhất: vẽ tranh, làm thơ, viết nhật kí, sưu tầm những bức ảnh, bản nhạc,... có liên quan.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh về câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kĩ thuật *trình bày một phút*.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV đọc diễn cảm bài thơ, hướng dẫn HS cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm của tác giả thể hiện trong VB. Sau đó, tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB trong nhóm hoặc cá nhân. Trong quá trình HS đọc VB, GV nhắc HS chú ý đến những câu hỏi được trình bày bên cạnh VB.

Ví dụ như với đoạn thơ thứ ba, GV cho HS dừng đọc vài phút để thực hiện câu hỏi suy luận: "Theo em, trái tim của nhân vật "tôi" ca hát về điều gì?". Sau đó, để kiểm tra việc thực hiện kĩ năng này của HS, GV có thể mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến của mình và lí giải vì sao em suy luận như vậy. Sau khi HS trả lời, GV có thể hỏi HS: "Dựa vào những từ ngữ, hình ảnh nào mà em có được kết luận đó?". Tuy nhiên, GV không nên dừng quá lâu hoạt động này để tránh phá vỡ mạch cảm xúc khi đọc thơ của HS.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Với hệ thống câu hỏi trong SGK, GV có thể sử dụng linh hoạt tuỳ theo điều kiện thực tế, trình độ nhận thức và khả năng tương tác của HS, cụ thể là:

– *Cách 1*: Sử dụng câu hỏi đúng theo trình tự trong SGK.

– *Cách 2*: Điều chỉnh lại câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác hoặc đặt thêm một số câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để hỗ trợ HS trả lời tốt hơn câu hỏi trong SGK.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý sau:

Câu 1: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả "con mèo nằm ngủ trên ngực tôi" trong khổ thơ thứ hai, ví dụ:

– Từ ngữ: *trong veo, nhọn hoắt, nỗi kinh hoàng, móng vuốt.*

– Hình ảnh: *con mèo nằm ngủ trên ngực tôi; đôi mắt biếc trong veo, hàm răng nhọn hoắt, móng vuốt khép lại; ngủ như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ,...*

Sau đó, yêu cầu HS nhận xét nét độc đáo của những từ ngữ, hình ảnh vừa tìm được. Trên cơ sở đó, HS nêu cảm nhận của mình về hình ảnh.

Câu 2: Hướng dẫn HS nhận biết tình cảm, cảm xúc của nhân vật tôi khi để cho một chú mèo ngủ yên trên ngực mình theo gợi ý sau: Yêu cầu HS đọc lại cả bài thơ, đặc biệt là khổ thơ thứ nhất, khổ thơ thứ tư và khổ thơ cuối để xác định được những câu thơ bộc lộ trực tiếp cảm nhận của nhân vật tôi như:

– *Tôi nằm nghe nhịp nhàng thánh thót. Trái tim tôi hoà nhịp trái tim mèo.*

– *Trái tim tôi một phút bỗng mềm đi. Một nỗi gì lâng lâng như hạnh phúc.*

– *Tôi nằm nghe trái tim mình ca hát. Trên ngực tôi nằm ngủ một con mèo.*

Trên cơ sở đó HS có thể nhận ra cảm nhận của nhân vật tôi: hạnh phúc, tràn ngập tình yêu thương, muốn đùm bọc, chở che cho chú mèo bé nhỏ.

Câu 3: Hướng dẫn HS xác định các biện pháp tu từ, cách ngắt nhịp và tác dụng của chúng trong khổ thơ thứ năm. GV có thể thiết kế phiếu học tập để HS hợp tác thực hiện hoặc dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để HS xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ (ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, điệp cấu trúc), cách ngắt nhịp (2/2/3/2 ở những dòng thơ vỗ về chú mèo con, và nhịp 5/5, hoặc 3/2/3/2 trong dòng thơ cuối,...) và nhận xét tác dụng của chúng (diễn tả sinh động vẻ đẹp hình thể và tính cách của con mèo, gợi liên tưởng thú vị và sâu sắc cho người đọc; cách ngắt nhịp chậm rãi khiến cho cảm xúc của nhân vật tôi trở nên nhẹ nhàng, sâu lắng).

Câu 4: Hướng dẫn HS nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của các từ ngữ "trên ngực tôi", "trái tim" thể hiện qua VB. Đối với câu hỏi này, GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để liệt kê những dòng thơ có sử dụng các từ ngữ "trên ngực tôi", "trái tim". Từ đó, hướng dẫn HS nhận xét về cách tác giả sử dụng các từ ngữ ấy trong bài thơ bằng câu hỏi gợi ý sau: *Theo em, các từ ngữ "trên ngực tôi", "trái tim" được tác giả sử dụng nhiều lần trong bài thơ nhằm mục đích gì?*

Câu 5: Hướng dẫn HS xác định và phân tích thông điệp mà tác giả gửi gắm thông qua VB bằng cách yêu cầu HS đọc lại toàn bộ VB, chú ý những từ ngữ, hình ảnh miêu tả "một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi", tâm trạng của nhân vật tôi khi có một con mèo ngủ yên trên ngực mình và tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện thông qua VB. Đối với câu hỏi "Thông điệp ấy gợi cho em suy nghĩ gì?", GV yêu cầu HS liên hệ với kiến thức, trải nghiệm của chính mình và trả lời cá nhân. Sau khi HS trả lời, GV có thể gợi ý:

– Thông điệp của tác giả: Hãy yêu thương, chăm sóc các loài vật sống quanh ta; hạnh phúc đến từ việc được yêu thương, che chở, đùm bọc người khác, kể cả loài vật bé nhỏ; hãy lắng nghe trái tim mình, để cho trái tim rung động trước những tình cảm nhân ái ấy.

– Ý nghĩa: Thông điệp này gợi cho em tình cảm cao đẹp với muôn loài, dạy cho em cách sống đầy tình thương với con vật, tình yêu thương mang lại cho con người những cảm xúc đẹp, con người trở nên "người" hơn khi biết chở che, đùm bọc cho loài vật.

Câu 6: GV có thể dùng câu hỏi này như một nhiệm vụ học tập của hoạt động *Vận dụng* trong tiến trình dạy đọc VB.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *LỜI TRÁI TIM*

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Đợi mẹ* và *Một con mèo ngủ trên ngực tôi* để hiểu hơn về chủ điểm *Lắng nghe trái tim mình*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Trước khi đọc, GV có thể cho HS quan sát bức tranh về đoàn người cưỡi lạc đà đi qua sa mạc trong SGK để chia sẻ cảm nhận của mình về bức tranh. GV cũng có thể yêu cầu một số HS chia sẻ hiểu biết, cảm nhận về tiểu thuyết này nếu đã đọc từ trước.

Tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV có thể đến một số nhóm để đọc cùng HS.

Đây là VB đọc kết nối chủ điểm, do đó khi dạy bài này GV không khai thác đặc trưng thể loại mà chỉ hướng dẫn HS khám phá nội dung của VB. Lí do: (1) Thể loại chủ đạo của bài này là thơ; (2) Mục đích của VB đọc kết nối chủ điểm là nhằm làm nổi bật vẻ đẹp của nội dung chủ điểm *Lắng nghe trái tim mình*.

Trước tiên, GV tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm và ghi ngắn gọn hoặc trình bày cảm nhận sơ bộ của mình về VB, chọn lời thoại mà mình tâm đắc nhất. Sau đó, có thể tổ chức cho HS đọc phân vai, gồm 3 vai: người dẫn chuyện, nhà luyện kim đan và cậu bé chăn cừu. Mục đích của hoạt động này là để HS trực tiếp cảm nhận VB, đưa ra những kiến giải ban đầu về nội dung của VB.

Tiếp theo cho HS đọc và tìm hiểu VB qua hệ thống câu hỏi trong SGK.

Câu 1: GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, chú ý lời thoại của nhân vật nhà luyện kim đan ở phần đầu của đoạn hai để trả lời: Theo nhà luyện kim đan, cậu bé chăn cừu cần lắng nghe trái tim mình bởi vì "trái tim của cậu ở đâu thì kho báu cậu cần tìm ở đó", "vì cậu chẳng bao giờ bắt nó im lặng được nữa",...

Câu 2: Yêu cầu HS tiếp tục làm việc cặp đôi, chú ý lời thoại của nhà luyện kim đan ở phần sau của đoạn hai để trả lời: Theo nhà luyện kim đan, để không bị trái tim đánh bất ngờ, cậu bé chăn cừu cần lắng nghe nó nói, hiểu rõ nó muốn gì, mơ ước gì thì cậu sẽ biết cách ứng xử phù hợp.

Câu 3: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu đọc kĩ đoạn 3. Có thể sử dụng phiếu học tập sau để hướng dẫn thảo luận:

Ý kiến của nhà luyện kim đan: "sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ".	
Ý kiến của tôi	(đồng tình hay không đồng tình?)
Lí lẽ	(vì sao?)

Câu 4: Hướng dẫn HS đọc nhanh toàn bộ VB một lần nữa và chọn ra lời thoại về việc lắng nghe tiếng nói trái tim mà em yêu thích nhất và lí giải vì sao.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được ngữ cảnh, xác định được nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở mục *Tìm hiểu tri thức Ngữ văn*.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây GV có thể nhắc lại hoặc tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS.

3. Thực hành tiếng Việt

Mục đích của bài tập 1, 2, 3 và 4 là để HS có cơ hội vận dụng kiến thức về ngữ cảnh và cách xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

Bài tập 1:

a. Để tăng tính chủ động của HS, GV có thể hướng dẫn như sau:

– Đề nghị HS dựa vào từ điển để nêu nghĩa thông thường của từ "non": Ở giai đoạn mới mọc, mới sinh ra, chưa phát triển đầy đủ.

– Yêu cầu HS cho biết từ "non" trong đoạn thơ được dùng với nghĩa trong từ điển hay nghĩa chuyển.

– Hướng dẫn HS xác định nghĩa của từ "non" trong đoạn thơ đã cho. Gợi ý HS chú ý đến nghĩa trong từ điển của từ "non", ngữ cảnh như "trời tối", "trăng" để có thể hiểu được chính xác ý tác giả khi dùng từ "non". "Non" trong đoạn thơ này dùng để chỉ ý "(trăng) khuyết, chưa tròn". Theo đó, trăng non là vầng trăng đầu tháng chưa tròn, còn khuyết.

– Yêu cầu HS giải thích căn cứ vào đâu mà HS xác định được nghĩa của từ trên như vậy.

b. Từ kết quả câu *a*, HS cần rút ra được là khi xác định nghĩa của từ phải dựa vào ngữ cảnh.

Bài tập 2:

a. Yêu cầu HS đọc lại bốn dòng thơ và dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ "mềm". Lưu ý, HS cần dựa vào các cụm từ: "lâng lâng", "như là hạnh phúc", "được âu yếm", "được vuốt ve", "đùm bọc",... để xác định từ "mềm" không được dùng với nghĩa thông thường, nghĩa là "dễ biến dạng dưới tác dụng của lực cơ học" mà được dùng với nghĩa bóng để chỉ ý "(trái tim) dịu dàng, tràn ngập tình yêu thương".

b. Tổ chức cho cả lớp thi đặt câu có từ "mềm" được dùng với nghĩa bóng như trên.

Bài tập 3: Tổ chức cho HS làm bài tập theo nhóm, có thể theo cách sau:

a. Xác định nghĩa của từ "câm nín" trong đoạn văn

– Yêu cầu HS đọc kĩ đoạn trích trong bài tập.

– Xác định nghĩa thông thường (nghĩa từ điển) của từ "câm nín" (có thể dùng từ điển đối với HS yếu) là "nín lặng, không nói một lời" và xem xét từ "câm nín" trong ngữ cảnh này có thể được dùng với nghĩa này hay không.

– Xác định nghĩa của từ "câm nín" trong ngữ cảnh này: Từ được dùng với nghĩa bóng, "câm nín" nghĩa là trái tim không gửi thông điệp, những cảm nhận của nó đến cho cậu bé chăn cừu.

b. *Gợi ý*: Có thể dựa vào ngữ cảnh để nhận ra ý nghĩa của một từ.

Bài tập 4:

a. "khai khẩn": làm cho đất hoang trở thành đất trồng trọt.

b. "quán xuyến": đảm đương được tất cả.

c. "người vị kỉ": người luôn vì lợi ích của bản thân, không biết nghĩ cho người khác.

d. "thiết tha": luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến.

Cách xác định nghĩa của những từ trên: dựa vào ngữ cảnh của từ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *MẸ*

1. Yêu cầu cần đạt

– Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.

– Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Thực hành đọc

GV có thể cho HS tự đọc VB ở nhà và trả lời các câu hỏi hướng dẫn trong SGK. Thời gian trên lớp sẽ dùng để HS trao đổi kết quả đọc của mình trong nhóm nhỏ (khoảng 4 HS). Sau đó, GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ trước lớp (nếu không đủ thời gian thì chỉ chọn vài nhóm). Khi các nhóm thảo luận, GV đi hỗ trợ và dự kiến chọn một số nhóm có những ý kiến khác nhau để trình bày trước lớp. Dựa trên việc trình bày của HS, GV bổ sung, giúp HS ôn lại cách đọc hiểu một bài thơ. Hoạt động đọc mở rộng theo thể loại có thể thực hiện ngay sau phần đọc hoặc có thể kết hợp với hoạt động ôn tập cuối bài.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI

1. Yêu cầu cần đạt

Viết được bài văn biểu cảm về con người.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

GV nên giảng giải ngắn về kiểu bài hoặc yêu cầu HS thảo luận, điền vào bảng sau:

Yêu cầu kiểu bài văn biểu cảm về con người

Đặc điểm tình cảm biểu hiện trong bài văn	
Ngôi để chia sẻ cảm xúc	
Yếu tố hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc	

3. Phân tích kiểu văn bản

GV cho HS đọc VB mẫu, sau đó hướng dẫn các em quan sát kĩ:

– Phần mở bài, thân bài và kết bài.

– Các chữ số xuất hiện đan xen trong VB để lưu ý HS một đặc điểm nào đó của bài văn biểu cảm về con người.

– Các box nhỏ được đánh số thứ tự nằm bên phải VB.

Với thao tác này, HS bước đầu hình dung được đặc điểm của kiểu bài văn biểu cảm về con người. Tiếp theo, GV cho HS trả lời các câu hỏi trong SGK để củng cố kiến thức về đặc điểm của kiểu bài văn biểu cảm về con người.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu

Trước một tuần, GV yêu cầu HS chọn người mà em yêu quý để viết bài văn biểu cảm và dựa vào những hướng dẫn trong SGK để xác định đề tài, mục đích và thu thập tư liệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hướng dẫn HS thực hiện các bước trong mục tìm ý, sau đó dùng phiếu học tập sau đây để lập dàn ý:

Mở bài	• Nhân vật muốn biểu lộ cảm xúc • Cảm xúc sâu sắc dành cho nhân vật
Thân bài	• Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc thông qua việc kể, tả lại các kỉ niệm cảm động, đáng nhớ về nhân vật • Với mỗi cảm xúc cần có lí giải nguyên nhân
Kết bài	• Khẳng định tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật • Điều đáng nhớ đối với bản thân

Sau đó, cho HS chia sẻ dàn ý trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết bài

GV nhắc HS khi viết bài cần bám vào dàn ý, đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với kiểu bài văn biểu cảm về con người để viết đúng kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Tổ chức thực hiện bước này theo quy trình sau:

– Yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh bài viết.

– Đổi bài với bạn cùng nhóm để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Việc chia sẻ bài văn sẽ được thực hiện vào tiết công bố bài viết hoặc trên Google Classroom, Padlet của lớp.

Chân trời sáng tạo

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

2. Thực hành nói và nghe

Đây là một bài tiếp nối chuỗi bài hướng dẫn HS cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Vì vậy, trước hết GV nên khơi gợi kích hoạt kiến thức nền của HS về cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống, cách nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, cách bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. GV có thể dùng trò chơi, dùng kĩ thuật động não hoặc đơn giản là câu hỏi đàm thoại gợi mở để thực hiện kích hoạt kiến thức nền.

Sau đó, GV hướng dẫn HS thực hiện các bước như trong SGK.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

GV có thể lưu ý HS bằng cách nêu câu hỏi: *Trước khi nói, chúng ta cần phải xác định những gì?*

Gọi 1 – 2 HS trả lời và đề nghị HS làm theo các bước để xác định rõ đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói của bài nói của mình.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

GV lưu ý HS đọc hướng dẫn trong SGK và thực hiện. GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

GV hướng dẫn HS theo các gợi ý trong SGK. Có thể cho HS trao đổi về những việc các em đã làm tốt và chưa tốt khi trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống ở các bài trước, từ đó các em xác định bản thân cần chú ý vấn đề gì khi trình bày bài nói lần này. Sau đó, GV tổ chức cho HS trình bày bài nói của mình theo cặp.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Chia nhóm 2 HS, mỗi em trình bày bài nói của mình cho bạn nghe và góp ý dựa trên *Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* đã được giới thiệu ở bài 6. GV quan sát, hỗ trợ các nhóm.

Nếu còn thời gian, GV có thể mời 1, 2 nhóm trình bày lại trước lớp. HS A trình bày và tự đánh giá dựa trên bảng kiểm, HS B nhận xét bài trình bày của bạn dựa trên bảng kiểm. GV có thể mời các HS khác nhận xét thêm. GV cũng có thể bổ sung thêm những lưu ý cần thiết nhưng tránh áp đặt, cần khuyến khích, khen ngợi và góp ý nhẹ nhàng.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập GV cần hướng dẫn HS tự làm các bài tập trong mục ôn tập. Trên lớp học, GV tổ chức cho HS trình bày các bài tập đã làm. Dưới đây là gợi ý cách tổ chức và câu trả lời:

Câu 1: Dựa vào các bài tập đã làm ở phần trên, GV yêu cầu HS liệt kê những từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ độc đáo của từng VB *Đợi mẹ*, *Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi*, *Mẹ*. Dựa trên các dẫn chứng này, HS đưa ra các nhận xét chung về nét độc đáo của thơ: Ngôn ngữ thơ được nhà thơ tổ chức một cách đặc biệt, độc đáo để truyền, lan toả tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước những khoảnh khắc của đời sống.

Câu 2: Hướng dẫn HS đọc lại khái niệm thơ (mục *Tri thức Ngữ văn*), từ đó rút ra kinh nghiệm khi đọc thơ. HS có thể nêu các kinh nghiệm như: cần chú ý tìm hiểu các từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ đã được sử dụng trong bài thơ và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung bài thơ.

Câu 3: Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp để xác định nghĩa các từ.

Gợi ý câu trả lời:

a. Nghĩa của các từ "bay" trong đoạn thơ trên là:

– bay_1 được dùng với nghĩa thông thường là "di chuyển ở trên không".

– bay_2 và bay_3: được dùng với nghĩa bóng để chỉ ý "trưởng thành, phát triển".

b. Nghĩa của từ bay_1 và từ bay_2, bay_3 không có liên quan với nhau.

Câu 4: Hướng dẫn HS thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ về đặc điểm của bài văn biểu cảm về con người.

Gợi ý câu trả lời:

– Kết hợp biểu cảm với tự sự, miêu tả.

– Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.

– Biểu lộ tình cảm, cảm xúc sâu sắc dành cho nhân vật.

– Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân.

Câu 5: Đây là câu hỏi mở, HS có thể trả lời dựa trên cảm nhận cá nhân. Câu trả lời có thể là:

– Cần chuẩn bị trước các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về vấn đề sẽ trình bày.

– Khi nói cần nói rõ, rành mạch, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.

– Ghi nhận và phản hồi những câu hỏi của người nghe một cách thoả đáng.

– Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe một cách lịch sự, không gây xung đột.

Câu 6: GV nêu lại câu hỏi lớn ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài ý trình bày suy nghĩ của mình về lí do vì sao chúng ta cần lắng nghe tiếng nói trái tim mình. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp.

Cánh diều sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập mĩ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG
Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG
Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 7 – TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)
Mã số: G2HG7V002M22
In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/42-397/GD
Số QĐXB:..... ngày .... tháng.... năm 20 ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ....năm 20....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-32000-1
Tập hai: 978-604-0-32001-8

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
   Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
   Sách giáo viên
3. TOÁN 7
   Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 7
   Friends Plus - Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
   Sách giáo viên
6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
   Sách giáo viên
7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
   Sách giáo viên
8. CÔNG NGHỆ 7
   Sách giáo viên
9. TIN HỌC 7
   Sách giáo viên
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
    Sách giáo viên
11. ÂM NHẠC 7
    Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
    Sách giáo viên
14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)
    Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

ISBN 978-604-0-32001-8

9 786040 320018

Giá: 24.000 đ

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.